CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:4722/2009/QĐ-UBND	*Việt Trì, ngày 29 tháng 12 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH
Về giá các loại đất năm 2010 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 80/2005/TT-BTC ngày 15/9/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc tổ chức mạng lưới thống kê và điều tra khảo sát, thống kê báo cáo giá các loại đất theo quy định tại Nghị định số 188/2004/NĐ-CP; Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 195/2009/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2008của Hội đồng nhân nhân tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về giá các loại đất năm 2010 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 3989/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008, các Quyết định khác trái với Quyết định này của UBND tỉnh Phú Thọ và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/ 01/ 2010.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Các Bộ: TNMT, TC, TP;
- TTTU, TTHĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể;
- Như Điều 3;
- Công báo (2b);
- Website Chính phủ;
- CVP, Các PVP, Chuyên viên NCTH;
- Lưu VT, KT3(110b)..

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hải

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về giá các loại đất năm 2010 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4722 /2009/QĐ- UBND ngày 29 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh Phú Thọ).

Điều 1. Quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ là Văn bản cụ thể hoá Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ và Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 6/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP. Giá đất các loại được sử dụng làm căn cứ để:

- Tính thuế sử dụng đất và thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

- Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34 và Điều 35, Luật Đất đai năm 2003.

- Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33, Luật Đất đai năm 2003.

- Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hoá, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 59, Luật Đất đai năm 2003.

- Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40, Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, thì mức giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất không được thấp hơn mức giá do UBND tỉnh quy định tại Quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc và phương pháp xác định giá đất.

1- Nguyên tắc xác định giá đất.

a- Phân vùng đất.

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Việc phân vùng đất căn cứ vào Điều 8, Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 và kế thừa bảng giá đất tại Quyết định số 3989/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND tỉnh Phú Thọ. Đất được chia thành 2 vùng: đồng bằng, trung du và miền núi, trong đó:

- Vùng đồng bằng : 29 xã

- Vùng trung du, miền núi: 248 xã

b- Phân hạng đất:

- Hạng đất để định giá đất áp dụng theo hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp ở địa phương được Chính phủ phê duyệt.

- Phân hạng đất để định giá cho các loại đất: Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thuỷ sản, các loại đất nông nghiệp khác.

- Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993, Nghị định số 73/CP ngày 25/10/1993 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp, Thông tư liên bộ số 92/TT-LB ngày 10/11/1993 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp - Công nghiệp thực phẩm - Tổng cục quản lý ruộng đất hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/CP và kế thừa việc phân hạng đất theo Quyết định số 3989/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND tỉnh. Đất nông nghiệp các loại được phân hạng cho cả 2 vùng: đồng bằng, trung du và miền núi như sau:

+ Đất trồng cây hàng năm được phân từ hạng 1 đến hạng 6.

+ Đất nuôi trồng thuỷ sản được phân từ hạng 1 đến hạng 6.

+ Đất trồng cây lâu năm được phân từ hạng 1 đến hạng 5.

+ Đất rừng sản xuất được phân từ hạng 1 đến hạng 5.

+ Đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng được phân từ hạng 1 đến hạng 5.

c- Phân loại khu vực để xác định giá đất (*đối với đất ở tại nông thôn)*

Khu vực 1 có khả năng sinh lợi cao nhất, có điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi nhất; khu vực 2 và khu vực 3 có khả năng sinh lợi và kết cấu hạ tầng kém thuận lợi hơn.

d- Phân loại đô thị *(đối với đất ở tại đô thị)*

Đô thị bao gồm:

- Đô thị loại 2: Thành phố Việt Trì.

- Đô thị loại 4: Thị xã Phú Thọ.

- Đô thị loại 5: Thị trấn các huyện còn lại .

e- Phân loại vị trí

*Đối với đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị

- Vị trí của từng loại đất trong từng khu vực (đối với đất ở tại nông thôn) được xác định căn cứ vào khả năng sinh lợi, khoảng cách tới mặt tiền của các trục đường giao thông và điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi cho sinh hoạt, kinh doanh và cung cấp dịch vụ theo nguyên tắc vị trí số 1 có mức sinh lợi cao nhất, có điều kiện kết cấu

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

hạ tầng thuận lợi nhất, gần trục đường giao thông chính nhất, các vị trí tiếp sau đó theo thứ tự từ thứ hai trở đi có mức sinh lợi và điều kiện kết cấu hạ tầng kém thuận lợi hơn.

- Vị trí đất trong từng loại đường phố của từng loại đô thị được xác định căn cứ vào khả năng sinh lợi, điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh dịch vụ, du lịch và khoảng cách so với trục đường giao thông. Vị trí đất trong từng loại đường phố của từng loại đô thị được phân thành các loại vị trí có số thứ tự từ 1 trở đi. Vị trí số 1 áp dụng đối với đất liền cạnh đường phố (mặt tiền) có mức sinh lợi cao nhất, có điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi nhất, các vị trí tiếp sau đó theo thứ tự từ thứ 2 trở đi áp dụng đối với đất không ở liền cạnh đường phố có mức sinh lợi và điều kiện kết cấu hạ tầng kém thuận lợi hơn.

* Đối với đất nông nghiệp:

Phân loại vị trí của đất được xác định căn cứ và khoảng cách từ nơi cư trú của cộng đồng người sử dụng đất tới nơi sản xuất, khoảng cách từ nơi sản xuất tới nơi thị trường tiêu thụ tập trung và mức độ thuận tiện về giao thông, có kết hợp giữa yếu tố khoảng cách với các yếu tố chất đất, địa chất, địa hình, khí hậu, thời tiết và điều kiện tưới tiêu theo 3 vùng được xác định theo nguyên tắc: Vị trí 1 áp dụng đối với đất có khoảng cách từ nơi cư trú của cộng đồng người sử dụng đất tới nơi sản xuất, khoảng cách từ nơi sản xuất so với thị trường tiêu thụ tập trung gần nhất và thuận lợi về giao thông. Các vị trí tiếp sau đó theo thứ tự từ thứ 2 trở đi có khoảng cách xa hơn và giao thông ít thuận lợi hơn...

g- Khu vực đất giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giữa các huyện, thành, thị.

- Đối với đất nông nghiệp tại khu vực đất giáp ranh được xác định từ đường phân địa giới hành chính với các tỉnh vào sâu địa phận tỉnh Phú Thọ tối thiểu 500 mét.

- Đối với đất phi nông nghiệp ở nông thôn tại khu vực đất giáp ranh được xác định từ đường phân địa giới hành chính với các tỉnh vào sâu địa phận tỉnh Phú Thọ tối thiểu 300 mét.

- Đối với đất phi nông nghiệp ở đô thị thuộc cùng 1 loại đô thị thì khu vực đất giáp ranh được xác định từ đường phân địa giới hành chính với các tỉnh vào sâu địa phận tỉnh Phú Thọ tối thiểu 200 mét.

- Trường hợp khu vực đất giữa các tỉnh bị ngăn cách bởi sông, hồ, kênh có chiều rộng từ 100 mét trở xuống thì khu vực đất giáp ranh được xác định từ bờ sông, bờ hồ, bờ kênh của mỗi bên sông, bên hồ, bên kênh vào sâu địa giới của tỉnh Phú Thọ theo quy định (500m, 300m, 200m) tương ứng với các loại đất giáp ranh nêu trên. Nếu chiều rộng của sông, hồ, kênh trên 100 mét thì không xếp loại đất giáp ranh.

- Khu vực đất giáp ranh giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được xác định theo nguyên tắc: Khoảng cách đất giáp ranh được xác định từ đường phân địa giới hành chính vào sâu địa phận mỗi huyện ,thành, thị tối thiểu 100m, có điều kiện tự nhiên, kết cấu hạ tầng như nhau, có cùng mục đích sử dụng hiện tại, cùng mục đích sử dụng theo qui định hiện hành thì mức giá đất tương đương nhau, nhưng mức giá tối đa không vượt khung giá đất do Chính phủ qui định.

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

- Trường hợp tại khu vực giáp ranh mà điều kiện kết cấu hạ tầng không như nhau thì giá đất tại khu vực đất giáp ranh được xác định căn cứ vào điều kiện thực tế của từng khu vực.

- Đối với đất ở tại nông thôn ở các vùng ven đô thị (các thôn tiếp giáp với thành phố, thị xã, thị trấn của các đô thị) thì giá đất tại các khu vực này được xác định theo nguyên tắc định giá cho các thửa đất liền kề và được vận dụng khung giá đất do Chính phủ qui định cho từng loại đô thị nằm liền kề.

2- Phương pháp định giá cụ thể cho từng loại đất.

a- Đất nông nghiệp:

- Đối với đất trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thuỷ sản, đất rừng sản xuất. Áp dụng phương pháp thu nhập để xác định giá. Khi định giá cho loại đất nào thì áp dụng khung giá do Chính phủ quy định đối với loại đất đó.

- Đối với đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng căn cứ vào giá đất rừng sản xuất do UBND tỉnh quyết định và căn cứ phương pháp định giá đất rừng sản xuất quy định tại Điều 13, Nghị định số 188/NĐ- CP để định giá cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Giá đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng được tính bằng 70% so với giá đất rừng sản xuất.

- Đối với đất hạng 1 của từng vùng (đồng bằng, trung du và miền núi) và từng loại đất có các yếu tố vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu, thời tiết và các điều kiện tưới tiêu tốt nhất ứng với giá cao nhất; các hạng tiếp sau đó theo thứ tự từ hạng 2 trở đi có các yếu tố kém hơn ứng với các mức giá thấp hơn.

- Phân loại vị trí đất nông nghiệp và hệ số

+ Đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm:

Vị trí 1: (Hệ số 1,2) áp dụng cho các phường thuộc Thành phố Việt Trì, Thị xã Phú Thọ, các thôn, khu tiếp giáp khu công nghiệp, khu thương mại, khu du lịch, khu đô thị mới; thị trấn Đoan Hùng (huyện Đoan Hùng), thị trấn Phong Châu (huyện Phù Ninh); thị trấn Yên Lập (Huyện Yên Lập), thị trấn Thanh Ba (huyện Thanh Ba), thị trấn Hạ Hoà (huyện Hạ Hoà); thị trấn Lâm Thao, thị trấn Hùng Sơn (huyện Lâm Thao), thị trấn Hưng Hoá (huyện Tam Nông), thị trấn Sông Thao (huyện Cẩm Khê); xã La Phù (huyện Thanh Thuỷ); xã Tân Phú (huyện Tân Sơn); thị trấn Thanh Sơn (huyện Thanh Sơn).

Vị trí 2: (Hệ số 1,1) áp dụng cho diện tích đất của các thôn, khu tiếp giáp với diện tích đất vị trí 1; xã Tiên Kiên (huyện Lâm Thao), xã Ninh Dân, Yên Nội (huyện Thanh Ba); xã Tây Cốc, Sóc Đăng (huyện Đoan Hùng); xã Hoàng Xá, Xuân Lộc (huyện Thanh Thuỷ), xã Cổ Tiết, Hồng Đà, Thượng Nông, Tam Cường, Văn Lương, Hương Nộn (huyện Tam Nông); xã Phú Lộc, xã Phù Ninh (huyện Phù Ninh); các xã còn lại của Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ; xã Đồng bằng còn lại các huyện.

Vị trí 3: (Hệ số 1) áp dụng cho các xã còn lại.

+ Đất nuôi trồng thuỷ sản, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng đặc dụng và rừng phòng hộ:

Vị trí 1: (Hệ số 1,2) áp dụng cho diện tích của các ô, thửa đất tiếp giáp với đường quốc lộ.

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Vị trí 2: (Hệ số 1,1) áp dụng cho diện tích của các ô, thửa đất tiếp giáp với đường tỉnh, đường huyện.

Vị trí 3: (Hệ số 1,0) áp dụng cho diện tích của các ô, thửa còn lại.

+ Giá đất nông nghiệp xác định theo vị trí:

Giá đất nông nghiệp xác định của từng vùng theo vị trí của các ô, thửa đất là giá đất xác định theo hạng đất nhân với hệ số vị trí của từng loại đất (Theo tiêu thức phân loại trên).

- Trường hợp đất vườn, ao, trong cùng một thửa có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở (trước đây là đất vườn tạp theo Luật đất đai năm 1993) được xác định bằng 02 lần giá đất nông nghiệp hạng cao nhất trong cùng địa bàn xã, phường, thị trấn của thửa đất đó nhưng không được cao hơn giá đất ở của thửa đất đó.

- Giá đất các trường hợp sau được quy định bằng 01 lần giá đất trồng cây lâu năm hạng cao nhất cùng vùng:

+ Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi địa giới phường trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt.

+ Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

- Đối với các loại đất nông nghiệp khác theo quy định của Chính phủ, căn cứ vào giá các loại đất nông nghiệp liền kề do UBND tỉnh quyết định và căn cứ phương pháp định giá đất đối với loại đất nông nghiệp liền kề quy định tại Điều 13, Nghị định số 188/NĐ-CP.

b- Đối với đất ở tại nông thôn và đất ở đô thị .

- Xây dựng bảng giá đất năm 2010 áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp thông qua việc tiến hành phân tích các mức giá thực tế đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên thị trường trong điều kiện bình thường tương tự về loại đất, diện tích thửa đất, loại đô thị, khu vực, đường phố và khả năng sinh lợi ở từng vị trí; Căn cứ Quyết định số 3066/2005/QĐ-UBND ngày 08/11/2005 của UBND tỉnh ban hành qui định về phân loại đường phố, vị trí đất trong từng loại đường phố, làm căn cứ xây dựng giá đất đô thị; Kế thừa việc định giá đất theo vị trí tại Quyết định số 3989/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND tỉnh và điều chỉnh mức giá tại những nơi có điều kiện kết cấu hạ tầng, vị trí thuận lợi trong kinh doanh để có mức giá tương ứng tại thời điểm hiện nay.

- Mức giá đất tại các vị trí trên các tuyến đường giáp ranh giữa các huyện, thành, thị trong tỉnh đều được xác định mức giá cụ thể trên cơ sở từng đoạn có điều kiện thuận lợi cho phù hợp với thực tế.

- Đất giáp ranh giữa các tỉnh được tham khảo, trao đổi với các tỉnh bạn.

- Đối với giá đất tại các thị trấn, thị tứ, được xem xét các điều kiện: vị trí đô thị trên các trục đường giao thông quan trọng, điều kiện thuận lợi về kết cấu hạ tầng, về hoạt động dịch vụ trên địa bàn để xác định.

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

c- Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và tại đô thị được tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề tại khu vực. Nếu các loại đất trên liền kề với nhiều loại khác nhau thì căn cứ vào giá loại đất có mức giá cao nhất.

d- Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá được tính bằng giá đất ở vị trí liền kề của khu vực. Nếu các loại đất trên liền kề với nhiều loại khác nhau thì căn cứ vào giá loại đất có mức giá cao nhất.

Điều 3. Giá đất được phân thành 5 loại chủ yếu:

1. Giá đất nông nghiệp:

a. Giá đất trồng cây hàng năm

b. Giá đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở nông thôn và đô thị nhưng không được cấp có thẩm quyền cấp GCN đất ở hoặc đất phi nông nghiệp khác.

c. Giá đất nuôi trồng thuỷ sản.

d. Giá đất trồng cây lâu năm.

e. Giá đất rừng sản xuất.

f. Giá đất rừng phòng hộ và giá đất rừng đặc dụng.

2. Giá đất ở tại nông thôn.

3. Giá đất ở tại đô thị.

4. Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và tại đô thị được tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề tại khu vực. Nếu các loại đất trên liền kề với nhiều loại khác nhau thì căn cứ vào giá loại đất có mức giá cao nhất.

5. Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá được tính bằng giá đất ở vị trí liền kề của khu vực. Nếu các loại đất trên liền kề với nhiều loại khác nhau thì căn cứ vào giá loại đất có mức giá cao nhất.

Bảng giá chi tiết các loại đất phân theo địa bàn các huyện, thành, thị (có phụ biểu kèm theo).

Điều 4. Phạm vi áp dụng giá đất như đã nêu ở Điều 1. Riêng một số trường hợp quy định cụ thể như sau:

1. Đất nằm trong hành lang bảo vệ công trình (đường bộ, đường sắt, đường thuỷ, hành lang đê, hành lang an toàn đường điện...) theo Thông tư hướng dẫn và quy định của các bộ, ngành Trung ương. Việc bồi thường được xem xét cụ thể tuỳ từng trường hợp theo pháp luật quy định do UBND tỉnh quyết định khi nhà nước thu hồi đất.

2. Đất được nhà nước giao đang sử dụng khi nhà nước thu hồi để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và mục đích phát triển kinh tế trong trường hợp xây dựng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế và các dự án đầu tư lớn theo quy định tại Nghị định số 181/2004/NĐ- CP sẽ được bồi thường theo quy định hiện hành của Trung ương và địa phương.

Điều 5 . Giá đất các loại ban hành được thực hiện kể từ ngày 01/01/2010 và không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

1. Giao đất cho nhân dân làm nhà ở đã có quyết định và nộp tiền trước ngày 01/01/2010

2. Tính thuế chuyển quyền sử dụng đất hoặc thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ đã làm thủ tục trước ngày 01/01/2010.

3. Thu hồi đất đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng và chi trả tiền trước ngày 01/01/2010.

4. Hợp đồng thuê đất đã ký và nộp tiền thuê đất hàng năm chưa hết thời hạn ổn định 5 năm.

5. Các dự án đầu tư thuộc diện ưu đãi đầu tư và các dự án sản xuất, kinh doanh theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất nhưng chủ dự án xin nộp tiền sử dụng đất một lần (hoặc nộp trong 5 năm đầu) đã được thoả thuận và ký kết với chủ dự án trước ngày 01/01/2010.

Điều 6. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thường xuyên theo dõi sự biến động của giá đất thị trường và hướng dẫn kiểm tra các huyện, thành, thị, thực hiện đúng quy định này.

Khi giá đất thị trường biến động lớn, cao hơn hoặc thấp hơn mức giá qui định và những khu vực, vị trí còn thiếu trong bảng giá đất thì Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị báo cáo Sở Tài nguyên thẩm định trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo để báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hải

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

PHỤ BIỂU
Kèm theo Quyết định số 4722/ QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh

BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP TỈNH PHÚ THỌ NĂM 2010

ĐVT: Đồng/m2

STT	DIỄN GIẢI	Xã đồng bằng	Xã trung du, miền núi
1	**Đất trồng cây hàng năm**		
	Hạng 1 + Hạng 2	29.800	27.100
	Hạng 3 + Hạng 4	26.800	24.400
	Hạng 5 + Hạng 6	25.300	23.000
2	**Đất nuôi trồng thuỷ sản**		
	Hạng 1 + Hạng 2	25.300	23.000
	Hạng 3 + Hạng 4	22.800	20.700
	Hạng 5 + Hạng 6	21.500	19.600
3	**Đất trồng cây lâu năm**		
	Hạng 1 + Hạng 2	24.100	21.900
	Hạng 3	21.700	19.700
	Hạng 4 + Hạng 5	20.500	18.600
4	**Đất rừng sản xuất**		
	Hạng 1 + Hạng 2	11.200	10.200
	Hạng 3	10.100	9.200
	Hạng 4 + Hạng 5	9.600	8.700
5	**Đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng**		
	Hạng 1 + Hạng 2	7.900	7.200
	Hạng 3	7.100	6.400
	Hạng 4 + Hạng 5		

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

		6.700	6.100

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ NĂM 2010

ĐVT: Đồng/m^2

STT	DIỄN GIẢI	Giá 2010	Ghi chú
I	**ĐẤT Ở NÔNG THÔN**		
	XÃ SÔNG LÔ		
1	Đất thuộc trung tâm xã + cầu Việt Trì cũ ra QL2	200,000	
2	Đất hai bên đường liên thôn	150,000	
3	Đất nằm giáp chân đê bao (mới)	200,000	
4	Đất còn lại	120,000	
	XÃ TRƯNG VƯƠNG		
1	Đường A - B từ đường C đi Trung tâm Khuyến nông	600,000	
2	Đường A1 - B1 đi đường C đến nhà ông Khắc	800,000	
3	Đường A2 - B2 từ đường C đi khu tập thể Thuỷ lợi cũ	550,000	
4	Đường Z - H - E đi từ Trụ sở liên đoàn lao động tỉnh đến cổng bà Nhiên xóm Mộ (tách từ đường Z-H-E đến cổng sở lương thực cũ)	2,000,000	
5	Từ cổng bà Nhiên xóm mộ tới cổng Sở Lương thực cũ	500,000	
6	Đường E - M - N từ cổng Sở Lương thực cũ đến Trường Chính trị thành phố	400,000	
7	Đường B2 - C từ cổng ông Kỳ (Lợi) đến cổng nhà ông Trò		
	- Phía bên xóm Đình (Đồi)	500,000	
	- Phía bên Đồng	250,000	
8	Khu dân cư đồi Thú y cũ	250,000	
9	Khu dân cư đồi Bình Hải	250,000	
10	Đất thuộc Trung tâm xã, chợ	250,000	
11	Đất 2 bên đường liên thôn		
	- Phía đồi	300,000	
	- Phía đồng	200,000	
12	Đất đồi Mụ	200,000	
13	Đất đồi Quế	200,000	
14	Đất còn lại	150,000	
15	Khu cây Vối, Giếng ngược	200,000	
16	Khu Giếng nhà (dộc ông Mít)	170,000	
17	Khu đồng Súi	250,000	
18	Khu lô kết	150,000	
	XÃ MINH NÔNG		
1	***Khu xóm Minh Tân***		
	Đoạn từ đường Hùng Vương đến hội trường Minh Tân	1.000.000	
	. Đoạn từ hội trường dân cư đến hết dốc Minh Tân (nhà ông Bình)	700,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	. Đoạn từ đường Hùng Vương ven theo đồng đến ngã 3 lối rẽ lên hội trường xóm (đối diện Công ty Phát hành sách)	1.000.000	
	Băng 1 trục đường Mã Lao	600,000	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương ven theo đồng đến nhà ông Thể	600,000	
	. Các đường còn lại trong xóm	400,000	
2	***Khu xóm Thông Đậu***		
	. Đoạn từ kho Vật tư đến dốc Thông Đậu (đến hết nhà ông Ngang, ông Hoành)	1.200.000	
	. Đoạn từ dốc Thông Đậu đến đường Sông Thao	800,000	
	. Đoạn từ ngã 4 (ông Vân + ông Phong) rẽ đến nhà ông Ninh	500,000	
	. Các đường còn lại trong xóm Thông Đậu	400,000	
3	***Khu xóm Minh Bột***		
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến nhà bà Thịnh	600,000	
	. Đoạn từ đường QL2 đến nhà bà Khuyên	700,000	
	. Đoạn từ ngõ nhà bà Khuyên đến đường rẽ lên hội trường xóm Minh Bột	500,000	
	. Đoạn đường trong đê 308 (Băng 1)	700,000	
	. Đoạn đường ngoài đê 308 (Băng 1)	500,000	
	Đoạn từ nhà ông Đạt đến nhà bà An Phương	500,000	
	. Các đường còn lại trong xóm Minh Bột	400,000	
	Đồng Mun (Tái định cư 32C)	700,000	
	Đất quy hoạch mới bãi hạ bạn	300,000	
4	***Khu xóm Hòa Phong***		
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến cổng Trường Tiểu học	1.000.000	
	. Đoạn từ đường Sông Thao (lối rẽ cổng nhà ông Hiền + ông Sáu) đến cổng Trường Tiểu học	1.000.000	
	Đoạn từ nhà ông Tĩnh đến nhà ông Vinh + ông Cầu	1.000.000	
	Đoạn từ nhà ông Tĩnh đến nhà ông Hà Mai	800,000	
	. Đoạn từ nhà bà Thùy đến nhà ông Luyện	600,000	
	. Đoạn từ nhà ông Bình Phượng đến nhà ông Thu	800,000	
	. Đoạn từ nhà bà Nga đến nhà ông Thành Xâm	700,000	
	. Đoạn từ nhà bà Hưu theo ven đồng đến nhà ông Đoàn	800,000	
	. Đoạn từ nhà ông Chi đến dốc lên ao cá dệt theo ven đồng	600,000	
	. Các đường còn lại trong xóm Hòa Phong	400,000	
5	***Khu xóm Hồng Hải***		
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến hết cổng nhà ông Yến	600,000	
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến hết nhà bà Bàng ra đê	400,000	
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến hết đất nhà ông	600,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Khoa, ông Đồng		
	. Đất khu dân cư thuộc xóm Hồng Hải (trong đê)	400,000	
	. Đất khu dân cư thuộc xóm Hồng Hải (ngoài đê)	300,000	
	. Đất quy hoạch mới Đồng Đầm (băng sau)	500,000	
6	**Khu Thông Đậu**		
	Đoạn dốc đá từ giáp phường Gia Cẩm xuống ven đồng	800,000	
	XÃ MINH PHƯƠNG		
	. Đoạn đường từ ngã 3 Trung tu ô tô đến cổng nhà ông Lâm	1,200,000	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương đến đình Vân Cơ	1,200,000	
	. Đoạn từ đường Sông Thao qua cổng Trường THCS Minh Phương	1,400,000	
	. Các đường giao thông chính các khu Cao Đại, Liên Minh, Tân Phương, Trung Phương, Vân Cơ, Liên Phương, Hợp Phương.	400,000	
	Đường QL2 (Công ty vải sợi Nghĩa Hưng) đi ngã ba đông lạnh	1,200,000	
	. Đất còn lại phía trong đường chính của các khu	250,000	
	XÃ THỤY VÂN		
	. Đất thuộc trung tâm xã, khu vực gần chợ	400,000	
	. Đất hai bên đường liên thôn	400,000	
	. Đất còn lại	200,000	
	XÃ VÂN PHÚ		
	. Đường nội thị từ Vân Phú đi Thụy Vân (từ Trường dạy nghề vào KCN). (Cổng trên)	3.000.000	
1	***Khu 1***		
	. Đất băng 2, đường QL2	1.000.000	
	. Đất băng 1, đường QL 32C đến đường rẽ Trạm xá Quân khu	1.500.000	
	. Đường vành đai Quân khu II	800,000	
	Khu tái định cư cổng biểu tượng Đền Hùng	1.000.000	
	Đường từ Quốc lộ 2 đi Kim Đức (cổng Trường THKT vào ngã tư Trường DN Kim Đức)	1.000.000	
	. Đất còn lại	400,000	
2	***Khu 2***		
	. Đất băng 1, đường QL 32C từ đường rẽ Trạm xá Quân khu đến giáp xã Hy Cương	1.500.000	
	. Hai bên đường, đoạn từ đường 32C đến giáp tuyến đường nội thị Vân Phú - Thụy Vân	500,000	
	Đất băng 2 khu tái định cư đường 32C	500,000	
	. Đất còn lại	200,000	
3	***Khu 3***		

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	. Đoạn đường liên thôn từ QL2 đến giáp tuyến đường nội thị Vân Phú - Thụy Vân	1.500.000	
	. Đất còn lại ở các đường nhánh	1.000.000	
	. Đất còn lại	400,000	
4	***Khu 4***		
	Đất các ngõ nhánh (trừ băng 1 của đường QL2 đi XNCB rác thải)	1.000.000	
	Đoạn từ giáp Quốc lộ 2 đến giáp đường Nguyễn Tất Thành	1.000.000	
	. Đất các ngõ hẻm còn lại	400,000	
5	***Khu 5***		
	Đất hai bên đường đoạn từ Trại giam đến giáp phường Dữu Lâu, Phượng Lâu	600,000	
	. Đất các đoạn đường ngõ, nhánh	400,000	
	. Đất còn lại	200,000	
6	***Khu 6***		
	. Đoạn từ giáp phường Vân Cơ qua UBND xã Vân Phú đến ngã 4 cổng nhà Ô. Nguyên	1,000,000	
	Đoạn giáp từ đường nhựa đi XN chế biến rác thải qua DNTN Linh Anh, DNTN Dại Hưng	1.000.000	
	. Đoạn đường từ ngã 4 đi khu 8 giáp xã Phượng Lâu	500,000	
	. Đoạn đường từ cây đa đến bờ Luông và đoạn đường từ Trạm bơm đến cổng đình	800,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	200,000	
7	***Khu 7***		
	. Đoạn đường từ UBND xã Vân Phú đi Trại giam Phủ Đức	500,000	
	Đất qui hoạch vào tái định cư gò Na	200,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	200,000	
8	***Khu 8***		
	. Đoạn từ ngã tư đi Phượng Lâu	500,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	200,000	
	XÃ PHƯỢNG LÂU		
1	. Đất 2 bên bờ đê Sông Lô (Đất 2 bên bờ đê sông Lô đi Xí nghiệp chế biến rác thải, đất thuộc trung tâm xã được tách ra làm 2 đoạn)	250,000	
2	.Đất 2 bên đường từ đê đi XNRT	250,000	
3	.Đất từ cây hoè đến Đồng Đắp (Đất ở 2 bên đường liên thôn được tách ra làm 4 đoạn)	210,000	
4	.Đất từ nhà ông Khanh đến Cầu Nhồi	210,000	
5	.Đất từ Đình Phượng An đến ông Thọ	210,000	
6	.Đất từ nhà ông Dũng đi Bờ Hạ	210,000	
7	Khu 3 An Thái (Tái định cư)	90,000	
8	. Đất còn lại	150,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	XÃ HY CƯƠNG		
1	**Đất hai bên đường ven Quốc lộ 2**		
	Đất hai bên đường từ ngã 3 Đền Hùng đến hết địa phận xã Hy Cương	4,500,000	
2	**Đất hai bên đường ven Quốc lộ 32C:**		
	Đất hai bên đường từ giáp xã Vân Phú đến nhà ông Thanh Dung (rẽ vào đơn vị 652)	2,000,000	
	Đất hai bên đường từ đường 32 C rẽ vào 652 đến hết địa phận xã Hy Cương nhà bà Phương	1,700,000	
	Đoạn từ giáp ngã 3 Đền Hùng đến nhà bà Bùi Thị Hợp xã Hy Cương	2,300,000	
	. Đoạn từ giáp nhà bà Bùi thị Hợp đến hết nhà ông Huề xã Hy Cương	1,900,000	
	. Đoạn từ giáp nhà ông Huề đến đầu đường bê tông chợ Hy Cương nhà ông Uẩn	1,700,000	
	.Cổng biểu tượng Đền Hùng qua khu tái định cư đi Quốc lộ 32C (Đã đổi tên mới)	1,500,000	
	.Đoạn từ nhà ông Uẩn đi Quốc lộ 32C (Đã đổi tên mới)	1,300,000	
	. Đất hai bên đường từ nhà ông Uẩn đến nhà ông Quan hết địa phận xã Hy Cương	1,000,000	
	. Đất hai bên đường từ nhà ông Triệu Việt Thanh đến Đền Mẫu Âu Cơ	800,000	
	. Đất hai bên đường từ đập Phân Muồi đi Quốc lộ 32C	1,500,000	
	. Đất hai bên đường từ bãi đỗ xe số 1 đến Đồi Thông	1,500,000	
	Đoạn từ 309 đi Quốc lộ 32C (qua Chùa)	1,000,000	
	Đất hai bên đường thuận lợi về giao thông (khu 1, 2, 3, 4)	300,000	
	Đất từ nhà văn hoá thôn 2 đến Gò Lán thôn 5	300,000	
	Đoạn từ Quốc lộ 32C đi làng Chằm	250,000	
	Đoạn từ nhà ông Tú đến bãi xe nhà Chìa + ông Bính	800,000	
3	**Đất khu dân cư tập trung mới được đầu tư một phần kết cấu hạ tầng - Tái định cư số 1, 2 (băng 2)**	250,000	
4	**Đất các khu vực còn lại các xã miền núi**	200,000	
	XÃ CHU HÓA		
1	**Đất hai bên đường liên xã và khu vực chợ**		
	Đoạn từ UBND xã Chu Hoá đi Thanh Đình	400,000	
	Đoạn từ UBND xã Chu Hoá đi thị trấn Hùng Sơn	300,000	
	Đoạn từ UBND xã Chu Hoá đi xã Hy Cương (Được chia làm 2 đoạn sau)		
	.Từ UBND xã đến khu đấu giá Đồi Cây Đa	800,000	
	.Từ khu đấu giá Đồi cây Đa đến QL 32C (giáp nhà ông Đào anh Tuấn)	400,000	
	Đoạn từ nhà ông Duyên khu 2 đi thị trấn Lâm Thao (cầu Mới)	300,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

2	**Các khu dân cư tập trung mới được đầu tư một phần kết cấu hạ tầng**		
	Các khu có đường bê tông	250,000	
	Các khu không có đường bê tông	180,000	
3	**Khu vực ắc quy**		
	. Đất hai bên đường từ giáp QL - 32C vào cổng Nhà máy ắc quy	400,000	
	. Đất hai bên đường từ giáp QL - 32C đến UBND xã Chu Hoá	800,000	
4	**Đất ven đường quốc lộ 32C**		
	Đoạn từ giáp xã Vân Phú đến rẽ vào đường 652	1,700,000	
	Đoạn từ rẽ vào UBND xã Chu Hoá đến nhà ông Bẩy giáp TT Lâm Thao	1,200,000	
5	Khu tái định cư Hóc Thiểu		
	Từ nhà Ông Nhất đến nhà ông Thọ	500,000	
	. Các vị trí còn lại	400,000	
5	**Đất các khu vực còn lại**		
	Các khu tương đối thuận lợi giao thông	200,000	
	Các khu dân cư còn lại	140,000	
	XÃ THANH ĐÌNH		
1	**Đất hai bên đường liên xã khu vực chợ**		
	Đất hai bên đường liên xã khu vực chợ	200,000	
2	**Các khu dân cư tập trung mới được đầu tư một phần kết cấu hạ tầng**		
	Các khu dân cư tập trung mới được đầu tư một phần kết cấu hạ tầng	160,000	
3	**Đất khu dân cư còn lại**		
	Đất hai bên đường tương đối thuận lợi về giao thông xã miền núi	140,000	
4	**Đất các khu vực còn lại**		
	Xã miền núi	100,000	
	XÃ KIM ĐỨC		
1	Đất hai bên đường Quốc Lộ 2	3.000.000	
2	Đất hai bên đường từ ngã 3 Đền Hùng đến nhà ông Lân (cách ngã ba 60 m)	1.500.000	
3	Đất hai bên đường tỉnh 323B tiếp giáp nhà ông Lân đến đường đi vào đơn vị D16	1.000.000	
4	Đất hai bên đường tỉnh 323B tiếp giáp đi vào D16 đến giáp xã Hùng Lô	500,000	
5	Đất khu trung tâm, khu vực chợ	200,000	
6	Đất hai bên đường liên thôn còn lại	150,000	
7	Khu tái định cư Núi Sõng (đường cao tốc):		
	- Băng 1	500,000	
	- Băng 2	150,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

8	Đất các khu dân cư còn lại	100,000	
	XÃ HÙNG LÔ		
1	**Khu vực 1:**		
	Đất ở hai bên đường tỉnh 323b từ nhà ông Hoà Ẩm K5 tiếp giáp đường tỉnh 323 đến đê hữu sông Lô.	1.000.000	
	Đất ở hai bên đường liên thôn K4 tiếp giáp đường tỉnh 323b đến nhà ông Tình Đông (khu 4)	500,000	
	Đất ở hai bên đường nội thôn K4 đi khu chợ từ nhà ông Tư Điều tiếp giáp ĐT 323B	500,000	
	Đất ở hai bên đường nội thôn K7 từ nhà ông Tơ Thưởng tiếp giáp đường tỉnh 323B	500,000	
	Đất ở đường nội thôn K5 từ nhà ô Khoa Nghĩa đến tiếp giáp đường tỉnh 323B	500,000	
	Đất ở hai bên đường nội thôn từ nhà ông Thắng K1 tiếp giáp đường tỉnh 323B	500,000	
2	**Khu vực 2:**		
	Đất ở hai bên đường tỉnh 323B từ nhà ông Hoà Ẩm K5 đến tiếp xã Kim Đức	900,000	
	Đất ở tiếp giáp ven chân đê phía trong từ giáp xã Vĩnh Phú đến giáp xã Phượng Lâu	700,000	
	Đất ở hai bên đường nội thôn khu 9 từ cầu ra tiếp giáp đường tỉnh 323 đê hữu sông Lô	700,000	
	Đất ở đường nội thôn K8 từ cổng Trống đến rặng Nhãn giáp đường tỉnh 323 đê hữu sông Lô	700,000	
	Đất ở hai bên đường nội thôn từ ông Đáp Tự (khu 6) đến tiếp giáp đường tỉnh 323B	500,000	
	Đất ở hai bên đường nội thôn ngõ từ nhà ông Hà Cầm K2, ngõ từ nhà ông Quế Hưởng (khu 1) đến tiếp giáp đường tỉnh 323 đê hữu sông Lô đến giáp đường tỉnh 331 đê hữu sông Lô	500,000	
	Đất ở hai bên đường nội thôn K5 từ nhà ông Ngân đến nhà ông Tuấn Lục vòng trong xóm đê sông Lô	300,000	
	Đất ở hai bên đường các ngõ cụt nội thôn khu 5, khu 6 tiếp giáp Đ tỉnh 323B	300,000	
3	**Khu vực 3:**		
	. Đất ở đường liên thôn, nội thôn từ khu 1 đến khu 10	300,000	
	Đất ở đường liên thôn, nội thôn khu 8, khu 9	500,000	
	Đất ở khu vực chợ Xốm	1.000.000	
	Đất tiếp giáp chân đê phía ngoài	400,000	
	Đất ở đường nội thôn, ngõ hẻm của các khu còn lại	200,000	
4	Khu 4 (Tái định cư đường xuyên Á)	200,000	
	XÃ TÂN ĐỨC		
1	Đất hai bên ven đường trục chính trung tâm của xã	300,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

2	Đất còn lại	200,000	
II	**ĐẤT Ở ĐÔ THỊ**		
A	**CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CHÍNH**		
1	***Đường Hùng Vương***		
	. Đoạn từ nút A2 đến đầu cầu Việt Trì	2.000.000	
	. Đoạn từ A2 đến nút A3	5.500.000	
	. Đoạn từ A3 đến nút A5	7,000,000	
	. Đoạn từ A5 đến nút A9	9.000.000	
	. Đoạn từ A9 đến nút A11	9,000,000	
	. Đoạn từ A11 đến nút A12	8,000,000	
	. Đoạn từ nút A12 đến cầu Nang	6.000.000	
	. Đoạn từ cầu Nang đến ngã ba Đền Hùng	5.000.000	
	Đoạn từ ngã ba Đền Hùng đến đồi thông	4.000.000	
2	***Đoạn đường Bưu điện tỉnh qua chợ Trung tâm Việt Trì đến đường Trần Phú***	9.000.000	
3	***Đường Trần Phú***		
	. Đoạn từ A7 đến C7	6.000.000	
	. Đoạn từ C7 đến D7	5.000.000	
	. Đoạn từ D7 đi đê sông Lô	4.000.000	
4	***Đường Nguyễn Tất Thành***		
	. Từ nút A2 đến nút C10	4.500.000	
5	***Đường Hoà Phong***		
	. Đoạn A9 - C9	8,000,000	
6	***Đường Châu Phong***		
	. Đoạn A8 - C8	6,000,000	
	. Đoạn từ C8 đến hồ Đài Phát thanh truyền hình tỉnh	3.500.000	
7	***Đường Âu Cơ (toàn tuyến)***	4.000.000	
8	***Đường Hai Bà Trưng***		
	. Từ đường Sông Thao đến đường Nguyễn Tất Thành	4.000.000	
9	***Đường Trần Nguyên Hãn***		
	. Từ cổng Nhà máy Giấy đến đường Nguyễn Tất Thành	3.500.000	
10	***Đường Hà Huy Tập***		
	. Từ đường Hùng Vương qua sau Ngân hàng, Kho bạc đến đường sắt	3,500,000	
11	***Đường Thanh Xuân***		
	. Đoạn từ đường Trần Phú đến số nhà 106 tổ 4D khu 19	3.500.000	
	. Đoạn từ giáp số nhà 106 tổ 4D khu 19 đến tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	3,000,000	
12	***Đường Lê Quý Đôn***		
	. Từ đường Hùng Vương đến tiếp đường Nhi Đồng	3.000.000	
	. Từ đường Nhi Đồng đến đường sắt	2.500.000	
13	***Đường Kim Đồng***		
	. Từ đường Hùng Vương đến đường Lê Quí Đôn	3,000,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

14	***Đường Đoàn Kết***		
	. Từ Công an Tiên Cát đến đường Sông Thao	4,000,000	
15	***Đường Công Nhân***		
	. Từ A10 qua cổng Nhà máy Dệt đến đường Sông Thao	3.000.000	
16	***Đường vào khu Công nghiệp Thuỵ Vân***		
	. Từ đường Hùng Vương đến cổng khu Công nghiệp	3.500.000	
17	***Đường Tân Bình***		
	. Từ tiếp giáp đường Trần Phú đến đường Châu Phong	4.000.000	
18	***Đường Nguyễn Du***		
	. Đoạn từ đường Hùng Vương đến hết đường nhựa nhà ông Biển	3.000.000	
	. Đoạn từ nhà ông Biển đến giáp phường Dữu Lâu (đường Nguyễn Du hiện nay)	500,000	
	. Từ cây xăng Dữu Lâu đến cổng nghĩa trang Dữu Lâu	800,000	
	Đoạn từ nghĩa trang Dữu Lâu đến đình Hương Trầm	600,000	
	Đoạn từ ngã tư rừng làng đến giáp phường Nông Trang	700,000	
	. Từ đình Hương Trầm phường Dữu Lâu đến giáp phường Nông Trang	500,000	
19	***Đường 20/7***		
	. Đoạn từ tiếp giáp đường Nguyễn Du đến cổng Trường Đinh Tiên Hoàng	2.500.000	
	. Đoạn từ cổng Trường Đinh Tiên Hoàng đến Ngã tư (Ông To)	2.000.000	
	. Đoạn từ lương thực Vân Cơ đến hết tường rào Trường Đào tạo công nhân kỹ thuật xây dựng	2.000.000	
20	***Đường Sông Thao***		
	. Từ đường Hùng Vương đến nút A11 (toàn tuyến)	2,500,000	
21	***Trục đường Bạch Hạc***		
	. Từ cầu Việt Trì đến đê Bầu Sao	1.000.000	
22	***Đường Du Lịch Bạch Hạc - Bến Gót***	1.000.000	
23	***Đường Nam Công viên Văn Lang toàn tuyến***	3,000,000	
	PHƯỜNG BẠCH HẠC		
1	***Phố Châu Phong***		
	. Đoạn từ đầu Cầu cũ đi Toa Đen	250,000	
	. Ngõ từ giáp hành lang cầu đến nhà ông Khai	250,000	
	. Trục đường chùa Bi	250,000	
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc vào hết khu tập thể Cty cổ phần cơ khí Giao thông Phú Thọ	250,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	150,000	
2	***Phố Bạch Hạc***		
	. Ven đường kè du lịch Bạch Hạc	250,000	
	. Trục đường Trần Nhật Duật	245,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	. Ngõ từ đường Bạch Hạc (ông Hảo) đến nhà bà Thu	200,000	
	Ngõ từ nhà ông Hải Hạnh đến nhà ông Kim Văn Hùng	150,000	
	Ngõ từ nhà ông Sơn Tần đến nhà ông Hùng Nội	150,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	150,000	
3	***Phố Đoàn Kết***		
	. Ven bờ kè Bạch Hạc	250,000	
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc vào khu tập thể Xí nghiệp mộc Bạch Hạc	250,000	
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc vào khu lò vôi cũ	250,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	150,000	
4	***Khu vực Mộ Thượng***		
	. Trục đường Trần Nhật Duật	150,000	
	. Ngõ từ đường Du Lịch qua xóm mới Mộ Thượng đến đường Nhị Hà	150,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	150,000	
5	***Khu vực Lăng Đài***		
	. Trục đường Nhị Hà	500,000	
6	***Khu vực mộ Hạ***		
7	***Khu tái định cư***		
	. Băng mặt đường (băng 1)	500,000	
	. Các băng còn lại	300,000	
	Tuyến đường tại khu dãn dân Phong Châu	170,000	
	Các tuyến đường còn lại	150,000	
	PHƯỜNG THANH MIẾU		
1	***Đường Đồi Cam***		
	. Từ cây xăng Thanh Miếu đến tiếp giáp đường Hùng Vương (thuộc khu 7 + 8 + 11 + 12)	1,500,000	
2	***Đường Thanh Bình***		
	. Từ tiếp giáp đường Trần Nguyên Hãn đến tiếp giáp đường Đồi Cam	500,000	
3	***Đường Lý Tự Trọng***		
	.Từ nhà ông Triệu đến Trường Mầm non Công ty Giấy (khu 1, 2, 3, 4)	1.600.000	
	Từ Trường mầm non Cty Giấy đến cổng trường THPT Công nghiệp Việt Trì (thuộc khu 3)	840,000	
4	***Đường Thanh Hà***		
	. Từ tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành đến tiếp giáp đường Trần Nguyên Hãn (thuộc khu 5 + 6)	210,000	
5	***Các con đường khác trong khu dân cư***		
	. Từ tiếp giáp đường Trần Nguyên Hãn qua UBND phường Thanh Miếu đến đường Nguyễn Tất Thành (thuộc khu 6 + 9)	840,000	
	. Từ tiếp giáp đường Hùng Vương qua trạm xá phường Thanh Miếu đến đường Nguyễn Tất Thành (thuộc khu 7 + 11 + 12)	500,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	. Từ đường Hùng Vương qua nhà ông San, ông Quỳ đến tiếp giáp đường Lý Tự Trọng (thuộc khu 1 + 2)	560,000	
	. Các đường vòng quanh phố thuộc băng 1 của các khu dân cư	250,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại 14 khu	210,000	
	PHƯỜNG BẾN GÓT		
1	***Khu phố Việt Hưng***		
	. Đoạn đường A3H3 đến lối rẽ ra đường Hùng Vương (đường đi cổng sau chợ Gát)	1.600.000	
	. Đoạn từ lối rẽ đường Hùng Vương đến chợ Gát	1.500.000	
	. Đoạn đường đi chợ Gát rẽ ra đường sắt (tổ 2 phố Việt Hưng)	1.000.000	
	. Đường bao quanh tổ 5 Việt Hưng	3.00.000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	200,000	
2	***Khu phố Hoà Bình 1 + 2***		
	. Đoạn từ A2A3 Quốc lộ 2 cũ (cổng chùa Hoà Bình)	1,000,000	
	. Đoạn tiếp giáp QL2 cũ đi Xí nghiệp đường sắt (Cổng đình làng Việt Trì)	450,000	
	. Đoạn từ cổng Cty đường sắt đến cổng đỏ (Tổ 18 Kiến Thiết)	550,000	
	. Đoạn từ nút A2 đi xã Sông Lô	300,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	200,000	
3	***Khu phố Kiến Thiết***		
	. Đoạn tiếp giáp A2A3 đến cổng Công ty than	550,000	
	. Ngõ bao quanh phố	300,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	200,000	
4	***Khu phố Hồng Hà 1 + 2***		
	. Từ Công an phường Bến Gót đến Trại Thanh Hà	550,000	
	. Băng 2 khu Ga Việt Trì	850,000	
	. Băng 2 khu Cảng Việt Trì	550,000	
	. Cửa Ga Việt Trì đi Bến Gót đường 19,5m	840,000	
	. Bưu điện ga Việt Trì đi Bến Gót	550,000	
	. Xí nghiệp Vật tư đường sắt đi bờ đê sông Hồng	1,000,000	
	. Đoạn đường ký túc xá PăngRim	1,000,000	
	. Đoạn từ đường sông Thao đến Trạm thực phẩm cũ (tổ 22)	1,000,000	
	. Ngõ bao quanh phố	300,000	
	. Ngõ hẻm còn lại	200,000	
	PHƯỜNG THỌ SƠN		
1	***Đường Hùng Vương***		
	. Đường ngõ cổng trên chợ Gát (khu vực tổ 4B đến sông Thao)	2.000.000	
	. Ngõ từ đường Hùng Vương vào Trung tâm hội nghị tỉnh	2.000.000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	. Ngõ từ đường Hùng Vương vào Cty TNHH Chí Hòa	2.000.000	
	. Ngõ từ đường Hùng Vương vào Doanh nghiệp Kim Sơn	2.000.000	
	. Ngách từ đường Hùng Vương vào đến hộ ông Thành tổ 7	850,000	
2	***Đường Hai Bà Trưng***		
	. Ngõ từ hộ ông Văn tổ 26B đến hộ bà Tỵ tổ 26B	1.000.000	
	. Đoạn nối từ đường Hai Bà Trưng đến đường Nguyễn Tất Thành (khu vực tổ 27B) trừ những hộ quay ra đường Hai Bà Trưng	2.000.000	
	. Đường từ ngã 4 Thọ Sơn đến hộ ông Huy tổ 33 - phố Thành Công	2.000.000	
3	***Khu phố Long Châu Sa***		
	Khu vực Công ty xây dựng số 22		
	. Đường từ hộ bà Ngọc đến hộ ông Khanh tổ 10	1.300.000	
	. Đường từ hộ ông Khanh đến hộ bà Hới tổ 12	1.300.000	
	. Đường từ nhà bà Hới đến hộ nhà bà Quý tổ 11B	1.300.000	
	. Đường từ hộ bà Hới đến hộ bà Hằng tổ 11A	1.100.000	
	. Ngõ từ bà Lợi tổ 10 đến hộ bà Hòe tổ 10	550,000	
	. Đoạn từ hộ ông Lý đến hộ bà Hải tổ 10	700,000	
	. Ngõ từ hộ ông Trung đến hộ ông Tường tổ 10	550,000	
	Khu vực báo Phú Thọ cũ		
	. Ngõ thuộc băng 1, 2, 3 tổ 11A	550,000	
	. Ngõ từ hộ bà Hồng đến hộ ông Diên tổ 11A	350,000	
	Khu vực rạp Long Châu Sa		
	. Đờng từ hộ ông Hưng đến hộ ông Quỳnh tổ 12	550,000	
	Khu vực giáp Trạm xá Nhà máy Mì chính cũ		
	. Từ hộ ông Bình đến hộ ông Cần tổ 15	550,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	200,000	
4	***Khu phố Sông Thao***		
	Khu vực đồi chợ		
	. Đoạn đường từ bà Loan đến hộ ông Bổng tổ 8B	1.000.000	
	. Đoạn đường từ bà Lâm đến hộ bà Xoan tổ 4A	650,000	
	. Đoạn đường từ ông Chiến đến hộ ông Hợi tổ 4A	650,000	
	. Ngõ sau chợ Gát (từ hộ ông Hải đến hộ ông Phước tổ 4B)	450,000	
	Khu hồ hóa chất		
	. Đoạn đường từ ông Long đến hộ ông Cường tổ 9B	900,000	
	. Đoạn đường từ ông Lâm đến hộ ông Mậu tổ 9A	900,000	
	. Các ngõ ven hồ Hóa chất tổ 8B	350,000	
	Khu đội xe Xí nghiệp 4 cũ		
	. Đoạn đường từ nhà bà Thêu đến hộ ông Dũng tổ 9B	870,000	
	Khu đồi vật tư		
	. Ngõ từ hộ ông Quỳnh đến đường sắt tổ 2	420,000	
	. Ngõ từ hộ bà Trường tổ 2 đến hộ ông Tố tổ 3	350,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	350,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

5	***Khu phố Đoàn Kết (Khu vực 221)***		
	. Đoạn đường từ hộ ông Bài đến hộ bà Truyền tổ 17	870,000	
	. Đoạn đường từ bà Hợp đến hộ ông Toại	700,000	
	. Các ngõ thuộc băng 2 tổ 16, 22	550,000	
	. Các ngõ thuộc băng 3 tổ 16, 22	350,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	200,000	
6	***Khu phố Thành Công***		
	Khu đồi lắp máy		
	. Đoạn đường từ hộ bà Thủy đến hộ ông Chiến tổ 27B	1.000.000	
	. Các ngõ băng 1, băng 2 đồi lắp máy tổ 28	450,000	
	Khu đồi A		
	. Các ngõ băng 1, băng 2 tổ 30	550,000	
	. Các ngõ băng 1, băng 2 tổ 33	350,000	
	Khu đồi Chùa		
	. Các ngõ băng 1, băng 2 tổ 34	350,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	200,000	
7	**Khu phố Long Châu Sa**		
	.Ngõ sau Bệnh viện xây dựng Việt Trì	350,000	
8	**Khu phố Thành Công**		
	.Khu vực mới quy hoạch thuộc tổ 27B	400,000	
	PHƯỜNG TIÊN CÁT		
1	***Các tuyến đường lớn***		
	. Đoạn từ đường Âu Cơ đến cổng Trường Chính trị tỉnh	3.000.000	
	. Đoạn từ UBND phường Tiên Cát đến Trung tâm GDTX tỉnh	3.000.000	
	. Từ tiếp giáp đường Hùng Vương (cổng Công ty xuất nhập khẩu) đến ngã 3 Đài truyền thanh Việt Trì cũ	2.500.000	
	. Từ Hải quan Việt Trì dọc đường sắt đến chợ Trung tâm	2.500.000	
	. Từ đường Hùng Vương qua cổng Công ty Bia Hồng Hà ra đường Sông Thao	2.000.000	
	. Từ đại lộ Hùng Vương đi qua đường sắt vào cổng Mỗ ngay cũ	1.500.000	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương đến Công ty bê tông vật liệu XD CMC	2.500.000	
	Đoạn từ góc đường sắt tổ 11b AD song song với Đ sắt qua Cung Đ ngang đến đường HV	1.000.000	
2	***Khu phố Thành Công***		
	. Đoạn từ cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh qua Trường Văn hoá Nghệ thuật đến đường công viên Văn Lang	1.500.000	
	. Đoạn từ cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên qua Đè Hàng và đến đường Công viên Văn Lang	1.200.000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	. Đoạn từ cổng Trung tâm Giáo dục tường xuyên đến ngã 3 tổ 38 các hộ còn lại tổ 39	800,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 38	500,000	
3	***Khu phố Tiên Sơn***		
	Từ cổng Đảng uỷ cơ quan tỉnh qua nhà thờ họ Lưu đến đường nam công viên Văn Lang	2.000.000	
	Từ ngã 3 nhà thờ họ Lưu qua hội trường khu đến đường nam công viên Văn Lang	1.200.000	
	. Các hộ còn lại tổ 41	1.000.000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	500,000	
4	***Khu phố Đoàn Kết***		
	. Từ đại lộ Hùng Vương đến tập thể Vật liệu chất đốt cũ	1.500.000	
	. Từ đại lộ Hùng Vương đến Cổng Trường tiểu học Chính Nghĩa	1.500.000	
	. Từ ngã 3 Công an phường Tiên Cát qua nhà thờ họ Giáo đến tiếp giáp khu tái định cư tổ 17	1.000.000	
	. Từ ngã 3 đi dọc bờ tường bột giặt VIMEX đến đường Đoàn Kết	1.000.000	
	. Từ khu tái định cư tổ 17 đến đường Sông Thao	1.500.000	
	. Các ngõ hẻm còn lại trong đê	500,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại ngoài đê	400,000	
5	***Khu phố Minh Hà***		
	. Các hộ còn lại tổ 18A	2.500.000	
	. Các ngõ còn lại (thuộc băng 2)	1.500.000	
6	***Khu phố Mai Sơn II***		
	. Các đường khu Mai Sơn II	1.000.000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	500,000	
7	***Khu phố Hồng Hà***		
	. Đường Tiên Dung	1.500.000	
	Các hộ còn lại khu tái định cư Đồng đầm	1.000.000	
	. Đường Tiên Dung song song với đường sắt đến đường Ngọc Hoa	1.500.000	
	. Từ đường rẽ vào tổ 4A qua hội trường khu ra đường Sông Thao	800,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại trong đê	500,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại ngoài đê	400,000	
8	***Khu phố Sông Thao***		
	. Từ đường Ngọc Hoa vào đến ngã 3 tổ 7 và tổ 10A + 10B đến cổng Cty Bê tông vật liệu XD	1.200.000	
	. Từ đường Ngọc Hoa vào tổ 8B	1.000.000	
	Các ngõ hẻm tổ 7		
	. Các ngõ hẻm còn lại trong đê	500,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại ngoài đê	400,000	
9	***Khu phố Thi Đua***		
	Từ đại lộ Hùng Vương vào Trường tiểu học Tiên Cát		

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	. Từ UBND phường Tiên Cát đến ngã 3 tiếp giáp tổ 36	1.500.000	
	. Từ ngã 3 giáp tổ 36 qua hội trường khu đến đường Tiên Sơn	1.000.000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	500,000	
10	***Khu phố Tiền Phong***		
	. Từ đại lộ Hùng Vương vào đến đè Moi	1.500.000	
	. Từ đại lộ Hùng Vương vào đến trường tiểu học Tiên Cát	1.500.000	
	. Từ Trường tiểu học Tiên Cát đến Đè Hàng	1.000.000	
	Các ngõ còn lại	500,000	
11	***Khu phố Thọ Mai***		
	. Đoạn từ Trường Chính trị đến đường Nam công viên Văn Lang	1.500.000	
	. Đoạn từ đường Âu Cơ đến đường nam công viên Văn Lang	1.200.000	
	Các đường qui hoạch (UBKH - Thanh tra Nhà nước)	1.000.000	
	Đường vào nhà văn hoá Thọ Mai cũ	1.000.000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	500,000	
12	***Khu phố Gát***		
	. Khu vực trong đê thuộc tổ 3 và tổ 5	800,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại (tổ 1 + tổ 2) trong đê	500,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại (tổ 1 + tổ 2) ngoài đê	400,000	
13	***Khu phố Mai Sơn I***		
	. Đoạn từ Trường Chính trị qua nhà ông Quân Điển đến đường Nam công viên Văn Lang	1.500.000	
	Đoạn từ Trường Chính trị đến Nam công viên Văn Lang	1.200.000	
	Các đường tái định cư (khu B trường chính trị - khu TBXH cũ)	1.000.000	
	Đoạn từ đường Âu Cơ (sau băng I) qua nhà văn hoá đến nhà ông Luyện	1.000.000	
	Đoạn từ đường Âu Cơ (sau băng I) đến nhà ông Vọng	1.000.000	
	. Đoạn từ đường Âu Cơ đến nhà bà Viên	1.200.000	
	. Các hộ còn lại tổ 22A	1.000.000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	500,000	
14	***Khu phố Anh Dũng***		
	. Đoạn từ cổng Cty Bê tông ven tường rào Cty Bê tông đến đường Sông Thao	1.500.000	
	. Đoạn từ tiếp giáp đường vào cổng Cty Bê tông đến hết sân văn hoá thể thao của khu (nhà ông Hội)	1.500.000	
	. Khu tổ 13	1.000.000	
	. Tổ 14A đến đường Sông Thao	1.500.000	
	. Các đường còn lại của tổ 14A	1.000.000	
	Cổng Công ty Bê tông song song đường sắt đến cung đường ngang	1.000.000	
	. Đường Hùng Vương đến tiếp giáp tổ 14 khu Anh	1.500.000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Dũng		
	Các ngõ hẻm còn lại	500,000	
15	***Khu phố Âu Cơ***		
	. Từ đường Âu Cơ theo tường rào UBND thành phố ra đến đường Hùng Vương	1.200.000	
	. Các đường khu Âu Cơ (tổ 26)	1.000.000	
	Các ngõ hẻm còn lại	500,000	
16	***Khu phố Tiên Phú***		
	. Từ ngã 3 Truyền thanh đến đường Tiên Sơn	1.200.000	
	. Đường từ ngã 3 Truyền thanh qua tập thể Công ty 26 đến hội trường khu	1.500.000	
	. Các đường khu Tiên Phú	1.200.000	
	Đường vào tổ 46 (lòng hồ công viên Văn Lang)	1.000.000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	500,000	
	PHƯỜNG GIA CẨM		
1	**Các ngõ đường Hùng Vương**		
	. Đoạn đường ngõ 1879 và ngõ 1923	3,000,000	
	. Đoạn đường ngõ 1620 và ngõ 1642	2,000,000	
	. Đoạn đường ngõ 2173	1,500,000	
	. Đoạn đường ngõ 1783 và ngõ 1538	1,200,000	
	. Đoạn đường ngõ 1655 và ngõ 1679	1,100,000	
	. Đoạn đường ngõ 1548	1,000,000	
	. Đoạn đường các ngõ 1631, 1643, 1719, 1771, 2112 và các hẻm còn lại	900,000	
2	**Ngõ đường Đoàn Kết**		
	. Đoạn đường ngõ 128	1,000,000	
	. Đoạn đường các ngõ 22, 24, 12 và ngõ 102	1,000,000	
3	**Ngõ đường Trần Phú**		
	. Đoạn đường ngõ 23B	1.200.000	
	. Đoạn đường ngõ 23A	800,000	
	. Ngõ 07, 13	1.000.000	
	. Các hẻm còn lại	300,000	
4	**Ngõ đường Hòa Phong (Đường Quang Trung)**		
	. Đoạn đường ngõ 02	2,500,000	
	. Đoạn đường các ngõ 40 và ngõ 54	1,000,000	
	. Đoạn đường các ngõ 68 và ngõ 88	1,000,000	
	. Đoạn đường ngõ 102	800,000	
	. Đoạn đường các hẻm còn lại	500,000	
5	**Ngõ đường Châu Phong**		
	. Đoạn đường các ngõ 313, 317, 346 và ngõ 356	600,000	
	. Đoạn đường các ngõ 301, 438, 386, 409, 417 và ngõ 457	600,000	
	. Đoạn đường các hẻm còn lại	300,000	
6	**Đường Thanh Xuân (Phố Hàm Nghi) và các ngõ**		

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đoạn từ đường Trần Phú đến số nhà 106 (đoạn đường cũ được chia làm 2 đoạn)	3.500.000	
	Đoạn từ số nhà 107 đến đầu ngõ 188	3,000,000	
	Đoạn từ ngõ 188 đến đường Lê Quí Đôn	3.000.000	
	. Đoạn đường các ngõ 61 (từ số 02 đến 20) và ngõ 78	1.200.000	
	. Đoạn đường ngõ 111	900,000	
	. Đoạn đường các ngõ 15, 29, 43, 26, 44, 121, 127, 130.	800,000	
	. Đoạn đường ngõ 169, 188, 174, 180, 183, 184, 186, 211, 249	600,000	
	. Đoạn đường các ngõ 141 (không có ngõ 167)	1.000.000	
	. Đoạn đường các ngõ 77, 86, 92, 95, 139, 146, 194, 200, 206, 226, 256, 258, 267, 299 và các hẻm còn lại	600,000	
	Ngõ 125	300,000	
	. Các hẻm ngõ 61 (từ số 02 đến hẻm 6) và hẻm 1 + 2 ngõ 111	500,000	
7	**Đường Lê Quý Đôn (Phố Lê Qúy Đôn) và các ngõ**		
	Đoạn đường Hùng Vương đến tiếp giáp đường Nhi đồng	3.000.000	
	. Từ Sở Khoa học Môi trường đến đường sắt	2,800,000	
	. Từ số 252 (bà Lân) đến số 354 (bà Tám)	700,000	
	Từ số nhà 01 đến số nhà 23	1.000.000	
	Từ số nhà 25 đến số nhà 59	700,000	
	. Đoạn đường ngõ 186, 126, 226, 250, 210, 254	800,000	
	. Đoạn đường các ngõ 250 và ngõ 210 (đã có ở trên)		
	. Đoạn đường các ngõ 81, 113, 117, 133, 284, 316 và ngõ 354	600,000	
	. Đoạn đường ngõ 71	500,000	
	. Đoạn đường các ngõ 20, 52, 60, 23 và ngõ 53	400,000	
	. Đoạn đường các ngõ 231, 167, 183, 203, 294 và các hẻm còn lại	300,000	
8	**Đường Kim Đồng (Phố Hà Bổng) và các ngõ**		
	. Các ngõ 22, 49, 41 và ngõ 35	600,000	
9	**Đường Võ Thị Sáu (Phố Võ Thị Sáu) toàn tuyến**	3,000,000	
10	**Đường Lê Văn Tám (Phố Nguyễn Quang Bích) toàn tuyến**	2.000.000	
11	**Đường Nhi Đồng (Phố Hà Liễu) và các ngõ**		
	Ngõ từ đường Hùng Vương đến đường Phan Chu Trinh	3,300,000	
	Ngõ từ Phan Chu Trinh đến Trường cấp 3 Việt Trì	2,600,000	
	Ngõ 30A (đã thay đổi nay không có)		
	Ngõ 20, 22, 31, 36	500,000	
12	**Đường Phan Chu Trinh (Phố Phan Chu Trinh) và các ngõ**		
	. Đoạn đường từ số 02 - 24, 01 - 09, 13 - 29, 01 - 132, 73 - 105 (toàn tuyến)	3.000.000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	. Đoạn đường các ngõ 71, 75, 41 và ngõ 49	1.000.000	
	. Đoạn đường các ngõ 15 và ngõ 21	700,000	
	. Đoạn đường ngõ 71B và các hẻm còn lại (không có ngõ 71B)	500,000	
13	**Đường Lăng Cẩm và các ngõ**		
	. Đoạn đường từ đường Trần Phú qua nhà văn hoá TP, Bệnh viên Y học CT đến hết nhà ông Nguyễn Huy Mai	1,000,000	
	. Số nhà 107 ra ngõ 13 (Trần Phú)	700,000	
	. Đoạn đường các ngõ 02 và ngõ 49	700,000	
	. Đoạn đường ngõ 105	500,000	
	. Đoạn đường các ngõ 01, 09, 36, 42, 50, 69, 52, 07 và các hẻm còn lại khu 3 + 4	300,000	
14	**Đường 30-4 và các ngõ**		
	. Đoạn đường từ số 01 đến số 37	1.000.000	
	. Đoạn đường từ số 39 đến số 59	800,000	
	. Đoạn đường ngõ 02 (từ số 02 đến số 54 và từ số 01 đến số 19)	800,000	
	. Các hẻm còn lại	500,000	
15	**Đường Hà Huy Tập (Phố Hà Chương) và các ngõ**		
	. Đoạn đường các ngõ 11, 21 và hẻm 06	1.000.000	
	. Đoạn đường ngõ 47	500,000	
	. Đoạn đường từ cây xăng Gia Cẩm qua tiểu học Tiên Dung đến đường Hà Huy Tập (ĐN đổi thành ngõ 02 đường Hà Huy Tập)	3.000.000	
16	**Đường Nguyễn Thái Học (Phố Nguyễn Thái Học) và các ngõ**		
	. Đoạn đường từ đại lộ Hùng Vương đến nhà ông Bảo	3.000.000	
	. Đoạn đường các ngõ 10, 73 và ngõ 85	800,000	
17	**Đường Hoàng Hoa Thám (Phố Hoàng Hoa Thám) và các ngõ**		
	. Đoạn đường từ số 01 (nhà ông Chinh) đến số 31 (Trung tâm dạy nghề Sở Lao động)	3.000.000	
	Đoạn từ Trung tâm dạy nghề đến nhà số 02 (bà Nguyễn Thị Hoà tổ 36A - khu 1)	2,000,000	
	Đoạn từ nhà số 2 đến đường Nguyễn Thái Học (nhà ông Lê Văn Cúc)	1.000.000	
	. Đoạn đường ngõ 31 từ số 02 đến số 46	800,000	
18	**Đường Hùng Vương và các ngõ**		
	Đoạn đường ngõ 1502	1.000.000	
19	**Đường Hòa Phong và các ngõ**		
	Đoạn đường ngõ 14	500,000	
20	**Đường Châu Phong và các ngõ**		
	Đoạn đường ngõ 388, 424	300,000	
	Đoạn đường ngõ 440	2.000.000	
21	**Đường Thanh Xuân và các ngõ**		

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đoạn đường ngõ 218, 221	500,000	
22	**Đường Nhi Đồng và các ngõ**		
	Đoạn đường ngõ 38	600,000	
	Đoạn đường ngõ 01	1.500.000	
	Đoạn đường ngõ 17, 19	500,000	
23	**Đường Lăng Cẩm và các ngõ**		
	Đoạn đường ngõ 225	300,000	
	PHƯỜNG NÔNG TRANG		
1	***Các tuyến đường lớn***		
	. Đường Hoàng Hoa Thám	3.000.000	
	. Đoạn từ đại lộ Hùng Vương vào cổng Bộ CHQS tỉnh Phú Thọ	2.000.000	
2	***Khu phố 1A***		
	. Đoạn từ đường Hùng Vương qua Bưu điện Nông Trang vào khu 1A (đến đường ngang sau rạp Hoà Phong)	850,000	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương qua UBND phường Nông Trang vào khu 1A	850,000	
	. Đường từ đường Hùng Vương qua cổng Cty Ong vào khu 1A đến đường ra đình Nông Trang	850,000	
	. Đường ngang khu 1A (từ rạp Hoà Phong đến dốc ngược)	700,000	
	. Đường từ đường Hoà Phong (từ A9. C9) qua nhà ông Thuật, nhà ông Chúc đến điểm rẽ đình Nông Trang	700,000	
	. Đường khu 1A, 1B	700,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại	400,000	
3	***Khu 1B***		
	. Đường từ nút C9 đường sắt đi Hương Trầm (Dữu Lâu)	1,000,000	
	. Đoạn từ tiếp giáp đường C9 đi Hương Trầm qua nhà ông Bình (Tổ trưởng 9B) đến nhà ông Quý tổ 9A	700,000	
	. Đoạn từ tiếp giáp đường C9 đi Hương Trầm qua nhà ông Tuân (Thành đội) đến hết khu tập thể Cty may cũ	1.000.000	
	. Các ngõ hẻm khu 1B (đồi Pháo)	300,000	
	. Các ngõ hẻm khu 1B (đồi Mỏ Quàng) (Đổi thành Đoạn nối từ đường Nguyễn Tất Thành qua khu nhà ở CB BCHQS Tỉnh ra tiếp giáp đường Hoà Phong kéo dài)(Mới xây dựng đường nhựa)	1,000,000	
4	***Khu phố 2A***		
	. Đoạn từ đường Hùng Vương qua cổng chợ Nông Trang đến đường 20-7	2.500.000	
	. Đường từ A10 - C10 ven tường Bệnh viện Dệt đến nhà ông Minh	900,000	
	. Đoạn nối từ A10 - C10 đường vào cổng Tỉnh đội	700,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	(qua cấp 2 Dệt)		
	. Đường tiếp giáp đường 20/7 (nhà ông Viện tổ 17 đến gặp đường sau cổng Tỉnh đội)	1.000.000	
	. Đường từ đại lộ Hùng Vương (nhà ông Hải) đến nhà ông Minh (cả đường trên và dưới)	700,000	
	. Ngõ tiếp giáp đường đi 20/7 qua Bệnh xá Tỉnh đội cũ vòng ra nhà ông Công trưởng khu 2A	500,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 2A	400,000	
5	***Khu phố 2B***		
	. Đường tiếp giáp từ đường Hùng Vương đến đình Nông Trang	950,000	
	. Đường từ tiếp giáp vào cổng Tỉnh đội xuống nhà ông Hải	800,000	
	. Ngõ từ sau cổng Tỉnh đội xuống Trường tiểu học Nông Trang cũ vòng ra đường sắt về cổng sau Tỉnh đội	800,000	
	. Ngõ nối đường qua BHYT vào Tỉnh đội và từ Tỉnh đội xuống dốc ngược	600,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 2B	300,000	
6	***Khu phố 3***		
	. Đường tiếp giáp đường đi Cty xây dựng hạ tầng vào hết nhà trẻ Hoa Sen (khu Lâm Thắng)	800,000	
	. Ngõ từ nhà trẻ Hoa Sen ra đường sắt (ranh giới khu 3, 4) đến đường rẽ khu 5	500,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 3	200,000	
7	***Khu phố 4***		
	. Ngõ từ nhà trẻ Hoa Sen vòng sau qua nhà ông Long ra đường sắt đến tiếp giáp khu 3	350,000	
	. Ngõ từ nhà trẻ Hoa Sen đến tiếp giáp khu 6B	350,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 4	200,000	
8	***Khu phố 5***		
	. Ngõ từ đường sắt qua cổng nhà ông Thứ đi Dữu Lâu	500,000	
	. Ngõ từ đường sắt qua nhà trẻ Hoa Phượng đến hết đường khu 5	300,000	
	. Ngõ từ nhà trẻ Hoa Phượng vòng qua nhà ông Huệ (trưởng khu cũ) đến hết đường	300,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 5	200,000	
9	***Khu phố 6A***		
	. Đoạn từ đường Hùng Vương vòng sau chợ Nông Trang qua nhà ông Cát (trưởng khu 6A cũ) đến cổng sau chợ	800,000	
	. Ngõ từ tiếp giáp đường Hùng Vương qua nhà ông Tâm (trưởng khu cũ) đến nhà ông Trương Nga	350,000	
	. Đường chia khu 6A, 6C	350,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 6A	300,000	
10	***Khu phố 6B***		

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	. Đường từ ngã tư đồi Ông To đi qua Trường đào tạo Công nhân kỹ thuật xây dựng (băng 1 Ông To đến đường sắt)	2.000.000	
	. Đường từ tiếp giáp đường 20/7 vào tổ 68 qua trạm y tế đến hết đường	400,000	
	. Đường ven Trường đào tạo Công nhân xây dựng qua nhà bà Mậu (tổ trưởng 70A)	350,000	
	. Đường nội bộ đồi ông To	700,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 6B	300,000	
11	***Khu phố 6C***		
	. Đoạn từ ngã tư đồi ông To đi đường sắt (trại giam)	1.500.000	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương qua phòng khám Đa khoa phía bắc đến tường rào Cty xây dựng Hạ tầng	700,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại của khu 6C	300,000	
12	***Khu phố 7***		
	. Đường từ đường Hùng Vương qua HTX giấy nến Việt Hà cũ ra đường Sông Thao	700,000	
	. Đường nối từ đường vào HTX giấy nến Việt Hà cũ qua nhà trẻ Hoa Hồng đến H10 - từ nhà trẻ đến nhà ông Nghị	700,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 7	300,000	
13	***Khu phố 8***		
	. Đoạn từ đại lộ Hùng Vương qua trạm biến áp ao cá Dệt	1.000.000	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương (Công an cứu hoả) vào đường ven ao cá Dệt ra đường Hùng Vương (đến nhà ông Ngô Đức Thành)	700,000	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương (điểm đối diện Cty Ong) vào đến đường ven ao cá Dệt	700,000	
	. Đường tiếp giáp đường Sông Thao qua nhà ông Đích đến giáp xã Minh Nông	500,000	
	. Băng II tổ 90, khu 8	500,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 8	300,000	
	PHƯỜNG VÂN CƠ		
1	***Đường Bạch Đằng***		
	. Đoạn từ nút A12 đến Cty CP nhựa cao cấp và xây dựng	1.200.000	
2	***Đường Nguyễn Viết Xuân***		
	. Đoạn từ cây xăng Phủ Đức vào đường tàu cắt ngang đi XN Gà	1.700.000	
3	***Khu phố 1***		
	. Đoạn đường từ Hùng Vương vào cổng nhà ông Triệu tổ 1B	850,000	
	. Từ tiếp giáp nhà ông Quý đến nhà văn hoá khu 1	850,000	
	. Ngõ từ nhà ông Năm qua nhà ông Tuý tổ 1B	450,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	. Ngõ từ nhà ông Chi qua nhà bà Hà ra đường sắt tổ 1C	650,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 1A, 1B, 1C, 2	350,000	
	. Đoạn đường từ nhà bà Thu tới nhà ông Vượng (tổ 3B)	350,000	
	. Đường từ nhà ông Tấn đến nhà ông Tú	450,000	
	. Đoạn đường từ nhà bà Trinh tới nhà ông Chi Phán	600,000	
	. Đoạn đường từ nhà ông Chi đến nhà ông Lưu tổ 3A	350,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 1	250,000	
4	***Khu phố 2***		
	. Đường từ khách sạn Hoàng Long vào ao Cty Việt Hà	1.300.000	
	. Đoạn đường từ ao Cty Việt Hà vào cổng Trường THCS Vân Phú	1,000,000	
	. Đoạn đường từ tiếp đường Hùng Vương vào nhà trẻ Hoa Sen	600,000	
	. Các ngõ hẻm sau Bách hoá xi măng tổ 6 + 8	350,000	
	. Đoạn đường bưu điện Vân Cơ vào cổng Chi cục dự trữ	600,000	
	. Đường Hồ Xuân Hương: Từ UBND phường Vân Cơ đến hết nhà văn hoá khu 2	850,000	
	. Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến nhà văn hoá khu phố 2	600,000	
	. Đoạn từ nhà ông Dự đến tiếp giáp đường Hồ Xuân Hương	850,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại thuộc tổ 5, tổ 7	350,000	
	Đường từ nhà ông Thuật đến giáp nhà ô Thu tổ 8	450,000	
	Đường Hồ Xuân Hương từ nhà văn hoá khu 2 vào Trường trung học cơ sở	450,000	
	. Ngõ hẻm còn lại khu 2	250,000	
5	***Khu phố 3***		
	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1.300.000	
	Đoạn tiếp giáp đường Nguyễn Văn Trỗi qua Cty may đến Trường Mầm non tư thục Thanh Vân	850,000	
	Từ Trường Mầm non tư thục Thanh Vân đến nhà ông Minh Như	450,000	
	Các ngõ tập thể Cty đường bộ cũ tổ 17B	350,000	
	Ngõ từ nhà ông Thành Đăng vào nhà ông Minh Như tổ 14	450,000	
	Ngõ tiếp giáp đường Nguyễn Văn Trỗi vào Trạm biến thế cát sỏi	450,000	
	Ngõ tiếp giáp đường Nguyễn Văn Trỗi vào qua nhà bà Thái	450,000	
	Các ngõ hẻm còn lại khu 3	250,000	
6	***Khu phố 4***		
	Đoạn từ Cty CP cửa nhựa cao cấp và xây dựng đến Trại giam	450,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đường Trần Quốc Toản đến cổng B770 tiểu học Vân Cơ	850,000	
	Đường Ngô Tất Tố đến cổng Công ty cơ giới 14	850,000	
	Đoạn từ đường Bạch Đằng đến nhà ông Hiệu	525,000	
	Ngõ Hoà Bình từ Cty Việt Hùng vào Trường THCS Vân Cơ	450,000	
	Ngõ từ XN cơ giới 14 đến nhà ông Thống	450,000	
	Ngõ sau Trường Tiểu học và THCS Vân Cơ	350,000	
	Đường nối tổ 13 đi tổ 18	350,000	
	Các ngõ hẻm còn lại tại khu 4	250,000	
7	***Khu phố 5***		
	Đường Tô Vĩnh Diện: Từ A12 đến dốc đội xe Thuỷ lợi cũ	1.200.000	
	- Từ đội xe Thuỷ lợi đến hết kho xăng dầu	850,000	
	- Các ngõ hẻm còn lại khu 5	250,000	
7	***Khu phố 6***		
	. Đoạn từ đại lộ Hùng Vương vào khu tập thể Cty ô tô	600,000	
	. Đoạn từ tiệm vàng Công Tuấn đi nghĩa trang Minh Phương	450,000	
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 6	250,000	
	PHƯỜNG TÂN DÂN		
1	***Các tuyến đường rẽ từ đường Nguyễn Tất Thành***		
	. Đường từ LĐLĐ tỉnh đến nhà bà Tích Tổ 1 Tân Việt	1.500.000	
	. Đường từ BHXH tỉnh đến nhà ông Hợi Dung Tân Việt	1,800,000	
	. Đường từ hộ ông Dụng tổ 3 đến tiếp giáp đường Trần Phú phía sau Tỉnh uỷ	1,800,000	
	. Đường Trưng Vương (tiếp giáp đường Trần Phú đến cổng Trường Chính trị thành phố)	1,500,000	
	. Đường ngang từ đường Tân Bình sang đường Nguyễn Tất Thành khu tổ 6 giữa Sở TN và MT và VKS tỉnh (đổi tên thành Đường 13m khu phố Tân Tiến và Tân Xuân nối từ đường Tân Bình sang đường Nguyễn Tất Thành)	1,800,000	
	. Đường khu dân cư đồi Ong Vang (sau Bệnh viện tỉnh)	2.000.000	
2	***Khu Tân Bình:***		
	Đường khu tổ 4 từ nhà ông Viết đến tiếp giáp đường Châu Phong (Khu giáo viên Trường chuyên Hùng Vương, tổ 19B khu Tân An cũ)	1,800,000	
	Đường từ tổ 3 từ nhà ông Tuấn xuống nhà ông Tần đến khu dân cư ven Trường chuyên Hùng Vương (tổ 20B Tân An cũ)	1,500,000	
	Đường từ nhà ông Quang tổ 3 khu giáo viên Trường chuyên đến nhà ông Vàng (Tổ 20B phố Tân An cũ)	1,500,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Các ngõ hẻm còn lại phố Tân Bình (tách Khu tân An cũ)	500,000	
3	***Khu phố Tân An (Mới):***		
	Đường bao quanh đồi mâm xôi tổ 3 (từ nhà ô Cường Nhân đến nhà ô Đức tổ 25 phố Tân An cũ)	1.500.000	
	Đường nhà ô Minh Kim tổ 2 đến giáp đường bao quanh đồi mâm xôi (trước nhà VH)	1.000.000	
	Đường sau nhà VH khu phố sang nhà ô Nghiệp tiếp giáp với đường Châu Phong đi SOS	1.000.000	
	Đường tổ 5; 6 và phía sau nhà ô Điểm; ô Thụ	1.000.000	
	Băng nhà ô Trụ và ô Kiệm (tổ 6)	800,000	
	Ngõ nhà bà An Tỉnh tổ 3 (thay Ngõ ông Kế, bà Duyệt tổ 3)	500,000	
4	***Khu phố Tân Thuận:***		
	Đường tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành đến nhà bà Loan giáp Trường THCS Văn Lang rộng 10 m	1.500.000	
	Đường từ nhà ông Chùy tổ 2 đến nhà ông Ngọc	1,000,000	
	Các ngõ hẻm còn lại tổ 1, tổ 2	500,000	
5	***Khu phố Tân Tiến***		
	Đường từ nhà ô Huyên tổ 3 đến nhà ô Nam tổ 4 (tổ 11; 12 cũ)	1.500.000	
	Đường rộng 6,5m; 7m trong khu Tân Tiến (tổ 13, 14, 10a, 10b cũ)	1.000.000	
	Các ngõ hẻm còn lại trong khu Tân Tiến	500,000	
6	***Khu phố Tân Xuân (tách từ phố Tân Tiến)***		
	Đường khu tổ 7, tổ 8 từ nhà bà Thanh Cảnh đến nhà ông Nhu và từ nhà bà Nhân đến nhà bà Đủ	1.000.000	
	Đường từ nhà ông Thanh đến nhà bà Tài phía sau Sở GD và Đào tạo	1.000.000	
	Đường từ Công an phường Tân Dân đến nhà ông Cửu Bình tổ 9	1,800,000	
	Đường từ nhà ông Sinh tổ 2 đến nhà bà Bình giáp nhà ông Nhạc Tiến chạy dọc phía sau các cơ quan của tỉnh.	1.500.000	
7	***Khu phố Tân Phú***		
	Đường khu tổ 4 sang Trường Dự bị ĐH DTTW từ nhà ô Sơn đến nhà ô Tự tổ 3	1,800,000	
	Đoạn từ nhà bà Hiển đến nhà bà Nga tổ 3 (tổ 27B cũ)	1.500.000	
	Đoạn từ nhà ô Xuyền tổ 2 đến nhà ô Khoản ô Sơn tổ 2	1.000.000	
	Băng 2 khu tổ 2 từ nhà ô Xuân đến nhà ô Khoa Trực	1,000,000	
	Đường tiếp giáp đường Trần Phú xuống chợ Tân Dân	2.500.000	
	Đường quy hoạch tổ 2 khu Lạc Ngàn phố Tân Phú (từ nhà ông Khoa Trực đi Dữu Lâu)	500,000	
	Các ngõ hẻm còn lại	500,000	
8	***Khu phố Tân Thịnh***		

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đường rộng 11m khu tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6 thuộc băng 2, 3 đồi gò Cận (tổ 29A, 29B, 29C của phố Tân Phú cũ)	1,500,000	
	Đường thuộc băng 4, 5 khu đồi gò Cận và các ngõ hẻm còn lại	500,000	
9	***Khu phố Tân Thành***		
	Đoạn từ nhà ông Minh Xuân đến nhà ông Hoà (khu chợ Tân Dân)	1,000,000	
	Đoạn từ nhà bà Hữu đến nhà ô Mỹ khu Trầm Mộc tổ 4	700,000	
	Đoạn từ nhà ông Lan đến giáp nhà ông Bình Năm tổ 3	700,000	
	Các đường ngõ phía sau Đài Truyền thanh tỉnh tổ 5; 7; 8 từ nhà ô Tình đến nhà ô Xuân, nhà ô Đoán xuống giáp cơ quan Đài truyền hình cũ	700,000	
	Đoạn từ cổng Đài Truyền hình tỉnh đến giáp nhà ông Thạch đường Tân Đức	800,000	
	Đoạn từ nhà ô Cường Dung đến nhà ô Thạch và nhà ô Ngư ô Thẩm tổ 2	500,000	
	Các ngõ hẻm còn lại phố Tân Thành	500,000	
10	***Khu phố Tân Việt***		
	Đường Tân Việt từ tiếp giáp đường Trần Phú đến tiểu đoàn đoàn 2 lữ 297 (đã gộp đoạn từ Tân Việt đến nhà ông Hùng tổ 5)	1,000,000	
	Đoạn tiếp giáp từ nhà ông Hùng tổ 5 qua nhà ông Đăng đến miếu	500,000	
	Đường tiếp giáp nhà ông Xâm Lơ đến nhà ông Bảo Hợi tổ 4 Tân Việt	500,000	
	(Nhà ông Chính cũ)		
	Các ngõ hẻm còn lại đường Tân Việt	500,000	
	Đường qui hoạch khu đè then cửa đình	300,000	
	Các tuyến đường thuộc quy hoạch khu tổ 2 phố Tân Việt	300,000	
11	***Đường quy hoạch tổ 2 khu Lạc Ngàn phố Tân Phú (từ nhà ông Khoa Trực đi Dữu Lâu)***	500,000	
12	***Phố Tân Xuân (Ao Hóc Chuối)***	1,000,000	
	PHƯỜNG DỮU LÂU		
1	Băng II đường Trần Phú	1.000.000	
2	Băng II đường Nguyễn Du (đoạn từ cây xăng đến nghĩa trang liệt sỹ)	400,000	
3	Từ giáp đường Châu Phong đến hết trường dạy nghề (đồi Cây Mốc và đồi Gò Giữa)	700,000	
4	đường Đè Mát (đoạn từ tiếp giáp đường Trần Phú đi đê Sông Lô)	700,000	
5	Đoạn đường từ đường Trần Phú đến hết trụ sở UBND phường Dữu Lâu (đường Đè Sòi)	1.000.000	
6	Đoạn từ UBND phường Dữu Lâu đến Lợi Mua	400,000	
7	Đoạn từ đường Trần Phú đến đầu làng Dữu Lâu	500,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

8	Đường bao quanh Trường Dạy nghề	500,000	
9	Đường từ tổ 4A khu Hương Trầm đến đồi Ong Vang	300,000	
10	Đoạn từ đường Nguyễn Du đến nhà ông Đắc (khu Quế Trạo)	400,000	
11	Đường từ nhà ông Thắng (Đắc) đến đường Lê Đồng (Quế Trạo)	300,000	
12	Đoạn từ đường Nguyễn Du (ông Chương) - đình Quế Trạo	300,000	
13	Đoạn từ đê Sông Lô đến bến phà Đức Bác	500,000	
14	Đất trong tổ 1, 2a, 2b khu Quế Trạo và đất trong tổ 3a, 4a khu Hương Trầm	200,000	
15	Các đường trong tổ 3a, 4a khu Hương Trầm	300,000	
16	Các đường trong tổ 3b, 4b khu Hương Trầm	500,000	
17	Đất khu dân cư trong tổ 3b, 4b khu Hương Trầm	350,000	
18	đường từ nhà ông Lâm tổ 7 đến nhà ông Kết	500,000	
19	Các đường trong tổ 5, 6, 7 khu Bảo Đà	300,000	
20	Đất khu dân cư tổ 5, 6, 7 khu Bảo Đà	200,000	
21	Các đường trong tổ 8, 9, 10 khu Dữu Lâu	250,000	
22	Đất khu dân cư trong tổ 8, 9, 10 khu Dữu Lâu	200,000	
23	Đất khu dân cư thuộc các tổ của khu I	300,000	
24	Đất khu dân cư thuộc các tổ của khu II (các tổ 16, 17, 18, 20)	200,000	
25	Đất khu dân cư thuộc các tổ của khu phố III	300,000	
26	Đồng Chằm Thu	500,000	
27	Đồng Cửa Rừng	500,000	
28	Đất khu đồi địa chất - khu Hương Trầm	500,000	
29	Đất khu vực Rừng Cấm - khu Hương Trầm	500,000	
30	Đất băng 3 - đường Trần Phú Dữu Lâu	500,000	
31	Đường từ nhà ông Tiến Tú đến nhà bà Thu khu I	1.000.000	
32	Đường từ chợ Dầu (giáp đường Trần Phú) đến đồi Sau Sau	700,000	
33	Đường trong khu tái định cư Trung tâm thể thao	500,000	
34	Khu đồi Rừng Làng (khu Quế Trạo)	300,000	
35	Đường từ đình Hương Trầm đến nhà ông Hân (tách đường từ đình Hương Trầm đi Hoà Phong (Nông Trang)	500,000	
36	Đường từ nhà ông Hân đến giáp phường Nông Trang (Đường từ đình Hương Trầm đi Hoà Phong (Nông Trang)	700,000	
37	Đoạn từ đường Trần Phú - bà Phụng (Tổ 22 khu III)	400,000	
38	Đoạn từ đê sông Lô (khu II) - ông Lợi Quế Trạo	300,000	
39	Đường Lê Đồng (từ NM đóng tàu - đê Mai Thọ)	500,000	
40	Đường bao quanh tổ 6 khu Bảo Đà	350,000	
41	Khu vực nhà vườn đồi Ong Vang	2.000.000	
42	Đất xóm Hóc Tha (tổ 3B - khu Hương Trầm)	500,000	
43	Đất đồng Đè Sòi, Cây Nhãn, Hưng Vạn	500,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

44	Đất tổ 19 khu phố II	250,000	
45	Đường từ nhà Tường (tổ 4a) đến nhà ông Sáu	300,000	
46	Đường từ nhà ông Hùng tổ 6 đến cống Gò Gianh (giáp đường Hoà Phong kéo dài)	500,000	
47	Đất trong khu gia đình Đoàn nghệ thuật Chèo Phú Thọ	300,000	
48	Đường Đồng Lạc Ngàn giáp phường Tân Dân	500,000	
49	Băng 1 đường Nguyễn Du mới	3.500.000	
50	Băng 2 đường Nguyễn Du mới	2.500.000	
51	Băng 1 đường Hòa Phong kéo dài	3.600.000	
52	Băng 2 đường Hòa Phong kéo dài	2.000.000	
53	Đất trong khu dân cư đồi Ong Vang giáp trường THPT Dân Lập Việt Trì	500,000	
III	**Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và tại đô thị được tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.**		
IV	**Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá được tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.**		

Tổng số xã, phường là 23, trong đó:

1. Phường (10):

Gia Cẩm; Tiên Cát; Nông Trang; Thanh Miếu; Bến Gót; Bạch Hạc; Dữu Lâu; Vân Cơ; Tân Dân; Thọ Sơn.

2. Xã đồng bằng (8):

Sông Lô; Trưng Vương; Vân Phú; Thuỵ Vân; Phượng Lâu; Minh Phương; Minh Nông; Tân Đức.

3. Xã trung du (1):

Hùng Lô

4. Xã miền núi (4):

Hy Cương, Chu Hoá, Thanh Đình, Kim Đức.

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HUYỆN YÊN LẬP NĂM 2010

ĐVT: Đồng/m2

STT	DIỄN GIẢI	Giá 2010	Ghi chú
I	**ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**		
A	**ĐỜNG TỈNH LỘ 321**		
1	**XÃ HNG LONG**		
	Đất từ cổng trờng THPT Yên Lập đến cổng nhà ông Nhỡ	220,000	
	Đất từ cổng nhà ông Nhỡ đến hết ngã ba Tân Hơng	300,000	
	Đất từ ngã 3 Tân Hơng đến tràn Đồng Bành	170,000	
	Đất dọc các tuyến đờng thôn xóm thuộc khu TT xã	40,000	
	Đất ở còn lại các khu vực khác trong xã.	30,000	
2	**XÃ XUÂN THUỶ**		
	Đất Khu trung tâm xã (Lối rẽ vào đờng bê tông xóm 4 đến hết trờng THCS)	270,000	
	Đất Từ Bưu điện VH xã đến hộ ông Hùng khu 4	250,000	
	Đất Từ hộ ông Hoàn khu 4 đến ông Tráng khu 2	270,000	
	Đất Từ cống dâu đến hết Ao Than khu 1	170,000	
	Đất Từ hộ ông Dỡng khu 8 đến hết dốc Đen	150,000	
	Đất hai bên ven đờng vành đai	100,000	
	Đất từ hộ ông Xuất đến Trạm điện	100,000	
	Đất dọc các tuyến đờng thôn xóm thuộc khu TT xã	50,000	
	Đất ở còn lại các khu vực khác trong xã.	20,000	
3	**XÃ XUÂN VIÊN**		
	Đất Khu trung tâm xã (Từ giáp trờng THCS Xuân Viên đến hết nhà ông Huy cũ)	270,000	
	Đất từ trờng THCS Xuân Viên đến giữa hết dốc đất Đen	170,000	
	Đất từ nhà ông Huy cũ đến Đập Sách	170,000	
	Đất từ Đập Sách đến đầu cầu Ngòi Giành	200,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đất hai bên đường trục các xóm: Đồng Xuân, Quảng Đông, Quyết Tiến, Vải Đạng **và đất chợ xã**	50,000	
	Đất khu dân c còn lại của xã	30,000	
4	**XÃ XUÂN AN**		
	Đất khu trung tâm xã (Từ nhà bà Thực đến nhà ông Sơn)	250,000	
	Đất từ nhà bà Thực đến đầu cầu ngòi Giành	200,000	
	Đất từ nhà ông Sơn đến nhà ông Vụ	200,000	
	Đất dọc các tuyến đường thôn xóm thuộc khu TT xã và đất chợ xã	50,000	
	Đất ở còn lại các khu vực khác trong xã.	30,000	
5	**XÃ LƯƠNG SƠN**		
	Đất khu trung tâm xã hai bên đường TL 321 (Từ nhà ông Hiệu đến Cầu A)	300,000	
	Đất còn lại hai bên đường tỉnh lộ 321	150,000	
	Đất dọc các tuyến đường thôn xóm thuộc khu TT và chợ xã	100,000	
	Đất khu dân c còn lại của xã	50,000	
6	**XÃ MỸ LƯƠNG**		
	Đất khu trung tâm xã (Từ tràn ngòi Thiểu đến nhà ông Thuận)	200,000	
	Đất hai bên đường còn lại dọc Đường 321	100,000	
	Đất các khu vực còn lại dọc đường thôn xóm khu trung tâm và chợ xã	50,000	
	Đất khu vực còn lại	30,000	
7	**XÃ MỸ LUNG**		
	Đất hai bên đường cách trớc chợ Mỹ Lung 100m	200,000	
	Đất hai bên đường tỉnh lộ 321 từ cách Chợ xã 100m đến nhà bà Hùng Sầm	150,000	
	Đất hai bên đường tỉnh lộ 321 từ cách Chợ xã 100m đến cầu Ngòi Lao	150,000	
	Đất khu vực còn lại dọc đường tỉnh lộ 321	100,000	
	Đất dọc các tuyến đường thôn xóm thuộc khu TT xã và đất chợ xã	50,000	
	Đất khu vực dân c còn lại	30,000	
	Đất dọc chân núi khu 1a, 1b, khu Xuân Thắng, khu 8, khu		

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	9	20,000	
	ĐỜNG TỈNH LỘ 313 D		
1	**XÃ NGỌC LẬP**		
	Đất hai bên đờng tỉnh lộ 313 (Từ cầu gốc Gạo đến lối rẽ Đài tởng niệm	300,000	
	Đất còn lại dọc đờng tỉnh lộ 313	150,000	
	Đất dọc các tuyến đờng thôn xóm thuộc khu TT xã và đất chợ xã	50,000	
	Đất các khu vực còn lại	30,000	
2	**XÃ PHÚC KHÁNH**		
	Đất hai bên đờng tỉnh lộ 313 (Từ Xởng chè ông Quang đến cổng trờng THCS Phúc Khánh)	250,000	
	Đất hai bên đờng tỉnh lộ 313 (Từ trờng THCS Phúc Khánh đến nhà ông Phúc xóm Đình)	150,000	
	Đất hai bên đờng tỉnh lộ 313 (Từ nhà ông Phúc xóm Đình đến nhà ông Thọ xóm Hầm)	100,000	
	Đất dọc các tuyến đờng thôn xóm thuộc khu TT xã và đất chợ xã	50,000	
	Đất dọc tuyến đờng Quốc phòng (Trung tâm các khu dân c)	40,000	
	Đất khu vực còn lại	30,000	
3	**XÃ ĐỒNG THỊNH**		
	Đất hai bên đờng 313 (Từ cổng quán Hải đến giáp nhà ông Vợng thị trấn)	500,000	
	Đất hai bên đờng 313 (Từ giáp thị trấn Yên Lập đến Cầu Nghè)	300,000	
	Đất khu vực còn lại dọc hai bên đờng tỉnh lộ 313	150,000	
	Đất dọc các tuyến đờng thôn xóm thuộc khu TT xã	50,000	
	Đất các khu dân c còn lại khác	30,000	
	ĐỜNG TỈNH 330		
1	**XÃ ĐỒNG LẠC**		
	Đất hai bên đờng tỉnh lộ 313D (Từ nhà ông Thịnh đến Đài tởng niệm)	200,000	
	Đất hai bên đờng tỉnh lộ 313 D còn lại và đất chợ xã	100,000	
	Đất hai bên đờng rẽ từ TL 313D đi trờng TH	50,000	
	Đất hai bên đờng từ UBND xã đi khu Minh Tân	30,000	
	Đất hai bên đờng từ UBND xã đi khu Dân Thanh	50,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đất các khu dân c còn lại khác	30,000	
2	**XÃ MINH HOÀ**		
	Đất hai bên đường TL 313D (Từ tràn Đồng Guốc đến hết nhà ông Lý)	250,000	
	Đất hai bên đường TL 313D (Từ tràn Đồng Guốc đến Trạm điện số 1)	150,000	
	Đất hai bên đường TL 313D (Từ nhà ông Lý đến nhà ông Sửu)	150,000	
	Đất hai bên đường TL 313D còn lại	100,000	
	Đất khu vực trung tâm khác	30,000	
	Đất khu dân c còn lại	30,000	
3	**XÃ NGỌC ĐỒNG**		
	Đất hai bên đường TL 313D (Từ ngã ba Ngọc Đồng đến cầu Gốc sống)	200,000	
	Đất hai bên đường TL 313D khu vực còn lại	100,000	
	Đất dọc các tuyến đường thôn xóm thuộc khu TT xã và đất chợ xã	40,000	
	Đất khu dân c còn lại	30,000	
	ĐỜNG TỈNH 321C (LƯƠNG SƠN- PHƯƠNG XÁ)		
	Đất hai bên đường TL 321C (Từ bu điện Lơng Sơn đến cầu Ngã 2 Lơng Sơn)	250,000	
	Khu vực còn lại hai bên Đờng tỉnh lộ 321C	150,000	
	ĐẤT DỌC ĐƯỜNG TỈNH LỘ 321B		
1	**XÃ TRUNG SƠN**		
	Đất hai bên đường (Từ xóm Nai đến nhà ông Phận xóm Cả)	150,000	
	Đất hai bên đường (Từ nhà ông Phận xóm Cả đi xóm Dùng)	100,000	
	Đất hai bên đường (Từ nhà ông Phận xóm Cả đi xóm Ngọt)	100,000	
	Đất hai bên đường (Từ nhà ông Phận xóm Cả đi xóm Dích)	50,000	
	Đất hai bên đường từ xóm Dùng đi Sáu khe	20,000	
	Đất khu dân cư còn lại	20,000	
	ĐỜNG HUYỆN LỘ		
1	**XÃ THƯỢNG LONG**		
	Đất hai bên đường huyện (Từ lối rẽ xóm Đắng đến lối rẽ vào nhà ông Kim Sàn xóm Đồng Chung	200,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đất khu vực còn lại hai bên đờng huyện	100,000	
	Đất dọc các tuyến đờng thôn xóm thuộc khu TT xã	80,000	
	Đất khu vực giáp ranh Hồ ly gồm xóm Móc, xóm Thiều	50,000	
	Đất hai bên đờng từ xóm Đắng đi Phúc Khánh	50,000	
	Đất khu dân cư còn lại	30,000	
2	**XÃ NGA HOÀNG.**		
	Đất hai bên đờng từ nhà ông Toàn (Uyển) đến hết nhà ông Hải khu 4	150,000	
	Đất hai bên đờng từ nhà ông Hải khu 4 đến hết trờng THCS Nga Hoàng	150,000	
	Đất dọc các tuyến đờng thôn xóm thuộc khu TT xã	50,000	
	Đất khu dân c còn lại	20,000	
3	**XÃ HNG LONG**		
	Đất từ ngã ba Tân Hương đến ngòi Thiện	140,000	
	Đất từ ngã ba Xí nghiệp chè đến cổng nhà bà Xa	130,000	
4	**XÃ ĐỒNG LẠC**		
	Đất hai bên đờng rẽ từ TL 313D đi Chơng Xá (Cẩm Khê)	100,000	
	Đất hai bên đờng rẽ từ TL 313D đi Hơng Lung (Cẩm Khê)	50,000	
	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ		
II	**Đất hai bên Đường tỉnh 313 (từ ngã ba hạt 8 giao thông đi Cẩm Khê)**		
1	***Đất từ ngã ba hạt 8 giao thông đến hết Trung tâm giáo dục thờng xuyên***	500,000	
	Đất từ giáp Trung tâm giáo dục thờng xuyên đến hết bưu điện	600,000	
	Đất từ giáp Bu điện đến lối rẽ vào công ty cổ phần và dịch vụ đô thị	800,000	
	Đất từ lối rẽ vào công ty cổ phần và dịch vụ đô thị đến hết ngã 3 bến xe	1,100,000	
	Đất từ giáp ngã 3 bến xe đến đỉnh dốc thuỷ điện cũ	700,000	
	Đất từ giáp đỉnh dốc thuỷ điện cũ đến ngã 3 đờng rẽ đờng tỉnh 313D	200,000	
	Khu vực còn lại dọc đờng tỉnh 313D	180,000	
	Đất dọc hai bên đờng tỉnh lộ 330 từ nhà ông Sáng Nhạn		

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	đến nhà bà Ninh	180,000	
	Đất còn lại đồng tỉnh lộ 313D	150,000	
2	***Đất hai bên đường tỉnh lộ 321 (Ngã 3 bến xe đi Mỹ Lung)***		
	Đất từ giáp ngã 3 bến xe đến hết thổ c bà Chất khu chùa 11	600,000	
	Đất từ giáp thổ c bà Chất đến hết thổ c bà Sao khu chùa 11	400,000	
	Đất từ giáp thổ c bà Sao khu chùa 11 đến cổng trờng THPT Yên Lập	300,000	
3	***Đất hai bên đường vành đai chợ thị trấn***		
	Đất từ ngã 3 cổng chợ đến lối rẽ vào nhà ông Vị khu Tân An 3	800,000	
	Đất từ giáp lối rẽ vào nhà ông Vị Tân An 3 đến Hạt 8 giao thông	600,000	
4	***Đất hai bên đường huyện từ công an huyện đi Thọng Long***		
	Đất từ ngã 3 công an đến hết ao cá Bác Hồ khu Trung ngãi 5	600,000	
	Đất từ giáp ao cá Bác Hồ đến hết nhà bà Thế khu Trung ngãi 5	350,000	
	Đất từ giáp nhà bà Thế đến hết nhà ông Thuật khu Đồng Cạn 8	300,000	
	Đất từ giáp nhà ông Thuật đến hết ranh giới thị trấn Yên Lập	250,000	
	Đất hai bên đường từ ngã ba bu điện đến hết trờng mầm non huyện	400,000	
5	***Đất hai bên đường ngã ba bến Sơn 16 đến Tràn Thiện***	100,000	
6	***Đất hai bên đường liên thôn xóm qua các khu hành chính:***		
7	***Đất từ nhà ông Khoa đến hết nhà ông Quân khu Tân An 1***	150,000	
	Đất từ giáp nhà ông Quân đến hết nhà ông Vinh khu Tân An 1	100,000	
	Đất các vị trí còn lại khu Tân An 1,2,3,4	50,000	
	Đất các khu dân c còn lại thuộc thị trấn Yên Lập	40,000	
8	***Các khu đất tái định c đã xây dựng hạ tầng thuộc các xã, thị trấn trên địa bàn huyện***	150,000	
III	**Đất Sản xuất, Kinh doanh phi nông nghiệp tại Nông thôn và tại Đô thị đợc tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.**		
IV	**Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá đợc tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.**		

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Tổng số xã, thị trấn là 17, trong đó:

1. Thị trấn (01): Thị Trấn Yên Lập

2. Xã Miền núi (14): Mỹ Lung, Mỹ Lơng, Lơng Sơn, Xuân An, Xuân Viên, Xuân Thuỷ, Thợng Long, Hng Long, Đồng Thịnh, Phúc Khánh, Ngọc Lập, Ngọc Đồng, Minh Hoà, Đồng Lạc.

3. Xã vùng cao (02): Nga Hoàng, Trung Sơn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HUYỆN CẨM KHÊ NĂM 2010

ĐVT: đồng/m2

TT	DIỄN GIẢI	Giá 2010	Ghi chú
I	**ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**		
1	**Đất ven đường QL 32C**		
1.1	Đối với đất khu phố xã Phong Xá và xã Phú Lạc đất thuộc ven QL32C	500.000	
1.2	Đối với xã Hiền Đa và xã Cát Trù đất thuộc ven đường QLộ32C	400.000	
1.3	Đối với xã Sai Nga đất thuộc hai bên đường QLộ 32C	400.000	
1.4	Đất ao hồ bám theo đờng quốc lộ 32C của xã Phương Xá	300.000	
1.5	Đất 2 mặt đường QL 32C của các xã : Phú Lạc giáp Yên Tập, Điêu Lương từ giáp xã cát Trù qua Đồng Lơng đến sông Bứa	300.000	
1.6	Đất dọc theo đường QL 32C của các xã: Phùng Xá; Sơn Nga: TuyLộc; Phú Khê; Yên Tập; Tình Cơng; Hiền Đa (giáp Tình Cơng)	300.000	
1.7	Đất ao hồ, thùng đào ven đường 32C của xã Tuy Lộc và Tình Cơng	200.000	
2	**Đất Ven đường tỉnh lộ 313 từ TT Sông Thao đi Yên Lập**		
2.1	Đất ven đường TL313 thuộc xã Thanh Nga	200.000	
2.2	Đất ven đường 313 thuộc xã Sơn tình, Hơng Lung	200.000	
3	**Đất ven đường tỉnh lộ 321C từ xã Phơng Xá đi Lơng Sơn**		
3.1	Đất dọc đường 321C thuộc xã Đồng Cam	350.000	
3.2	Các vị trí còn lại dọc theo tuyến	100.000	
4	**Đất ven đường tỉnh lộ 313C từ Đồng Lơng đi Hơng Lung**		
4.1	Đoạn từ ngã ba chợ vực đến ngã ba kho gạo cũ thuộc xã Đồng Lương	250.000	
4.2	Ngã ba Xí nghiệp dịch vụ chè Vạn Thắng	150.000	
4.3	Các vị trí còn lại dọc tuyến	100.000	
5	**Đất ven đường tỉnh lộ 313B cũ từ ngã 3 xã Hơng Lung đi Văn Bán**		
5.1	Từ ngã ba Hương Lung (đờng 313B cũ) đến hết đất xã Hơng Lung	150.000	
5.2	Đoạn thuộc xã Sơn Tình, Cấp Dẫn	90.000	
5.3	Đoạn từ ngã ba trung tâm xã Cấp Dẫn đến trạm Y tế xã Văn Bán	80.000	
6	**Đất ven các tuyến đường huyện lộ, đường liên xã**		
6.1	Đất hai bên đường rặng nhãn thuộc xã Sai Nga		
	- Đoạn từ ngã ba sau nhà ông Mỹ Ngà qua UBND xã	200.000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	đến nghĩa trang liệt sỹ		
	- Các vị trí còn lại của đường rặng nhãn đến hết đất Sai Nga	150.000	
6.2	Đất hai bên đường đê quai thuộc xã Cát Trù	200.000	
6.3	Đất 2 bên đường 98 (cũ) từ Phú Lạc đến Hơng Lung		
	- Đoạn từ QL 32C (theo đờng 98 cũ) đến ngã ba Yên Tập	200.000	
	- Trung tâm xã Tạ Xã và ngã ba đường 98 cũ gặp tỉnh lộ 313C	150.000	
	- Các vị trí còn lại trên tuyến	80.000	
6.4	Đất 2 bên đường huyện lộ từ Xơng Thịnh đi Đồng Cam		
	- Đoạn thuộc địa phận xã Đồng Cam	300.000	
	- Các vị trí còn lại dọc tuyến (trừ đất thuộc trung tâm các xã)	100.000	
6.5	Đất 2 bên đường huyện lộ từ Tuy Lộc đi Ngô Xá, Phợng Vỹ (trừ đất trung tâm của các xã)	100.000	
6.6	Đất hai bên đờng Đồng Cam đi Thuỵ Liễu, Ngô Xá, Phợng Vỹ (trừ đất trung tâm của các xã)	100.000	
6.7	Đất hai bên đường huyện lộ từ: Hiền Đa đi Văn Khúc:		
	- Đoạn từ giáp QL 32C đến trường cấp 3 Hiền Đa	350.000	
	- Các vị trí khác còn lại dọc theo tuyến	100.000	
6.8	Đờng từ ngã ba bu điện Phú Lạc đi Chơng Xá:		
	- Đoạn từ Bu điện Phú Lạc đến nghĩa trang Phú Lạc	200.000	
	- Các vị trí còn lại	100.000	
6.9	Đất dọc theo đường liên xã thuộc địa phận xã Phú Khê:		
	- Đoạn giáp QL 32C (ngã ba chân dốc Me) đến nhà ông Tĩnh và đầu trên đoạn từ giáp thị trấn Sông Thao đến nhà ông Sành	250.000	
	- Đoạn từ nhà ông Sành qua UBND xã Phú Khê đến nhà ông Tĩnh	150.000	
7	**Đất ven các tuyến đường liên thôn, liên xóm**		
7.1	Đường liên thôn xã Phương Xá	150.000	
7.2	Đường liên thôn, liên xóm của các xã: Sai Nga; Hiền Đa; Cát Trù	150.000	
7.3	Đường nhựa mới từ TL313 đến TL313B thuộc xã Sơn Tình	100.000	
7.4	Đường từ QL32C đến UBND xã Điêu Lương (trừ đất trung tâm xã và ven QL32C)	70.000	
7.5	Đường từ đê Ngô Xá đi Tiên Lơng, Lơng Sơn (trừ đất trung tâm xã)	70.000	
7.6	Đường liên thôn, liên xóm của các xã còn lại (trừ TT Sông Thao)	60.000	
8	**Đất thuộc trung tâm các xã (trừ TT Sông Thao)**		
8.1	Tại trung tâm xã Phương Xá	550.000	
8.2	Tại trung tâm xã Tuy Lộc	400.000	
8.3	Tại trung tâm xã : Hiền Đa; Cát Trù; Sai Nga	300.000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

8.4	Tại trung tâm các xã: Đồng Cam; Ngô Xá; Phợng Vỹ; Tam Sơn; Thuỵ Liễu; Văn Bán; Tùng Khê; Cấp Dẫn; X-ơng Thịnh; Tạ Xá; Chơng Xá;Yên Dõng; Đồng Lơng; Phú Lạc; Sơn Tình; Hơng Lung; Văn Khúc;Sơn Nga; Phùng Xá; Yên Tập; Tình Cơng;	200.000	
8.5	Tại các trung tâm xã Phú Khê	150.000	
8.6	Tại trung tâm các xã: Tiên Lơng; Thanh Nga; Điêu Lơng	150.000	
9	**Đất đồi gò giao thông không thuận tiện của tất cả các xã trên địa bàn huyện (trừ thị trấn Sông Thao)**	40.000	
II	**ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ**		
1	**Đờng QL32C từ ngã t thị trấn đi bến phà Tình Cơng đến hết địa phận thị trấn**		
1.1	Đoạn từ ngã t thị trấn đến hết nhà ông Phơng Cảnh. Vị trí hai mặt tiền	1.400.000	
	- Ngõ từ giáp nhà ông Phơng Cảnh đến hết nhà ông Long Thoa	400.000	
1.2	Đoạn từ giáp nhà ông Phơng Cảnh đến ngõ rẽ vào Đông Y cũ. Vị trí hai mặt tiền	1.200.000	
	- Ngõ vào băng hai của khu Đông Y (cũ) đến hết nhà ông Thăng	300.000	
	- Ngõ từ sau nhà ông Dụ đến hết đất nhà ông Trà	300.000	
	- Ngõ từ sau nhà văn hoá khu 7 đến hết nhà bà Tý. Ngõ sau nhà Dung Quế đến hết nhà ông Liễu. Ngõ sau nhà thuốc ông Thạch đến nhà ông Huy. Ngõ sau nhà ông Thờng đến hết nhà ông Trầu	250.000	
	- Ngõ từ sau BHXH đến hết nhà Hùng Ngân	350.000	
	- Ngõ từ sau nhà Hùng Ngân đến hết ao Tơ	300.000	
	- Ngõ sau nhà ông Thuận Thắng đến hết nhà ông Trờng + bà Mạc. Ngõ sau Cơ Nga đến hết nhà ông Chế. Ngõ sau nhà ông Tân Điều đến hết nhà ông Cờng. Ngõ sau nhà ông Nhân Hậu đến hết ngã ba đi Bình Phú	200.000	
	- Ngõ sau Hạt Kiểm Lâm đến hết ngã ba nhà ông Sáu Hẳn + ông Nga Liên	350.000	
	- Ngõ từ giáp nhà ông Nga Liên đến hét nhà ông Xoay	300.000	
1.3	Đoạn từ giáp ngõ rẽ vào Đông Y cũ đến hết nhà ông Tâm Thêm và nhà ông Thuyết. Vị trí hai mặt tiền	1.000.000	
1.4	Đoạn từ nhà ông Tâm Thêm đến đầu dốc nghĩa trang và hết đất nhà ông Hiểu. Vị trí hai mặt tiền	800.000	
1.5	Đoạn từ nhà ông Hiểu đến hết đất thị trấn. Vị trí hai mặt tiền	550.000	
2	**Đờng QL32C từ ngã t thị trấn đi Sai Nga đến hết địa phận thị trấn**		
2.1	Đoạn từ ngã t thị trấn đến nhà ông Việt Lợi và Giếng Câu, Vị trí hai mặt tiền	1.400.000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

2.2	Đoạn từ sau nhà ông Việt Lợi và Giếng Câu đến hết chùa Linh Quang. Vị trí hai mặt tiền	1.200.000	
2.3	Đoạn từ sau chùa Linh Quang đến hết đất CTTNHH C-ơng Lĩnh. Vị trí hai mặt tiền	1.000.000	
	Ngõ từ sau chùa Linh Quang đi Múc Mả đến hết nhà ông Chiến + ông Hoàn	250.000	
	Ngõ từ nhà ông Ninh + bà Thọ + ông Hải Đợc đến hết nhà Chức Hiền	300.000	
2.4	Đoạn từ sau nhà ông Thuỳ Hoà đến hết nhà ông Hồ + Thanh Thọ. Vị trí hai mặt tiền	900.000	
2.5	Đoạn từ sau nhà ông Hồ đến hết nhà ông Ninh + ông Quang Liệu. Vị trí hai mặt tiền	700.000	
2.6	Đoạn từ sau nhà ông Ninh + ông Hải đến hết đất thị trấn. Vị trí hai mặt tiền	550.000	
2.7	Đoạn theo đờng 24 cũ từ sau nhà ông Thuỳ Hoà + Tiến Tân đến hết đất thị trấn. Vị trí hai mặt tiền	300.000	
3	**Đờng TL313 từ ngã t thị trấn đi Yên Lập đến hết địa phận thị trấn**		
3.1	Đoạn từ ngã t đến hết đất nhà Hảo Tuyết + Thuỷ Đào. Vị trí hai mặt tiền	1.400.000	
3.2	Đoạn từ sau nhà Hảo Tuyết + Thuỷ Đảo đến hết nhà Ngân Sắc (đờng rẽ đi Thanh Nga)	1.200.000	
	- Ngõ vào băng 2 chợ cũ, từ nhà ông Thọc Hằng đến nhà ông Tâm Tỵ	400.000	
	- Ngõ sau cửa hàng VLXD Thi Dụ đến nhà ông Tiến Cảnh + Tuyến Nguyệt. Ngõ sau nhà Hải Thiết đến nhà ông Cờng Quý. Ngõ sau nhà Ngân Sắc đến hết nhà Quang Toản. Ngõ sau nhà Thanh Hơng đến hết nhà Tám Triệu	400.000	
	- Ngõ sau nhà ông Tiến Cảnh + Tuyến Nguyệt đến hết nhà Hải Đợc. Ngõ sau nhà Thuỷ Đào đến hết nhà ông Thành. Ngõ sau nhà Tuyết Hảo đến hết nhà bà Nhung. Ngõ sau nhà Giáp Trạm đến hết nhà Duy Việt. Ngõ sau nhà Tâm Thanh đến hết nhà Đức Tiến	350.000	
	- Ngõ sau nhà Sơn Hằng đến hết nhà bà Anh. Ngõ sau nhà Năm Vinh đến hết nhà ông Mạnh và ngõ sau nhà bà Điệp đến hết nhà bà Nhung	300.000	
3.3	Đoạn từ nhà Ngân Sắc (ngõ rẽ đi Thanh Nga) đến hết đất của nhà ông Chiến và cổng trờng cấp 2, hai mặt tiền	1.100.000	
	- Ngõ từ cổng trờng cấp 2 đến hết nhà ông Đoàn Ánh	300.000	
3.4	Đoạn từ cổng trờng cấp 2 đến hết nhà Hải Khanh và nhà ông Hữu. Vị trí hai mặt tiền	900.000	
3.5	Đoạn từ sau nhà Hải Khanh + ông Hữu đến hết đất thị trấn. Vị trí hai mặt tiền	550.000	
	- Ngõ vào băng 2 cơ khí đến giáp đất của ông Quỳ	250.000	
4	**Đờng làng nghề từ ngã t thị trấn đi bến đò Đồng Viên sang Chí Chủ**		
4.1	Đoạn từ ngã t thị trấn đến hết chi nhánh điện Sông Thao	1.300.000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	+ nhà bà Bình. Vị trí hai mặt tiền		
	- Ngõ vào băng hai UBND huyện + Ngân hàng (Từ nhà ông D đến hết nhà ông Hoàng Ngân)	400.000	
4.2	Đoạn từ giáp chi nhánh điện đến cổng trờng Mầm Non Hoa Hồng. Vị trí hai mặt tiền	1.100.000	
	- Ngõ vào băng 2 từ trờng mầm non Hoa Hồng đến nhà ông Luân Nghiệp	400.000	
	- Ngõ từ giáp nhà ông Luân Nghiệp đến cổng trờng tiểu học	300.000	
	- Ngõ từ sau cổng trờng tiểu học đến hết đất nhà bà Thọ + ông Luyến, ngõ sau nhà Hơng Tờng đến hết nhà Quang My + ông Lục, ngõ sau UBND thị trấn đến hết	300.000	
	- Ngõ từ nhà ông Sơn Nguyệt đến giáp đờng rẽ vào băng 2 UBND huyện	300.000	
4.3	Đoạn từ cổng trờng mầm non Hoa Hồng đến hết đất nhà ông Tám Học và ông Thuật Dậu. Vị trí hai mặt tiền	1.000.000	
4.4	Đoạn từ đất nhà ông Lộc và ông Quyền đến hết đất nhà ông Đạt + ông Luật Diệp (đoạn dốc). Vị trí hai mặt tiền	550.000	
4.5	Đoạn từ nhà ông Tiến Hiền + đờng rẽ trớc nhà ông Đạt đến hết đất thị trấn. Vị trí hai mặt tiền	450.000	
5	**Đất hai bên đờng vành đai phía đông thị trấn Sông Thao**		
5.1	Đoạn hai đầu đờng vành đai tiếp giáp QL 32C và ngã t đ-ờng vành đai, đờng đi bến đò Chí Chủ; Đoạn từ nhà ông Kế + ông Thành đến hết nhà ông Đích Bẩy. Đoạn từ ngã ba bà Nga Bấm đến hết nhà ông Sống Tý.	550.000	
5.2	Đoạn từ sau nhà Đích Bẩy đến hết ao Thân. Đoạn từ sau nhà ông Sống Tý đến giáp cửa hàng Xăng dầu.	300.000	
6	Đất hai bên đờng nối đờng vành đai với chợ thị trấn Sông Thao	300.000	
7	**Đất dọc theo 2 mặt tiền tuyến đê Hữu Thao**		
7.1	Đoạn từ nhà ông Quang Liệu đến hết nhà ông Vinh Tỉnh	300.000	
7.2	Đoạn từ giáp nhà ông Vinh Tỉnh đến hết nhà ông Lu Thập	200.000	
8	Đất theo đờng liên thôn, liên xóm còn lại	200.000	
9	Đất lèo lẻ không thuận tiện giao thông còn lại của thị trấn	100.000	
III	**Đất Sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại Nông thôn và tại Đô thị đợc tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực**		
IV	**Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá đợc tính bằng đất cùng vị trí liền kề của khu vực**		

Tổng số xã, thị trấn là 31, trong đó:

1. Xã trung du (5): Phong Xá, Đồng Cam, Sai Nga, Hiền Đa, Cát Trù.

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

2. Xã miền núi (25): Tiên Lơng, Ngô Xá, Phợng Vỹ, Tam Sơn, Thuỵ Liễu, Văn Bán, Tùng Khê, Cấp Dẫn, Sơn Tình, Xơng Thịnh, Hơng Lung, Tạ Xá, Chơng Xá, Văn Khúc, Yên Dõng, Điêu Lơng, Đồng Lơng, Sơn Nga, Phùng Xá, Tuy Lộc, Thanh Nga, Phú Khê, Yên Lập, Phú Lạc, Tình Cơng .

3. Thị trấn (01): Thị trấn Sông Thao.

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HUYỆN THANH THUỶ NĂM 2010

ĐVT: đồng/ m2

STT	DIỄN GIẢI	Giá 2010	Ghi chú
I	**ĐẤT Ở NÔNG THÔN**		
A	**Các xã vùng trung du(gồm 4 xã: Đồng Luận, Đoan Hạ, Bảo Yên, Xuân Lộc)**		
	Khu vực đường quy hoạch (Khu vực đất đồi)		
1	Các trục đường từ 6m trở lên	100,000	
2	Các trục đường từ 5m đến dới 6m	90,000	
3	Các trục đường từ 3m đến dới 5m	80,000	
*	***Khu vực đường quy hoạch (Khu vực đất bãi)***		
1	Các trục đường từ 6m trở lên	210,000	
2	Các trục đường từ 5m đến dới 6m	190,000	
3	Các trục đường từ 3m đến dới 5m	150,000	
	Khu vực khác		
1	Đất vùng ven trung tâm và vùng ven tụ điểm kinh tế	110,000	
2	Đất khu vực dân c còn lại (Khu vực đất đồi)	70,000	
3	Đất khu vực dân c còn lại (Khu vực đất bãi)	90,000	
B	**Các xã vùng miền núi**		
	(Gồm : Tu Vũ, Yến Mao, Phợng Mao, Trung Nghĩa, Trung Thịnh, Hoàng Xá, Sơn Thuỷ, La Phù, Tân Ph-ơng, Thạch Đồng, Đào Xá)		
	Khu vực đường quy hoạch (Khu vực đất đồi)		
1	Các trục đường từ 6m trở lên	90,000	
2	Các trục đường từ 5m đến dới 6m	70,000	
3	Các trục đường từ 3m đến dới 5m	50,000	
*	***Khu vực đường quy hoạch (Khu vực đất bãi)***		
1	Các trục đường từ 6m trở lên	140,000	
2	Các trục đường từ 5m đến dới 6m	110,000	
3	Các trục đường từ 3m đến dới 5m	90,000	
	Khu vực khác		
1	Đất vùng ven trung tâm và vùng ven tụ điểm kinh tế	80,000	
2	Đất khu vực dân c còn lại (Khu vực đất đồi)	50,000	
3	Đất khu vực dân c còn lại (Khu vực đất bãi)	60,000	
C	**Đất hai bên đường tỉnh lộ 316:**		
1	Đất hai bên đường từ tiếp giáp Hồng Đà đến cách đường rẽ đi Thợng Nông	400,000	
2	Đất hai bên đường từ cách đường rẽ đi Thợng Nông 50m và qua đường rẽ đi Thợng Nông 50m.	450,000	
3	Đất hai bên đường từ cách đường rẽ đi Thợng Nông 50m phía trên đến điếm canh đê	400,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

4	Đất hai bên đường từ giáp điếm canh đê đến hết địa phận xã Xuân Lộc	350,000	
5	Đất hai bên đường đoạn giáp xã Xuân Lộc đến cống qua đê (đập đầm sen) nhà ông Hội Thạch Đồng	300,000	
6	Đất hai bên đường đoạn từ cống qua đê nhà ông Xuyến Thạch Đồng đến đường rẽ đi bến Đồng ón (Nhà ông Điểu) xã Thạch Đồng	350,000	
7	Đất hai bên đường đoạn từ đường rẽ đi Bến Đồng ón (Nhà ông Điểu) đến hết địa phận xã Thạch Đồng (giáp xã Tân Phong)	300,000	
8	Đất hai bên đường thuộc địa phận xã Tân Phong từ giáp xã Thạch Đồng đến ngã 3 Quán ông Chức (Đường rẽ đi Đập Sụ Tân Phong)	350,000	
9	Đất hai bên đường từ Dốc đường TL 316 (Bà Thục khu 8 xã Tân Phong) rẽ đường TL 317 đến cột mốc giới hết địa phận xã Tân Phong (Ghành Dê)	250,000	
10	Đất hai bên đường từ quán ông Chức đến nhà ông Tơng Hằng (hết địa phận xã Tân Phong)	350,000	
D	**Đất hai bên đường tỉnh lộ 316B:**		
1	Đất hai bên đường từ cầu Bờ Đìa đến ngã 3 đường rẽ đi Thạch Đồng.	180,000	
2	Đất hai bên đường từ ngã 3 đường rẽ đi Thạch Đồng đến hết địa phận xã Đào Xá (giáp Tân Phong)	150,000	
3	Đất hai bên đường từ giáp xã Đào Xá đến đường rẽ vào thôn Hữu Khánh xã Tân Phong	200,000	
4	Đất hai bên đường từ ngã 3 thôn Hữu Khánh đến cầu Dát xã Tân Phong	250,000	
5	Đất hai bên đường từ cầu Dát đến chân dốc ngã 3 gặp đường tỉnh lộ 316	350,000	
E	**Tỉnh lộ 317**		
1	Đất hai bên đường từ giáp xã Tân Phong (nhà ông Tơng Hằng) đến nhà ông Kiên khu 5 xã La Phù	500,000	
2	Đất hai bên đường từ nghĩa trang liệt sỹ La Phù đến nhà ông Vận Ngọc (hết địa phận xã La Phù)	600,000	
3	Đất hai bên đường từ giáp xã La Phù đến hộ ông Năng xã Bảo Yên	500,000	
4	Đất hai bên đường từ giáp hộ ông Năng xã Bảo Yên đến giáp xã Đoan Hạ (hết địa phận xã Bảo Yên)	350,000	
5	Đất hai bên đường thuộc địa phận xã Đoan Hạ từ giáp xã Bảo Yên đến giáp xã Đồng Luận	350,000	
6	Đất hai bên đường từ giáp xã Đoan Hạ đến đường vào nhà ông Thảo khu 7 xã Đồng Luận	300,000	
7	Đất hai bên đường từ đường vào nhà ông Thảo khu 7 xã đồng Luận đến đường vào sân vận động xã	350,000	
8	Đất hai bên đường từ sân vận động xã đến cổng nhà ông Phan khu 2 xã Đồng Luận.	250,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

9	Đất hai bên đường từ hết cổng nhà ông Phan khu 2 đến hết địa phận xã Đồng Luận (giáp xã Trung Nghĩa)	250,000	
10	Đất hai bên đường từ giáp xã Đồng Luận qua ao cá Bác Hồ xã Trung Nghĩa đến hết địa phận xã Trung Nghĩa (giáp xã Phợng Mao)	200,000	
11	Đất hai bên đường từ giáp xã Trung Nghĩa đến hết địa phận xã Phợng Mao (giáp xã Yến Mao)	180,000	
12	Đất hai bên đường từ giáp xã Phợng Mao đến trạm y tế xã Yến Mao	180,000	
13	Đất hai bên đường từ giáp trạm y tế xã Yến Mao đến nhà ông Bình khu 6 xã Yến Mao	250,000	
14	Đất hai bên đường giáp đất nhà ông Bình khu 6 xã Yến Mao đến hết trường THCS xã Yến Mao	200,000	
15	Đất hai bên đường từ trường THCS Yến Mao đến hết địa phận xã Yến Mao (giáp xã Tu Vũ)	150,000	
16	Đất hai bên đường từ giáp địa phận xã Yến Mao đến giáp t-ợng đài chiến thắng Tu Vũ	200,000	
17	Đất hai bên đường từ tợng đài chiến thắng Tu Vũ đến cầu Lợng Nha (hết địa xã Tu Vũ)	250,000	
18	Đất hai bên đường từ ngã 3 (nhà anh Hồng Thoa khu 4) theo đờng bờ ngang đến giáp xã Yên Lãng	150,000	
F	**Đất hai bên đường huyện lộ nối từ QL 32A xã Thợng Nông đến Xuân Lộc**		
1	Đất hai bên đường từ giáp ranh xã Thợng Nông đến ngã 3 đập Xuân Dơng	300,000	
2	Đất hai bên đường từ ngã 3 đập Xuân Dơng đến Quán Xuân Dơng	350,000	
3	Đất hai bên đường từ Quán Xuân Dơng đến giáp nhà ông Lạc xã Xuân Lộc	500,000	
4	Đất hai bên đường từ nhà ông Lạc đến ngã 3 tiếp giáp đờng tỉnh lộ 316 xã Xuân Lộc	600,000	
G	**Đất hai bên đường tỉnh lộ 317 B từ Yến Mao đi Đá cóc**		
1	Đất hai bên đường từ ngã ba trung tâm đến nhà ông Quyết khu 6 (đờng vào xóm 5)	250,000	
2	Đất hai bên đường từ nhà ông Quyết khu 6 đến nhà bà Kẻ khu 11 (đờng vào đền Sỏi)	200,000	
3	Đất hai bên đường từ nhà bà Kẻ khu 11 đến hết địa phận xã Yến Mao	120,000	
4	Đất hai bên đường từ giáp xã Yến Mao đi Đá Cóc đến hết địa phận xã Phợng Mao **(Điều chỉnh giá)**	80,000	
H	**Đất hai bên đường huyện lộ từ Bảo Yên đi Đoan Hạ - Hoàng Xá**		
1	Đất hai bên đường từ đờng TL 317 (Điểm đầu cống tiêu nớc xã Đoan Hạ) rẽ đi Hoàng Xá qua địa phận xã Bảo Yên,	250,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	qua địa phận xã Đoan Hạ đến đầu cầu Hoàng Xá.		
2	Đất hai bên đường từ cầu Hoàng Xá đến hết nhà ông Mu xã Hoàng Xá	500,000	
3	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Mu khu 2 đến hết đất nhà ông Thục khu 4 xã Hoàng Xá	600,000	
4	Đất hai bên đường từ giáp đất nhà ông Thục đến hết đất ông Hoàn	700,000	
5	Đất hai bên đường từ giáp đất nhà ông Hoàn (ngã 3 chợ cũ) đến hết nhà ông Diện xã Hoàng Xá	1,200,000	
6	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Diện xã Hoàng Xá đến ngã 3 nhà ông Tình khu 22	900,000	
7	Đất hai bên đường từ nhà Ô Tình khu 22 đến hết đất nhà ông Doanh xã Hoàng Xá	700,000	
8	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Doanh đến hết đất nhà ông Sáu xã Hoàng Xá	500,000	
9	Đất hai bên đường từ giáp ngã 3 ô Sáu đến hết đất nhà ông Đồng xã Hoàng Xá	350,000	
10	Đất hai bên đường từ giáp đất nhà ông Đồng đến giáp đất Thắng Sơn hết đất xã Hoàng Xá (	300,000	
11	Đất hai bên đường từ tỉnh lộ 317 (Điểm chợ chiều xã Đoan Hạ) rẽ đi đường TL 317C vào Hoàng Xá	300,000	
I	**Đất hai bên đường liên xã LX: 1A xã Hoàng Xá đi Trung Thịnh**		
1	Đất hai bên đường từ giáp đất nhà ông Hoàn đến hết đất nhà ông Thắng	700,000	
2	Đất hai bên đường từ giáp đất nhà ông Thắng đến hết đất nhà anh Tuấn khu 22	500,000	
J	**Đất hai bên đường liên xã từ Hoàng Xá đi Trung Thịnh LX: 1B**		
1	Đất hai bên đường từ ngã ba đường rẽ đi UBND xã Hoàng Xá cách ngã ba 20 m từ giáp đất ông Khoa khu 22 đến hết đất ông Nghị khu 22	1,200,000	
2	Đất hai bên đường từ giáp đất ông Nghị đến ngã t nhà ông Liên	800,000	
3	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Liên đến nhà ông Th khu 13 xã Hoàng Xá	600,000	
4	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Th đến hết địa phận xã Hoàng Xá	500,000	
5	Đất hai bên đường giáp ranh từ Hoàng Xá đến ngã ba Hầm đến cầu Trời xã Trung Thịnh	500,000	
6	Đất hai bên đường từ ngã ba Hầm đi Thắng Sơn huyện Thanh Sơn	450,000	
K	**Đất hai bên đường liên xã LX: 2 từ Bảo Yên đi Sơn Thuỷ**		
1	Đất hai bên đường từ ngã ba tỉnh lộ 317 (nhà ông Sâm) đến giáp địa phận xã Sơn Thuỷ	500,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

2	Đất hai bên đường từ ngã t xóm Gò đến hết nhà ông Phụ xã Sơn Thuỷ	200,000	
3	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Phụ đến hết chợ Bến thôn Thuỷ Trạm (chợ Đón)	200,000	
4	Đất hai bên đường từ chợ Đón Thuỷ Trạm đến hết đất Sơn Thuỷ	150,000	
5	Đất hai bên đường từ ngã t xóm Gò đến cầu Máng đến chân đập Suối Rồng (Khu du lịch)	150,000	
6	Đất hai bên đường từ cầu Máng khu 7 đến hết mỏ Ngọt xã Sơn Thuỷ	80,000	
7	Đất hai bên đường từ ngã t chợ Bến Phù Lao đến đập suối Hàng	80,000	
8	Đất hai bên đường từ ngã t Thuỷ Trạm đi Tất Thắng huyện Thanh Sơn đến hết địa phận Sơn Thuỷ	80,000	
L	**Đất hai bên đường liên xã LX: 3 từ Đồng Luận đi Trung Nghĩa đi Phợng Mao (đường tránh lũ)**		
1	Đất hai bên đường rẽ từ đường 317 đến đường rẽ ra nhà ông Huấn khu 1 xã Đồng Luận đến hết địa phận xã Đồng Luận(giáp xã Trung Nghĩa)	120,000	
2	Đất hai bên đường từ giáp xã Đồng Luận đến cổng nhà ông Hợi khu 3 xã Trung Nghĩa	150,000	
3	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Hợi khu 3 đến UBND xã Trung Nghĩa	200,000	
4	Đất hai bên đường từ ngã 3 cổng chợ xã Trung Nghĩa (giáp tỉnh lộ 317) đến trạm xá xã Trung Nghĩa	250,000	
5	Đất hai bên đường từ Trạm xá xã Trung Nghĩa đến hết khu Đền Lăng Sơng	200,000	
6	Đất hai bên đường từ giáp Đền Lăng Sơng đến hết Đồng Cò (giáp xã Phợng Mao)	120,000	
7	Đất hai bên đường từ giáp xã Trung Nghĩa đến điểm nối vào đường 317B thuộc xã Phợng Mao	100,000	
8	Đất hai ben đường từ nhà ông Hồng (khu 6) đi qua nhà văn Hòa khu 7 đến cổng nhà ông Động khu 8	60,000	
M	**Đất hai bên đường liên xã LX: 4 từ ngã ba gặp tỉnh lộ 317 đi Dị Nậu**		
1	Đất hai bên đường liên xã từ ngã ba gặp tỉnh lộ 317 đi xã Dị Nậu thuộc địa phận xã Đào xá	100,000	
N	**Đất hai bên đường liên xã đối với các khu vực khác**		
1	Đất hai bên đường rẽ từ đường 317 đến trạm y tế xã Phợng Mao	80,000	
2	Đất hai bên đường từ nhà văn hóa khu 6 đến điểm nối khu 7	60,000	
3	Đất hai bên đường từ giáp trạm y tế xã Phợng Mao đến gặp đường tránh lũ.	100,000	
4	Đất hai bên đường từ Trung tâm xã Phợng Mao đi Láng	70,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Xẻo		
5	Đất hai bên đường từ UBND xã Đồng Luận đến cầu Trung Thịnh	300,000	
6	Đất xung quanh Gò Nồi xã Hoàng Xá	100,000	
7	Đất hai bên đường từ ngã 3 đường 316 đến hết nhà ông Chuyển khu 3 xã Thạch Đồng	150,000	
8	Đất hai bên đường từ ngã 3 giáp đất nhà bà Thành Long khu 4 đến hết nhà ông Chuyển khu 3 xã Thạch Đồng	200,000	
9	Đất hai bên đường từ ngã 3 nhà ông Chuyển rẽ đi khu 2 đi Đào Xá -địa phận xã Thạch Đồng	150,000	
10	Đất hai bên đường từ ngã 3 nhà ông Chuyển rẽ đi khu 7 đi Đào Xá - địa phận xã Thạch Đồng	120,000	
11	Đất hai bên đường nối từ TL 316 (từ nhà bà Huệ Định khu 6) qua nhà ông Dinh Tân khu 4 đến hết nhà ông Huệ khu 6 xã Thạch Đồng	120,000	
12	Đất hai bên đường nối từ TL 316 (từ nhà ông Chấn khu 4) qua nhà ông Hùng- Huấn khu 4 đến nhà ông Hoàng Chu khu 4 đến hết nhà ông Trần Hưng khu 4 xã Thạch Đồng	150,000	
13	Đất hai bên đường nối từ TL 316 (nhà ông Điểu khu 4) đến hết đất kinh doanh dịch vụ nhà ông Vương Khánh khu 4 xã Thạch Đồng	100,000	
14	Đất hai bên đường từ trụ sở khu 8 xã Xuân Lộc đi Đào Xá đến hết địa phận xã Xuân Lộc (Đường tránh lũ)	200,000	
15	Đất hai bên đường từ ngã 3 Quán Đảng đi giáp xã Thạch Đồng (Đường tránh lũ)	120,000	
16	Đất hai bên đường từ Đình Đào xá đến cổng nhà ông Khoan khu 5 xã Đào Xá	100,000	
17	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Khoan khu 5 xã Đào Xá đến giáp xã Thạch Đồng (Đường tránh lũ)	100,000	
18	Đất hai bên đường từ nhà văn hoá khu 15 xã Đào Xá đến giáp xã Xuân Lộc (Đường tránh lũ)	100,000	
19	Đất hai bên đường từ Cầu Sào đến cổng nhà ông Lại khu 18 xã Đào Xá (Đường tránh lũ)	100,000	
20	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Lại khu 18 đến cổng nhà ông Hồng Vợng khu 17 xã Đào Xá (Đường tránh lũ)	80,000	
21	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Hồng Vợng khu 17 đến cổng nhà ông Thức Thuỷ khu 17 xã Đào Xá (Đường tránh lũ)	60,000	
22	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Thức Thuỷ khu 17 xã Đào Xá đến giáp đất Thanh Sơn (Đường tránh lũ)	80,000	
22	Đất hai bên đường nối từ TL 317 đến nghĩa trang liệt sỹ xã Đào Xá	50,000	
O	**Đất khu vực đường quy hoạch vùng nớc nóng xã Bảo Yên, La Phù**		
1	Đất hai bên đường các trục đường quy hoạch 6 m trở lên	400,000	
2	Đất hai bên đường các trục đường quy hoạch 5m đến dới 6 m	300,000	
3	Đất hai bên đường các trục đường quy hoạch 3m đến dới 5 m	250,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

P	**Khu trung tâm huyện lỵ**		
1	Đất hai bên đường từ nhà ông Kiên qua bến xe khách đến cổng Bu Điện huyện Thanh Thuỷ.	1,000,000	
2	Đất hai bên đường từ tỉnh lộ 316 (nhà ông Minh Xuân) đến ngã 3 hết đất thổ c nhà ông Tuyết khu 5 (dọc đường xanh)	500,000	
3	Đất hai bên đường từ ngã 3 cổng Bu điện huyện qua cổng Huyện uỷ đến ngã 3 (giáp nhà ông Tuyết khu 5)	500,000	
4	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Tuyết khu 5 đến hết nhà ông Mão Thuỷ khu 5 (điểm đấu vào đường chiến lợc)	400,000	
5	Đất hai bên đường từ tỉnh lộ 316 (nhà ông Thanh Thờng) đến nhà ông Phúc khu 6	400,000	
6	Đất hai bên đường từ tỉnh lộ 316 (nhà ông Toàn Hồng) đến đường xanh	500,000	
7	Đất hai bên đường từ sau nhà ông Thành Hà đến nhà ông Sinh Thông gặp đường tỉnh lộ 316 đi Thanh Sơn (đường chiến lợc)	400,000	
8	Đất hai bên đường từ ngã t (ao anh Toán) đến giáp ao Mỳ (phía đối diện cổng nhà ông Long)	400,000	
9	Các lô còn lại theo hai bên các nhánh đường mới mở thuộc khu Ao San	200,000	
10	Đất hai bên đường nhánh khu dân c 6 còn lại	200,000	
11	Đất hai bên đường từ ngã t xóm Táo (nhà ÔMinh Xuân) đến trạm bơm tiêu	600,000	
12	Đất hai bên đường từ trạm bơm tiêu đến chân đồi Ô rô (khu 1- 2)	300,000	
13	Đất băng 2 ven Sân vận động trung tâm huyện	200,000	
14	Đất hai bên đường nối từ đường TL 316 qua hết đất BCH quân sự huyện đến nhà ông Hành Thanh	850,000	
15	Đất 2 bên đường từ tỉnh lộ 317 rẽ đi khu du lịch nớc khoáng nóng đến hết nhà ông Nê khu 1	500,000	
16	Đất hai bên đường ven sông Đà (đường 317) từ giáp xã Tân Phong đến đường bê tông xi măng rẽ đi Chùa Phong Lâm xã La Phù	500,000	
17	Đất hai bên đường từ đường bê tông xi măng rẽ đi Chùa Ph-ơng Lâm đến công ngân hàng NN& PTNT huyện	850,000	
18	Đất hai bên đường từ công Ngân hàng NN& PTNT huyện đến hết đất cơ quan Đài truyền thanh huyện nối vào đường 316	850,000	
19	Đất hai bên đường ven phố từ cổng Bu điện huyện đến cổng nghĩa trang liệt sỹ xã La Phù	1,200,000	
20	Đất hai bên đường Từ ngã ba (trạm thuế) đến hết đất nhà ông Minh Xuân	1,200,000	
21	Đất hai bên đường từ giáp đất nhà ông Minh Xuân đến hết địa phận xã La Phù (giáp Thạch Khoán)	800,000	
22	Đất hai bên đường tuyến quy hoạch Đờng nội thị khu vực đồng Sạn xã La Phù	400,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

23	Đất hai bên đường quy hoạch các nhánh còn lại khu vực đồng Sạn xã La Phù	350,000	
24	Đất ở thuộc khu vực liền kề xung quanh trường THPT Thanh Thuỷ (trường mới đối ông Bống)	200,000	
II	**Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đô thị đợc tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.**		
III	**Giá đất của các loại đất còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá đợc tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.**		

Tổng số xã, thị trấn là 15, trong đó:

1 Xã Trung du (04):

Đồng Luận, Đoan Hạ, Bảo Yên, Xuân Lộc .

2 Xã Miền núi (11):

Tu vũ, Yến mao, Phợng Mao, Trung nghĩa, Trung Thịnh, Hoàng Xá, Sơn Thuỷ, La Phù, Tân Phơng,Thạch đồng, Đào Xá .

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HUYỆN TAM NÔNG NĂM 2010

ĐVT: đồng/m2

STT	DIỄN GIẢI	Giá 2010	ghi chú
I	**ĐẤT Ở NÔNG THÔN**		
	VEN ĐỜNG QUỐC LỘ		
A	**Đờng 32A(từ đầu cầu Trung Hà đến địa giới Tam Nông-Thanh Sơn).**		
1	Đất một bên đờng (phía trái) QL 32A từ đầu cầu Trung Hà đến địa giới hành chính Thợng Nông - Dậu Dơng.	900,000	
2	Đất một bên đờng QL 32A (phía trái) từ địa giới hành chính Thợng Nông - Dậu Dơng đến địa giới hành chính Dậu Dơng - Hng Hoá.	900,000	
3	Đất một bên đờng QL 32A (phía trái) từ địa giới Hng Hoá - Hơng Nộn đến giáp đất ông Trơng Bảo (đầu đê Tam Thanh)	1,000,000	
4	Đất hai bên đờng QL 32A từ giáp đất ông Trơng Bảo (đầu đê Tam Thanh) đến đờng đi khu 3 xã Hơng Nộn (giáp Trạm thuỷ nông).	1,200,000	
5	Đất hai bên đờng QL 32A từ đờng đi khu 3 xã Hơng Nộn đến đờng đi rẽ vào XN gạch Tuy Nen Hơng Nộn	1,200,000	
6	Đất hai bên đờng QL 32A từ đờng rẽ XN gạch Tuy nen H-ơng Nộn đến địa giới xã Hơng Nộn - Cổ Tiết.	1,500,000	
7	Đất hai bên đờng QL 32A từ địa giới Hơng Nộn - Cổ Tiết đến đờng rẽ vào Trạm điện trung gian.	1,700,000	
8	Đất hai bên đờng QL 32A từ đờng rẽ vào Trạm điện trung gian đến đờng rẽ vào xóm Đức Phong (nhà ông Quân).	1,400,000	
9	Đất hai bên đờng QL 32A từ đờng rẽ vào xóm Đức Phong (nhà ông Quân) đến qua ngã t Cổ Tiết 150m	1,600,000	
10	Đất hai bên đờng Ql 32A từ qua ngã t Cổ Tiết 150m đến chân dốc Sở (đờng rẽ vào đầm Chòm).	1,300,000	
11	Đất hai bên đờng QL 32A từ chân dốc Sở đến suối 1.	600,000	
12	Đất hai bên đờng QL 32A từ suối 1 đến qua tỉnh lộ 315 (Đ-ờng tránh lũ) 100m .	350,000	
13	Đất hai bên đờng QL 32A từ qua tỉnh lộ 315 (Đờng tránh lũ) 100m đến địa giới hành chính Phơng Thịnh - Tề Lễ.	250,000	
14	Đất hai bên đờng QL 32A từ địa giới hành chính xã Phơng Thịnh - Tề Lễ giáp địa phận huyện Thanh Sơn.	450,000	
B	**Hai bên quốc lộ 32C (từ ngã t Cổ Tiết đi cầu Tứ Mỹ).**		
1	Đất hai bên đờng QL 32C từ ngã t Cổ Tiết đến đờng rẽ vào xóm Rừng xã Cổ Tiết.	1,500,000	
2	Đất hai bên đờng QL 32C từ đờng rẽ vào xóm Rừng đến đ-ờng rẽ vào trạm y tế xã Cổ Tiết.	1,500,000	
3	Đất hai bên đờng QL 32C từ đờng rẽ vào trạm y tế Cổ Tiết đến đờng rẽ vào khu Lu niệm Bác Hồ.	800,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

4	Đất hai bên đường QL 32C từ đường rẽ vào khu Lu niệm Bác Hồ đến hết đất Tiểu đoàn 17.	700,000	
5	Đất hai bên đường QL 32C từ hết đất Tiểu đoàn 17 đến đường rẽ đi Xuân Quang.	500,000	
6	Đất dai bên đường QL 32C từ đường rẽ Xuân quang đến hết đất bà Liêm.	400,000	
7	Đất hai bên đường QL 32C từ giáp nhà bà Liêm đến hết nhà ông Trực	500,000	
8	Đất hai bên đường QL 32C từ giáp nhà ông Trực đến hết đất nhà ông Tờ.	600,000	
9	Đất hai bên đường QL 32C từ giáp nhà ông Tờ đến cầu Tứ Mỹ (chia tuyến)	300,000	
	ĐƯỜNG TỈNH		
A	**Đường tỉnh 315 (ngã t Cổ Tiết đến xã Hưng Nộn)**		
1	Đất hai bên đường tỉnh 315 từ ngã t Cổ Tiết đến qua ngã t Cổ Tiết 100m.	1,500,000	
2	Đất hai bên đường tỉnh 315 từ qua ngã t Cổ Tiết 100m đến đ-ường rẽ vào đầu làng Danh Hựu.	1,200,000	
3	Đất hai bên đường tỉnh 315 từ đường rẽ vào đầu làng Danh Hựu đến cầu Tam Cờng.	1,100,000	
4	Đất hai bên đường tỉnh 315 từ cầu Tam Cờng đến địa giới Tam Cờng - Thanh Uyên.	400,000	
5	Đất hai bên đường tỉnh 315 từ địa giới Tam Cờng- Thanh Uyên đến địa giới Thanh Uyên - Hiền Quan.	400,000	
6	Đất hai bên đường tỉnh 315 từ địa giới Thanh Uyên - Hiền Quan đến qua đường vào UBND xã Hiền Quan 100m.	400,000	
7	Đất hai bên đường tỉnh 315 từ qua đường vào UBND xã Hiền Quan 100m đến qua bến phà Ngọc Tháp 100m.	250,000	
8	Đất hai bên đường từ đường tỉnh lộ 315 qua phà Ngọc Tháp 100m, qua UBND xã Vực Trờng đến ngã 3 giao với đường tỉnh lộ 315 (mới, tại Km 18 + 200)	150,000	
9	Đất hai bên đường từ ngã 3 giao đường tỉnh lộ 315 (mới, giao với huyện lộ số 1 mới tại Km 18 + 200) đến hết trờng THCS Xuân Quang.	100,000	
10	Đất hai bên đường giáp đất trờng THCS Xuân Quang đến hết nhà ông Hiện.	120,000	
11	Đất hai bên đường từ giáp đất ông Hiện đến hết đập Trổ Lội.	100,000	
12	Đất hai bên đường từ giáp đập Trổ Lội vào đường lên Gò Giang xã Tứ Mỹ	200,000	
13	Đất hai bên đường từ đường lên Gò Giang đến hết trờng THCS Tứ Mỹ.	400,000	
14	Đất hai bên đường từ trờng THCS Tứ Mỹ đến đường rẽ đi UBND xã Quang Húc (huyện lộ số 3).	200,000	
15	Đất hai bên đường từ đường rẽ đi UBND xã Quang Húc (huyện lộ số 3) đến điểm tiếp giáp với QL 32A	200,000	
16	Đất hai bên đường từ QL 32A đến đường rẽ đi khu 2 xã Hưng Nộn.	200,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

17	Đất hai bên đường từ đường rẽ đi khu 2 Hương Nộn đến nghĩa trang Liệt sỹ huyện Tam Nông	750,000	
18	Đất hai bên đường từ hết nghĩa trang Liệt sỹ huyện Tam Nông đến 2 điểm tiếp giáp QL 32A.	900,000	
B	**Đường tỉnh 316 (đầu cầu Trung Hà đến địa giới HC huyện Tam Nông- Thanh Thuỷ).**	300,000	
	ĐƯỜNG HUYỆN		
A	**Đường huyện số 1 (Hiền Quan - Hương Nha)**		
1	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ tỉnh lộ 315 (Km9 + 700) qua UBND xã Hương Nha đến điểm giao tỉnh lộ 315 (Km18 + 200)	150,000	
2	- Nhánh 2 - Đất hai bên đường từ tỉnh lộ 315 (Chợ Hiền Quan) qua UBND xã Hiền Quan đến cổng ông Tốc xã Hiền Quan (giao nhánh huyện lộ số 1)	150,000	
3	- Nhánh 3 - Đất hai bên đường từ tỉnh lộ 315 (Km 17 + 500, Chợ Hương Nha) tới nhánh huyện lộ 1, ngã t Trảng Cày xã H-ơng Nha	150,000	
B	**Đường huyện số 2 (đường tỉnh 315, Km 7 + 480 đến cổng ông Nhì xã Xuân Quang)**		
1	Đất hai bên đường từ đường tỉnh lộ 315 (Km 7 +480) đến trụ sở UBND xã Thanh Uyên.	150,000	
2	Đất hai bên đường từ trụ sở UBND xã Thanh Uyên đến địa giới Thanh Uyên - Xuân Quang	100,000	
3	Đất hai bên đường từ địa giới Thanh Uyên - Xuân Quang đến đường huyện số 4.	100,000	
C	**Đường huyện số 3 (Xuân Quang - Tề Lễ).**		
1	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ tỉnh lộ 315 (Km 20 + 500, xã Xuân Quang) tới ranh giới 2 xã Xuân Quang - Tứ Mỹ	100,000	
2	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ ranh giới 2 xã Xuân Quang - Tứ Mỹ đến nhà ông Lợng - xã Hùng Đô	100,000	
3	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ nhà ông Lợng - xã Hùng Đô đến UBND xã Hùng Đô	120,000	
4	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ UBND xã Hùng Đô đến cổng trụ sở UBND xã Quang Húc (Khu A)	150,000	
5	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ cổng trụ sở UBND xã Quang Húc đến địa giới Quang Húc - Tề Lễ	150,000	
6	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ địa giới Quang Húc - Tề Lễ đến giao với quốc lộ 32A tại Km 85 + 400	200,000	
7	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ UBND xã Quang Húc đến địa giới Quang Húc - Tề Lễ (Khu B)	100,000	
8	- Nhánh 2 - Từ điểm giao với tỉnh lộ 315(Km 27+200) đến điểm giao với nhánh 1 (Bu điện văn hoá xã Quang Húc)	200,000	
	Mất đoạn từ hai bên đường từ đường rẽ vào nhà ông Vân đến QL 32A		
D	**Đường huyện số 4 (Tam Cờng - Xuân Quang)**		
1	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ đường tỉnh lộ 315 (Km 2+300) đến qua cầu Ngòi Tam Cờng.	250,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

2	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ qua cầu Ngòi Tam Cờng đến đường rẽ đi trạm y tế xã Văn Lơng.	120,000	
3	- Nhánh 1 - Từ đường rẽ đi trạm y tế xã Văn Lơng đến đường rẽ đi nhà Trang	100,000	
4	- Nhánh 1 - Từ đường rẽ đi nhà Trang đến đường rẽ đi gò Dộc Dềnh	100,000	
5	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ gò Dộc Dềnh đến tỉnh lộ 315 (mới)	100,000	
6	- Nhánh 2 - Đất hai bên đường từ điểm tiếp giáp QL 32C (Km 29+200) dốc Dát xã Tứ Mỹ đến điểm tiếp giáp Huyện lộ 4 nhánh 1, nhà ông Chinh xã Văn Lơng	100,000	
E	**Đường huyện số 5 (Cổ Tiết - Hơng Nộn)**		
1	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ tỉnh lộ 315, cổng ông Quang - khu 10 xã Cổ Tiết đến tiếp giáp quốc lộ 32A (Km75), cổng UBND xã Hơng Nộn	100,000	
2	- Nhánh 2 - Đất hai bên đường từ tỉnh lộ 315, cổng ông Hồng xã Hơng Nộn đến cầu gỗ xã Hơng Nộn (tiếp giáp với huyện lộ số 9)	100,000	
G	**Đường huyện số 6 (Tề Lễ - Quang Húc)**		
1	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ quốc lộ 32A (Km87+300) đến đường rẽ vào UBND xã Tề Lễ	100,000	
2	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ đường rẽ vào UBND xã Tề Lễ đến tiếp giáp huyện lộ số 3	50,000	
3	- Nhánh 2 - Đất hai bên đường từ tiếp giáp nhánh 1 của huyện lộ số 6 ra bến đò Tề Lễ đến tiếp giáp huyện lộ số 7 (Khu B - xã Tề Lễ)	60,000	
H	**Đường huyện số 7 (Khu1 xã Tề Lễ - Đập phai xã Quang Húc)**		
1	- Đất hai bên đường từ cống Đồng Giang xã Tề Lễ đến đập phai xã Quang Húc	60,000	
I	**Đường huyện số 8 (từ Km 83 + 300 quốc lộ 32A đến đường huyện lộ số 9 đến, gianh giới xã Thọ Văn - Dị Nậu)**		
1	Điểm đầu nối với huyện lộ số 9 đến trờng THCS Thọ Văn	100,000	
2	Từ trờng THCS Thọ Văn đến cây Đa khu 6	80,000	
3	Từ cây Đa khu 6 đến Quốc lộ 32A, tại Km 83 + 300	80,000	
K	**Đường huyện số 9 (Hơng Nộn - Dị Nậu).**		
1	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ QL 32A (Km 73+650) đến đường rẽ đi Thọ Văn, Dị Nậu	600,000	
2	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ đường rẽ đi Thọ Văn đến hết trờng THCS Dị Nậu.	150,000	
3	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ giáp trờng THCS Dị Nậu đến địa danh Dị Nậu- Đào Xá.	150,000	
4	- Nhánh 2 - Đất hai bên đường từ quốc lộ 32A (Km 74+250) đến cầu gỗ xã Hơng Nộn	400,000	
L	**Đường huyện số 10 (Đá cú Hng Hoá - huyện lộ số 9, quán ông Hồng xã Dị Nậu).**		
1	- Đất hai bên đường từ huyện lộ số 9, cổng nhà ông Hng tới quán địa giới Hng Hoá - Dị Nậu	150,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

M	**Đường huyện số 11 (từ QL 32A, Km 70 + 200 đến Km7, tỉnh lộ 316B)**		
1	Đất hai bên đường nhựa từ địa giới Dậu Dương - Hng Hoá đến Nhà ông Chơng - khu 1 xã Dậu Dương	150,000	
N	**Đường huyện số 12 (Thợng Nông - Xuân Lộc).**		
1	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ điểm đầu nối QL 32A (Km69+400) đến hết đất trờng THCS Thợng Nông.	600,000	
2	- Nhánh 1 - Đất hai bên đường từ hết đất trờng THCS Thợng Nông đến địa giới hành chính Thợng Nông- Xuân Lộc.	550,000	
3	- Nhánh 2 - Đất hai bên đường từ điểm đầu nối nhánh 1 đường huyện lộ số 12 (cổng nhà ông Nghĩa) đến điểm đầu nối QL 32A(Km 68+800).	600,000	
O	**Đường huyện số 13 (QL 32A đi đò Lời).**		
1	Đất hai bên đường từ đầu cầu Trung Hà đến qua trờng THCS Hồng Đà 100m	250,000	
2	Đất hai bên đường từ đầu cầu Trung Hà đi đò Lời	150,000	
3	Đất hai bên đường từ đầu cầu Trung Hà đi bến phà cũ, chợ (đường QL 32A cũ)	350,000	
P	**Đất ở các xã: Hồng Đà, Thợng Nông, Dậu Dương, Hơng Nộn, Cổ Tiết, Tam Cờng.**		
1	- Cách trung tâm xã, chợ, khu vực (có đường giao thông) cách về hai phía 150 m	150,000	
2	- Hai bên đường giao thông trục chính nội xã.	150,000	
3	- Các khu vực còn lại.	120,000	
Q	**Các xã còn lại**		
1	- Hai bên đường giao thông trục chính nội xã.	100,000	
2	- Các khu vực còn lại.	80,000	
R	**Các khu vực:**		
1	+ Vùng xa trung tâm xã miền núi, giao thông khó khăn.	50,000	
2	+ Vùng khu vực 3 của huyện.	50,000	
II	**ĐẤT Ở ĐÔ THỊ: THỊ TRẤN HNG HOÁ**		
1	Đất một bên đường QL 32A (phía trái) từ địa giới hành chính xã Dậu Dương - Hng Hoá đến giáp đất nhà ông Sinh	1,300,000	
2	Đất hai bên đường QL 32A từ đất nhà ông Sinh đến giáp đất nhà ông Tiến	1,300,000	
3	Đất một bên đường (phía trái) từ đất nhà ông Tiến đến địa giới Hng Hoá - Hơng Nộn	1,300,000	
4	Đất hai bên tỉnh lộ 316B từ điểm đấu với quốc lộ 32A đến hết đất trờng THCS Hng Hoá.	1,000,000	
5	Đất hai bên tỉnh lộ 316B từ giáp trờng THCS Hng Hoá đến hết đất viện Kiểm sát.	900,000	
6	Đất hai bên tỉnh lộ 316B từ giáp đất Viện kiểm sát đến địa giới huyện Tam Nông- Thanh Thuỷ.	700,000	
7	Đất hai bên đường huyện lộ số 10 từ điểm nối với huyện lộ số 11 đến UBND thị trấn Hưng Hoá (đường nội thị).	700,000	
8	Đất hai bên đường huyện lộ số 10 từ UBND thị trấn Hưng Hoá đến địa giới Hng Hoá - Dị Nậu	300,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

9	Đất hai bên đường huyện lộ số 11 từ QL 32A đến địa giới Dậu Dương - Hng Hóa (Bổ sung tuyến)	1,000,000	
10	Khu dân c nội thị không qua các trục đường trên.	300,000	
11	Khu dân c còn lại.	200,000	
III	**Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị, đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào thì tính theo giá đất ở tại vị trí đó**		
IV	**Đất sử dụng vào mục đích Quốc phòng, An ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng**		
	Nếu chỉ liền kề một loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó.		
	Nếu liền kề với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất.		

Tổng số xã, thị trấn là 20, trong đó:

Trong đó:

1 **Xã Trung du (03):**
Vực Trờng, Hồng Đà, Tam Cờng.

2 **Các xã miền núi (16):**
Dị Nậu, Thọ Văn, Tề lễ, Quang Húc, Xuân Quang, Thợng Nông, Dậu Dương, Hơng Nộn, Cổ Tiết, Văn Lơng, Thanh Uyên, Hiền Quan, Hơng Nha, Tứ Mỹ, Phơng Thịnh, Hùng Đô .

3 **Thị trấn (01):**
Thị trấn Hng Hóa

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

BẢNG GIÁ ĐẤTPHI NÔNG NGHIỆP HUYỆN LÂM THAO NĂM 2010

ĐVT: đồng/m2

STT	DIỄN GIẢI	Giá 2010	Ghi chú
A	**ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**		
I	**Đất hai bên đường ven Quốc lộ 32C**		
1	Đoạn từ giáp địa phận xã Hy Cương đến đường sắt cắt ngang vào ga Tiên Kiên	1,000,000	
2	Đoạn từ đường sắt cắt ngang vào ga Tiên Kiên đến nhà khách Công ty Supe	1,400,000	
3	Đoạn từ giáp nhà khách Super đến hết nhà ông Vinh Hoa - TT Hùng Sơn	1,500,000	
4	Đoạn từ giáp nhà ông Vinh Hoa đến giáp nhà bà Tiết Ngọ - TT Lâm Thao	1,100,000	
5	Đoạn từ giáp nhà bà Tiết Ngọ đến hết nhà ông Đình Phiên - TT Lâm Thao	1,300,000	
6	Đoạn từ giáp nhà ông Phùng TT Lâm Thao đến Cầu Phong Châu	800,000	
II	**Đất hai bên đường tỉnh 325b**		
1	Đoạn từ giáp địa phận Thị trấn Phong Châu đến giáp đường rẽ vào nhà thờ Xóm bướm	700,000	
2	Đoạn từ đường rẽ vào Nhà thờ xóm bướm đến hết nhà ông Hạnh Mười	1,000,000	
3	Đoạn từ giáp nhà ông Hạnh Mười đến Ngã 3 Tiên Kiên	800,000	
III	**Đường tỉnh 320 và ven đê Sông Hồng**		
1	Đất hai bên đường tỉnh 320 và ven đê Sông Hồng	200,000	
IV	**Đất hai bên đường tỉnh 324B**		
1	Đoạn từ giáp đường tỉnh 324 (Sơn Vy) đến nghĩa địa Vân Hùng (Tứ Xã)	400,000	
2	Đoạn từ giáp đường tỉnh 324 (Cao Xá) đến nghĩa địa Vân Hùng (Tứ Xã)	400,000	
3	Đoạn từ giáp nghĩa địa Vân Hùng xã Tứ Xã đến Cầu Cơ giới	700,000	
4	Đoạn từ giáp Cầu cơ giới xã Tứ Xã đến đê Bản Nguyên	500,000	
V	**Đất hai bên đường tỉnh 324C**		
1	Đoạn từ giáp nhà Ông Yên Hùng xã Tứ Xã đến giáp đường Quốc lộ 32C	500,000	
VI	**Đất hai bên đường tỉnh 324**		
1	Đoạn từ giáp nhà ông Phùng đến hết địa phận thị trấn Lâm Thao	1,100,000	
2	Đoạn từ giáp địa phận thị trấn Lâm Thao đến đường 324 rẽ đi Tứ Xã	1,000,000	
3	Đoạn từ đường rẽ Sơn Vy đi Tứ Xã đến giáp nhà ông Toàn (khu An Thái)	700,000	
4	Đoạn từ nhà ông Toàn (khu An Thái) đến hết SVĐ xã Cao Xá	700,000	
5	Đoạn từ giáp sân vận động xã Cao Xá đến chân đê Sông Hồng	900000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	xã Cao Xá		
5	Đoạn từ dốc đê chợ Cao Xá đến giáp địa phận xã Thuỵ Vân - Việt Trì	500,000	
VII	**Đất hai bên đường các tuyến đường huyện**		
1	Đường được trải nhựa hoặc bê tông	400,000	
2	Đường huyện L6 từ giáp đường tỉnh 325B đi Hà Thạch	250,000	
VIII	**Đất hai bên đường liên xã và khu vực chợ**		
1	Đất hai bên đường liên xã các xã Tứ Xã; Cao Xá; Sơn Vy; Thạch Sơn	300,000	
2	Đất trong khu vực chợ các xã Tứ Xã; Cao Xá; Sơn Vi; Thạch Sơn	400	
3	Đất hai bên đường liên xã và khu vực chợ các xã còn lại	250,000	
IX	**Các khu dân cư tập trung mới, được đầu tư 1 phần kết cấu hạ tầng**		
1	Các khu dân cư tập trung mới, được đầu tư 1 phần kết cấu hạ tầng trên địa bàn TT Lâm Thao; thị trấn Hùng Sơn;	300,000	
2	Các khu dân cư tập trung mới, được đầu tư 1 phần kết cấu hạ tầng các xã còn lại	210,000	
3	Đất trong khu vực Trường cao đẳng hoá xã Tiên Kiên	500,000	
X	**Các khu dân cư còn lại**		
1	Đất hai bên đường bê tông xi măng rộng 3m trở lên ở các xã đồng bằng.	200,000	
2	Đất hai bên đường bê tông xi măng rộng 3m trở lên ở các xã miền núi.	160,000	
3	Đất hai bên đường bê tông xi măng rộng dưới 3m ở các xã đồng bằng.	150,000	
4	Đất hai bên đường bê tông xi măng rộng dưới 3m ở các xã miền núi.	120,000	
5	Đất các khu vực tương đối thuận lợi về giao thông các xã đồng bằng.	150,000	
6	Đất các khu vực tương đối thuận lợi về giao thông các xã miền núi.	120,000	
7	Đất ven đường bê tông trước UBND xã Sơn Dương, song song với đường 324C.	450,000	
8	Đất ven đường bờ ngòi thuộc xã Vĩnh Lại.	150,000	
9	Đất hai bên đường từ đường liên thôn xã Hợp Hải nối với Quốc lộ 32C	300,000	
XI	**Đất các khu vực còn lại**		
	Xã Đồng bằng	110,000	
	Xã Miền núi	80,000	
B	**ĐẤT Ở ĐÔ THỊ**		
I	**Khu vực Thị trấn Lâm Thao**		
1	Đất hai bên đường QL 32C từ nhà ông Đình Phiên đến Cầu Trắng.	900,000	
2	Đất hai bên đường từ nhà ông Phong Tòng đến Cây xăng khu	900,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Quán Rùa xã Sơn Vi		
3	Đất hai bên đường từ nhà Duy Hiếu đến giáp đê tả Sông Hồng, đường tỉnh 320	400,000	
4	Đất hai bên đường từ nhà ông Đình Phiên QL 32C đến giáp địa phận xã Sơn Vy + Khu vực chợ TT Lâm Thao.	500,000	
5	Đất hai bên đường từ TT GDTX đến tiếp giáp đường tỉnh 324.	700,000	
6	Đất hai bên đường nội thị từ nhà ông Đình Phiên đến nhà ông Phùng TT Lâm Thao.	1300000	
7	Đất hai bên đường giáp nhà ông Phùng đến Kho Thuỳ Nhật	900,000	
8	Đất hai bên đường từ Đảo tròn tới hết trường THCS Lâm Thao.	800,000	
9	Đất hai bên đường liên thôn + đường bê tông rộng từ 3m trở lên.	250,000	
10	Đất hai bên đường bê tông xing măng dưới 3m	180,000	
11	Đất các khu dân cư còn lại.	120,000	
II	**Khu vực Thị trấn Hùng Sơn.**		
1	Đất hai bên đường nối với Quốc lộ 32C vào chợ và bao quanh chợ khu công nhân Supe.	600,000	
2	Đất khu tập thể công nhân ắc quy - Pin Vĩnh Phú.	300,000	
3	Đất hai bên đường trong khu công nhân super và khu vực Trường CĐ Hoá.	400,000	
4	Đất hai bên đường liên thôn trên 3m	200,000	
5	Đất hai bên đường liên thôn dưới 3m	150,000	
6	Đất các khu dân cư còn lại.	120,000	

Tổng số xã, thị trấn là 14, trong đó:

1.Thị trấn (2): Thị trấn Lâm Thao, Thị trấn Hùng Sơn.

2.Xã Đồng bằng (10):

Cao Xá; Vĩnh Lại; Kinh Kệ; Tứ Xã; Sơn Vi; Sơn Dương; Hợp Hải; Thạch Sơn; Xuân Huy, Bản Nguyên.

3.Xã Miền Núi(2): Tiên Kiên; Xuân Lũng.

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HUYỆN THANH SƠN NĂM 2010

ĐVT: đồng/m2

STT	DIỄN GIẢI	Giá 2010	Ghi chú
A	**ĐẤT Ở NÔNG THÔN**		
1	**XÃ GIÁP LAI**		
1.1	**Đất 2 bên đường tỉnh lộ 316: Từ giáp Thị trấn đến giáp xã Thạch Khoán**	300,000	
1.2	**Đất 2 bên đường liên xóm:**		
-	Đất 2 bên đường từ ngã ba chợ đến nhà Ông San khu 5, nhà Ông Đông khu 2	150,000	
-	Đất 2 bên đường từ nhà Ông Đông khu 2 đến nhà Ông Tiệp khu 3, nhà bà Hoạch khu 4	50,000	
1.3	**Đất khu dân c tập chung:**		
-	Khu hành chính 1, 2, 3, 5,6:	30,000	
-	Khu hành chính 7 (đất khu tập thể khu công nhân Pirít cũ)	100,000	
-	Khu hành chính 8: (Đất giáp ranh Thị trấn - Khu tràn đình)	150,000	
1.4	**Đất ở nông thôn còn lại cha tính ở trên**	25,000	
2	**XÃ SƠN HÙNG**		
2.1	**Đường quốc lộ 32 A**		
-	Đất 2 bên đường đoạn từ cầu Khánh đến cống thoát nước ra sông Bứa	500,000	
-	Đất 2 bên đường đoạn từ cống thoát nước ra sông Bứa đến đường rẽ vào làng nghề xóm Khuân	450,000	
-	Đất 2 bên đường đoạn từ đường rẽ vào làng nghề xóm Khuân đến tiếp giáp huyện Tam Nông	500,000	
2.2	**Đất 2 bên đường liên xã**		
-	Từ giáp hộ Bà Yến đến tiếp giáp đất Tề Lễ	200,000	
-	Đất hai bên đường từ trạm xá xã đến trường tiểu học	100,000	
-	Đất 2 bên đường từ trường tiểu học đến giáp xã Thục Luyện	50,000	
2.3	**Đất khu tập trung dân c nông thôn gồm các khu: Khu Bục, Lánh, Soi Cả, Gai**	30,000	
2.4	**Đất khu tập trung dân c nông thôn gồm các khu: Chanh, Khuân**	70,000	
2.5	**Đất khu nông thôn còn lại cha tính ở phần trên**	25,000	
3	**XÃ THỤC LUYỆN**		
3.1	**Đường Quốc lộ 32 A**		
-	Đất 2 bên đường đoạn từ cầu Bình Dân đến đài truyền thanh, truyền hình (hết đất thổ c hộ ông Đức khu 6)	700,000	
-	Đất 2 bên đường đoạn từ đài truyền thanh, truyền hình (giáp hộ ông Đức) đến tiếp giáp xã Địch Quả (hết hộ ông Hanh khu 15)	500,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

3.2	**Đường tỉnh lộ 316**		
-	Đoạn từ điểm tiếp giáp Thị trấn Thanh Sơn đến ngã ba nhà Bà Thứ Tịnh (khu phố Soi)	300,000	
-	Đoạn từ ngã ba Thục Luyện giáp nhà Bà Thứ Tịnh đến điểm tiếp giáp xã Cự Thắng	250,000	
3.3	**Đường tỉnh lộ 316 C**		
-	Đất 2 bên đường từ giáp nhà Bà Thứ Tịnh đến hết hộ Ông Viện (Khu Đồng Lão)	300,000	
-	Đoạn từ giáp nhà ông Viện đến tiếp giáp xã Võ Miếu	150,000	
3.4	**Đường tỉnh lộ 320:**		
-	Đất hai bên đường từ Quốc lộ 32A đến hết hộ ông Hoàng Ngọc Tăng (khu Bình Dân)	300,000	
3.5	**Đường liên thôn**		
-	Đất 2 bên đường từ 316C (giáp đất nhà ông Trình) đến khu Ngọc Đồng (hết hộ ông Hải), đoạn giáp đất hộ ông Tuấn đến khu 8 (hết đất hộ ôngVinh), đoạn giáp đất ông Hữu đến khu Bến Đình (hết đất hộ ông Bình)	100000	
-	Đất 2 bên đường từ 316C (giáp đất ông Chú) đến khu Đồng Cỏ (hết đất hộ ông Hợi)	100000	
-	Đất 2 bên đường từ Quốc lộ 32A giáp đất hộ ông Xuất (khu 6), đến hộ ông Nam (khu 6), đoạn giáp đất hộ ông Tỉnh (khu 6) đến hộ bà Vân (khu Bình Dân)	100000	
	Đất 2 bên đường từ Quốc lộ 32A giáp đất hộ ông Xuất (khu 6), đến hộ ông Nam (khu 6), đoạn giáp đất hộ ông Tỉnh (khu 6) đến hộ bà Vân (khu Bình Dân)	100000	
3.6	**Đất tập trung dân c nông thôn**		
-	Khu 6, khu Bình Dân, khu 15	80,000	
-	Khu phố Soi, khu Đồng Xịa, khu Đa Đu, khu Đồng Lão	60,000	
-	Đất khu tập trung dân c nông thôn còn lại cha tính ở phần trên	50,000	
-	Đất ở rải rác xa khu tập trung dân c cha tính ở trên	30,000	
4	**XÃ THẠCH KHOÁN**		
4.1	**Đất 2 bên đường tỉnh lộ 316**		
-	Đất 2 bên đường khu trung tâm : Từ cầu Đen đến giáp xã Giáp Lai	350,000	
-	Đất 2 bên đường còn lại	300,000	
4.2	**Đất 2 bên đường liên xã ngoài khu vực đã tính ở trên**		
-	Từ hộ Ông Tuấn khu Cầu Đen đến hộ Ông Đán khu Phú Đặng	50,000	
-	Từ đường Đồng Cả đi Khu Đình đi tỉnh lộ 316 (Giáp trạm y tế)	200,000	
-	Đất hai bên đường t nhà ông Canh đi xóm Nội (đến nhà Bà Nhượng)	100,000	
-	Đất hai bên đường t nhà Bà Nhượng qua cánh đồng đến tỉnh lộ 316	200,000	
4.3	**Đất tập trung dân c nông thôn**		
-	Khu Nhang Quê, Đá Bạc, Trung Hng	40,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

-	Đất khu dân c nông thôn còn lại	30,000	
5	**XÃ ĐỊCH QUẢ**		
5.1	**Đường quốc lộ 32A:**		
-	Đất 2 bên đường khu trung tâm xã Địch Quả (Từ hộ Ông Bắc Lan đến ngã ba Việt Tiến)	450,000	
	Đất tiếp giáp thị trấn		
-	Đất Ngã ba Việt Tiến đến tiếp giáp xã Thục Luyện	250,000	
-	Đất từ hộ ông Bắc Lan đến tiếp giáp xã Mỹ Thuận, huyện Tân Sơn	200,000	
5.2	**Đường tỉnh lộ 313D:**		
-	Đất hai bên đường từ ngã ba Việt Tiến đến giáp huyện Yên Lập.(Từ hộ Ông Ánh đến hộ Ông Đôn)	200000	
5.3	**Đất nằm hai bên đường D1 - K6**		
+	Từ hộ Bà Hiền đến trường tiểu học Địch Quả cũ	150,000	
+	Từ trường tiểu học Địch Quả đến nhà Ông Hải Lợng xóm Chiềng	50,000	
5.4	**Đất 2 bên đường liên thôn từ Đồng Vọng đi Gò Giữa (Từ hộ nhà Bà Luyến (Hùng) đến hộ Ông Lý xóm 6)**	50,000	
5.5	**Đất khu tập trung dân c nông thôn (Xóm Chát, Chiềng, Lóng, Lủm, Gò Giữa, Vũ Thịnh, Suối Nai, Muôi, Giếng, Bèo, Cầu Khoả, Múc Trới, Đền Vọng, Đồng Mè, Ao Vèn, Đình, Đồn Ướt, Việt Phú, Mơ)**	40,000	
5.6	Đất khu nông thôn còn lại cha tính phần ở trên, đất xóm vùng cao khu Quyết Tiến	25,000	
6	**XÃ VÕ MIẾU**		
6.1	**Đường tỉnh lộ 316 C**		
-	Đất 2 bên đường từ giáp xã Thục Luyện đến nhà bà Minh	120,000	
-	Đất 2 bên đường khu trung tâm xã: Từ hộ Bà Minh đến hộ Ông Tế (đầu tràn sông Dân);	200,000	
-	Đất 2 bên đường tỉnh lộ 316C còn lại cha tính ở trên	120,000	
6.2	**Đất khu trung tâm, khu vực chợ có khả năng sinh lời: đoạn từ hộ nhà bà An đến hộ Ông Hởng (xóm Trại)**	100,000	
6.3	**Đất nằm hai bên đường liên xã ngoài khu vực đã tính ở trên: Đoạn từ hộ Ông Tự đến hộ Ông T (xóm Gò Vòng); đoạn từ hộ ông Hữu đến hộ Ông Toại (xóm Dù); đoạn từ nhà Ông Danh đến trường tiểu học 1 khu Rịa**	50,000	
6.4	**Đất ở tập trung khu Hàm Yên**	30,000	
6.4	**Đất ở khu Rịa 1**	22,000	
6.5	**Đất khu tập trung dân c nông thôn cha tính ở trên**	23,000	
7	**XÃ VĂN MIẾU**		
7.1	**Đường tỉnh lộ 316 C**		
-	Đất hai bên đường từ giáp xã Võ Miếu đến giáp xã Văn Luông	100,000	
7.2	**Đường Văn Miếu - Hương Cần (tỉnh lộ 316D cũ)**		
-	Đất 2 bên đường từ ngã ba đi Minh Đài đến nhà Ông Công xóm Mật	150,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

-	Đất 2 bên đường từ giáp nhà Ông Công xóm Mật đến cây xăng Hoà Liên xóm Dẹ 1	250,000	
-	Đất 2 bên đường từ giáp cây xăng Hoà Liên đến nhà Ông Thanh Dẹ 2	500,000	
-	Đất 2 bên đường từ giáp nhà Ông Thanh Dẹ 2 đến nhà Ông Thao Dung Dẹ 2	200,000	
-	Đất 2 bên đường từ nhà Ông Thao Dung Dẹ 2 đến hết nhà Ông Thiện xóm Văn Phú	120,000	
-	Đất 2 bên đường còn lại của tỉnh lộ 316D	60,000	
7.3	**Đường Văn Miếu - Vinh Tiền**		
-	Đất hai bên đường từ ngã ba Chợ văn Miếu đến ruộng ổ Cò	500000	
-	Đất 2 bên đường từ giáp ruộng ổ Cò đến giáp xã Tam Thanh	100000	
7.4	**Đường Văn Miếu - Khả Cửu**		
-	Đất 2 bên đường Từ ngã ba xóm Trống đến giáp xã Khả Cửu	60000	
7.5	**Đường Văn Miếu đi Long Cốc huyện Tân Sơn**	50000	
-	Đất 2 bên đường từ nhà Ông Cống Dẹ 1 đến cổng trường THPT	150000	
7.6	**Đất khu tập trung dân c nông thôn tại 10 khu**		
-	Khu Liệm, Kén, Cát, Trống, trầu, Mật, Dẹ 1, Dẹ 2, Văn Lâm, Văn Phú	20,000	
7.7	**Đất các thôn bản vùng sâu: Xè 1, Xè 2, Thành Công, Tam Văn và dân c ở không tập trung còn lại cha tính ở trên**	19,000	
8	**XÃ KHẢ CỬU**		
8.1	**Đường Văn Miếu-Khả Cửu - Đông Cửu - Thọng Cửu**		
	Đất 2 bên đường huyện lộ từ giáp xã Văn Miếu đến nhà ông Nhiệm	60,000	
	Đất 2 bên đường từ Nhà ông Nhiệm đến nhà ông án Chính	100,000	
	Đất 2 bên đường từ hộ ông án Chính đến giáp xã Thọng Cửu	40,000	
	Đất 2 bên đường từ hộ ông Thủ đến hộ ông Xoạn xóm Câu	50,000	
	Đất 2 bên đường từ hộ ông Xoạn Xóm Câu đến giáp xã Đông Cửu	40,000	
8.2	**Đất 2 bên đường liên thôn**	25,000	
8.3	**Đất khu Chợ từ nhà ông Oanh đến nhà ông Xuân, đến nhà ông Hải**	100,000	
8.4	**Đất khu dân c tập chung:**		
	Xóm Bãi Lau (bên kia bờ suối)	25,000	
	Khu vực suối Lú; khu gốc Qoèn, xóm Chuôi	22,000	
8.5	**Đất ở khu dân c các xóm còn lại**	19,000	
9	**XÃ ĐÔNG CỬU**		
9.1	**Đất 2 bên đường Văn Miếu, Khả Cửu, Đông Cửu**		
-	Từ hộ Ông Hạnh xóm Quét đến giáp hộ ông Kiểu xóm Bái. đất 2 bên	40,000	
	đường khu trung tâm xã gồm các xóm: Mu 1, Mu 2, Bầu, Bái, Nhồi		
9.2	**Đất khu trung tâm, khu vực chợ có khả năng sinh lời**		
-	Từ hộ Ông Thành xóm Mu2 đến hộ Ông Lệ xóm Mu 2	50,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

9.3	**Đất nằm hai bên đường liên thôn gồm các xóm: Xóm Cạn, Dọc, Nhổi, Quét, Vừn, Cốc, B**	25,000	
9.4	**Đất các xóm vùng Cao : Hạ Thành, B, Cốc, Dấu**	19,000	
9.5	**Đất khu nông thôn còn lại cha tính ở phần trên**	22,000	
10	**XÃ THỌNG CỬU**		
10.1	**Đất 2 bên đường Văn Miếu, Khả Cửu, Thọng Cửu**		
	Đoạn từ giáp xã Khả Cửu đến giáp nhà ông Son	40,000	
	Đoạn từ nhà ông Son đến hết nhà ông Dũng (UB cũ)	80,000	
10.2	**Đất 2 bên đường liên thôn**	25,000	
10.3	**Đất vùng cao, vùng sâu xóm Sinh Tàn**	19,000	
10.4	**Đất khu dân c còn lại**	25,000	
11	**XÃ TÂN LẬP**		
11.1	**Đường Văn Miếu - Hương Cần (tỉnh lộ 316 D cũ)**		
-	Đất 2 bên đường khu trung tâm xã: Từ hộ Ông Mai đến hộ ông Chỉnh	100,000	
-	Đất 2 bên đường từ hộ Ông Chỉnh đến hộ ông Nối	50,000	
11.2	**Đất hai bên đường liên xã**		
-	Từ hộ Ông Sơn đến hộ ông Bảy	100,000	
-	Từ hộ Ông Thành đến hộ Dốc Chu Biên	50,000	
-	Từ hộ Ông Chung đến hộ ông Quây	25,000	
11.3	**Đất khu tập trung dân c nông thôn gồm các xóm: Xóm Mít, Mận, Chủng, Na Thọng**	25,000	
11.4	**Đất các thôn bản vùng sâu: xóm Chẹn**	19,000	
12	**XÃ TÂN MINH**		
12.1	**Đường Văn Miếu - Hương Cần (tỉnh lộ 316 D cũ)**		
-	Đất 2 bên đường khu trung tâm xã: Từ hộ Ông Phán đến hộ ông Trọng; Từ hộ Ông Thân đến hộ ông Nhu, Từ hộ Ông Hiền đến nhà Ông Tuấn	100,000	
-	Đất 2 bên đường còn lại	50,000	
12.2	**Đất tập trung dân c nông thôn**	25,000	
12.3	**Đất các khu vực rải rác không tập trung**	19,000	
13	**XÃ CỰ THẮNG**		
13.1	**Đường tỉnh lộ 316:**		
-	Đất 2 bên đường khu trung tâm xã: Từ hộ Ông Trần Đại Việt khu Cầu Trắng đến tiếp giáp xã Tất Thắng	250,000	
-	Đất hai bên đường còn lại	150,000	
13.2	**Đất hai bên đường liên thôn từ : Hộ ông Tiêu khu 4.1 đến hộ ông Thế khu Nơng; Hộ ông Thành khu 5 đến hộ ông Trí khu ; Hộ ông Liên khu 2 đến hộ ô Thêm khu 2; từ trường cấp 2 đến hộ ông Sinh khu 10; từ hộ ông thành khu 13 đến hộ ông Tiến**	50,000	
13.3	**Đất ở còn lại ngoài khu vực đã tính ở trên**	25,000	
14	**XÃ TẤT THẮNG**		
14.1	**Đường tỉnh lộ 316**		

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

-	Đất 2 bên đường khu trung tâm xã: Từ hộ Ông Thiệu (Dung) đến hộ ông Hoà cầu Khoang Xanh	250,000	
-	Đất 2 bên đường còn lại	100,000	
14.2	**Đường tất Thắng - Sơn Thuỷ**		
-	Đất hai bên đường từ ngân hàng Tam Thắng đến hộ ông Văn khu 1	100,000	
14.3	**Đất 2 bên đường liên xã**		
-	Từ hộ ông Bình khu 11 đến hộ ông Thứ khu 12	50,000	
-	Từ hộ ông Tạo khu 12 đế hộ ông Chiến (Đảng) khu 12	50,000	
-	Từ hộ ông Đảng khu 12 đến hộ ông Binh khu 3; từ hộ ông Đĩnh khu 9 đến hộ ông Dỗng khu 6	40,000	
14.4	**Đất 2 bên đường liên thôn**		
	Từ hộ ông Thỏa khu 9 đến hộ ông Gia khu 9	70,000	
	Đất 2 bên đường liên thôn còn lại	40,000	
14.5	Đất khu nông thôn còn lại cha tính ở phần trên	25,000	
15	**XÃ CỰ ĐỒNG**		
15.1	**Đường tỉnh lộ 316:**		
-	Đất 2 bên đường khu trung tâm xã: từ hộ ông Doanh xóm Minh Khai đến hộ Quang xóm Đồn, từ hộ bà Vinh xóm Minh Khai đến hộ ông Lục xóm Đồn	250,000	
-	Đất 2 bên đường còn lại	100,000	
15.2	**Đất khu trung tâm, khu vực chợ có khả năng sinh lời Từ hộ Ông Mai khu Chón đến hộ ông Tâm khu Chón, đoạn từ hộ Ông Khoa đến hộ ông Vân xóm Minh Khai**	70,000	
15.3	**Đất hai bên đường liên xã : từ hộ Ông Tâm đến hộ bà Thuý khu Chón, Từ hộ Ông Vân đến hộ ông Long khu Quyết Tiến, Từ hộ Ông Hải đến hộ ông Lâm xóm Minh Khai**	30,000	
15.4	**Đất ở còn lại cha tính ở trên**	25,000	
16	**XÃ THẮNG SƠN**		
16.1	**Đường tỉnh lộ 316:**		
-	Từ đầu cầu Đá Mài đến nhà Ông Gia	175,000	
-	Từ hộ Ông Gia đến nhà Ông Hảo	200,000	
-	Từ nhà ông Hảo đến nhà ông Hoa Đá Cóc	250,000	
16.2	**Đường 317C Từ Thắng Sơn đi Hoàng Xá**		
-	Đất 2 bên đường: từ đường rẽ Đá Bia đến Suối Đục	250,000	
-	Đất 2 bên đường còn lại	200,000	
16.3	**Đường liên xã Từ Thắng Sơn đi Trung Thịnh**		
-	Từ hộ Bà Giếng đến ao nhà ông Ông Tòng	200000	
-	Đất hai bên đường còn lại	150000	
16.4	**Đất hai bên đường Hoàng Xá - Trung Nghĩa qua Đa Nghệ Thắng Sơn**	100000	
16.5	**Đất 2 bên đường từ rẽ liệt sỹ đi Đồng Đầm và từ bà Giếng đi Đồng Đầm**	50,000	
16.6	**Đất 2 bên đường từ nhà ông Cảnh Đồng Cốc đi đồng Đầm**	50,000	
	Đất 2 bên đường từ rẽ Đa Nghệ đi Đá Đen	50,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

16.6	**Đất ở khu dân c còn lại**	30,000	
17	**XÃ HỒNG CẦN**		
17.1	**Đường tỉnh lộ 316 :**		
-	Từ hộ Ông Hùng đến hộ ông Hởng khu Xén	400,000	
-	Từ hộ Ông Thắng đến hộ Bà Hoa xóm Tân Hưng	450,000	
-	Từ hộ Ông Thuật khu Đồng Đa đến hộ ông Kiếm khu Khoang	300,000	
	Từ hộ Ông Hoà đến hộ bà Tuất khu Đồn; Hộ ông Thế Tân H-ưng đến hộ ông Viết Tân Hưng;	350,000	
-	Đất hai bên đường còn lại	200,000	
17.2	**Đường Hưng Cần - Văn Miếu**		
	Từ giáp hộ ông Kỳ Tân Hưng đến hộ ông Cần Lịch 1	200,000	
17.3	**Đất hai bên đường liên xã :**		
-	Từ hộ ông Bắc đến hộ ông Lan xóm Ong	100000	
-	Từ hộ Ông Long đến hộ ông Viện khu Lèo	150,000	
-	Từ hộ Ông Nhâm đến hộ ông Dũng Khu Đồng Sạng	80000	
-	Từ hộ ông Thuần khu Tân Hưng đến hộ ông Thanh xóm Ong	200,000	
-	Từ hộ ông Tĩnh đến hộ ông Thắng khu Trại	150,000	
17.4	**Đất nằm hai bên đường liên thôn**		
-	Từ hộ Ông Đúng đến hộ ông Việt khu Khoang	100,000	
-	Từ hộ Ông Sinh đến hộ ông Khai khu Lèo	100,000	
-	Từ hộ ông Cần xóm Xén đến hộ ông Bách xóm Hem	100,000	
17.5	**Đất khu tập trung dân c nông thôn: Khu Đồn, Lịch 1, Đồng Kẹm, Lèo, Xén, Lich 2, Đồng Quán, Các khu Khu Cháu, Đồng Sạng, Đồng Đa, Hem**	50,000	
17.6	**Đất Khu Đá Cạn và các khu vực rải rác cha tính ở trên**	20,000	
18	**XÃ YÊN LƯƠNG**		
18.1	**Đường tỉnh lộ 316:**		
-	Đất 2 bên đường từ hộ Ông Cường khu Cầu Trắng đến hộ ông Uý khu 4, Từ hộ Ông Bảy Lãng đến hộ ông Cởi khu 5	200,000	
-	Đất 2 bên đường 316 còn lại	100,000	
18.2	**Đất nằm hai bên đường liên xã từ tỉnh lộ 316 đi xóm Gò Đa xã Yên Lãng, Đất từ hộ bà Nhung đến hộ Bà Nghi xóm Gò Đa Yên Lãng**	30,000	
18.3	**Đất khu tập trung dân c nông thôn**		
-	Khu 1, khu 2, khu 4, khu 5 (trừ khu Tâm Ván)	25,000	
-	Khu 6, khu 7, khu 8	22,000	
-	Đất ở còn lại	19,000	
19	**XÃ YÊN LÃNG**		
19.1	**Đường tỉnh lộ 316:**		
	Đất hai bên đường từ giáp Yên Lương đến giáp Yên Sơn	200,000	
19.2	**Đường liên xã:**		
	Đoạn từ Ngã ba Dốc Đỏ đến giáp đất xã Tu Vũ huyện Thanh Thủy	20,000	
-	Đoạn từ nhà Đồng Đường đến nhà ông Huy (thú y)	100,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đoạn từ ngã t Đông Thịnh đến nhà bà Môn	50,000	
-	Đoạn từ nhà Ông Sỹ (Hoà) đến nhà Ông Chiến, Đoạn từ đòng rẽ vào nhà Thắng Xuân đến ngã Ba quán ông Hải (Thu)	100,000	
-	Đoạn từ nhà Ông Đòng đến nhà Ông Lan (Giang), Đoạn từ nhà Ông Hàm đến nhà Ông Sảo, Đoạn từ nhà Ông Hợp đến nhà Ông Tuấn (Nam)	80,000	
-	Đoạn từ nhà Ông Hùng đến nhà Ông Vỹ, Đoạn từ nhà Ông Hạ (Khai) đến nhà Ông Ty, Đoạn từ nhà Ông Bảo đến nhà Ông Lâm (Hải), Đoạn từ nhà Ông Lu San đến nhà Ông Bảo Toàn	40,000	
-	Đoạn từ nhà Ông Thái (Danh) đến nhà Ông Thích Thuỷ (Bãi San), đoạn từ nhà Bà D đến Cầu Bạt	30,000	
19.3	**Đòng liên thôn từ xóm Đông Thịnh đến xóm Gò Đa**		
-	Đoạn từ nhà Ông Thắng (Lâm Nghiệp) đến nhà Ông Ninh Hải, Đoạn từ nhà Ông Đá Yên đến quán ông Hùng	100000	
	Đoạn từ nhà ông Minh Thủy đến nhà ông Tú Hải xóm Đông Thịnh	60000	
	Đoạn từ nhà ông Thận (Đông Thịnh) đến nhà ông Thứ xóm Gò Đa, khu vực xung quanh chợ Dốc Đỏ	50000	
	Đoạn từ ông Dũng Dinh đến nhà ông Hạnh Hạ	50000	
19.4	**Đất khu quy hoạch mới, khu tập chung dân c nông thôn**		
-	Khu Đồng Bóp, Pheo, Trung Thịnh, Đông Vợng, Đông Thịnh	50000	
	Đất quy hoạch mới khu Đồng Bóp, Đồng Ve xóm Đành, khu Pheo, khu Đông Vợng	30,000	
	Đất các khu còn lại cha tính ở trên	25,000	
20	**XÃ YÊN SƠN**		
20.1	**Đòng tỉnh lộ 316:**		
-	Đất 2 bên đòng từ hộ Ông Hiền (Khải) đến hộ Ông Tồn (H-ơng)	250,000	
-	Từ hộ Ông Tự (Cống 3 cửa) đến hộ Ông Hoan (Khu Mố)	150,000	
-	Đất dọc theo 2 bên đòng tỉnh lộ 316 còn lại	100,000	
20.2	**Đất khu trung tâm, khu vực chợ có khả năng sinh lời**		
-	Từ hộ nhà Ông Thanh (Độ) đến cổng UBND xã, Từ hộ Ông Điển đến hộ ông Vui (Liên Chung).	80,000	
-	Từ hộ Ông Hán đến hộ ông Cát (Liên Chung)	50,000	
20.3	**Đất hai bên đòng liên xã**		
-	Đòng liên xã từ Liên Chung đi Kết Bình, Từ đòng 316 đi khu Trại Yên, Từ hộ nhà Ông Toàn (Liên Chung) đến ngã ba khu Chen	30,000	
20.4	**Đất khu tập trung dân c nông thôn :**		
-	Khu Mố, Lau, Von Mỏ, Liên Chung, Kết Bình, Đề Ngữ	25,000	
-	Khu Chen, Chự, Hồ, Hạ Sơn, Bến Dầm và các khu vực còn lại cha tính ở trên	19,000	
21	**XÃ LƠNG NHA**		
21.1	**Đòng tỉnh lộ 317:**		
-	Từ đầu cầu Lơng Nha đến nhà Ông Hoạch xóm Lạc Song	200,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

-	Đất hai bên đường còn lại	150,000	
21.2	**Đất khu tập trung dân c nông thôn**		
-	Khu hành chính 1, 2, 3, 4, 6, 7, 9	50,000	
-	Khu hành chính 5, 8	80,000	
21.3	**Đất ở rải rác không tập trung cha tính ở trên**	30,000	
22	**XÃ TINH NHUỆ**		
22.1	**Đường tỉnh lộ 316**		
	Đất 2 bên đường từ Ngã ba đến địa phận giáp tỉnh Hòa Bình	200,000	
	Đất 2 bên đường từ Ngã ba đến hộ ông Nhân xóm Tân	140,000	
	Đất 2 bên đường từ hộ ông Nhân đến hộ ông Dự	100,000	
22.2	**Đường tỉnh lộ 317:**		
	Đất 2 bên đường từ Ngã ba qua chợ đến hộ ông Nghiêm	200,000	
	Đất 2 bên đường từ hộ ông Nghiêm đến cổng UBND xã Tinh Nhuệ	200,000	
	Đất 2 bên đường đoạn cổng UBND xã đến hộ ông Mít xóm Giáo (giáp xã Lương Nha)	150,000	
22.3	**Đường liên xã đoạn từ hộ ông Nhường xóm Tân đến Đá Kê xóm Sính**	50,000	
22.4	**Đất trong khu dân c và các đường còn lại**	30,000	
B	**ĐẤT Ở ĐÔ THỊ**		
	THỊ TRẤN THANH SƠN (ĐÔ THỊ LOẠI 5)		
1	Đoạn từ đường vào Phòng giáo dục đến cổng đường vào bệnh viện	1,200,000	
2	Đoạn từ đường rẽ vào phòng Giáo dục đến hết nhà Ông Hoạch (Điện nớc)	1,100,000	
3	Đoạn từ hạt kiểm lâm đến hết nhà Ô Hùng Kem	1,100,000	
4	Đoạn từ nhà Ô Hoạch điện đến đầu cầu 19/5	1,000,000	
5	Đoạn từ ngã ba vào Chợ Vàng đến trạm biến áp	900,000	
6	Đoạn từ đường rẽ vào Bệnh viện đến Ao Gia	900,000	
7	Đoạn hai ven đường xuống bến cảng	700,000	
8	Đoạn từ giáp trạm biến áp đến đường rẽ vào xóm Hoàng Trung	700,000	
9	Đoạn hai ven đường vào Bệnh viện (từ giáp quốc lộ 32 A đến cổng B. viện)	800,000	
10	Đoạn quốc lộ 32A từ Ao Gia đến hạt bảy giao thông đối diện nhà Ông Lương	900,000	
11	Đoạn từ nhà Ông Bộ kiểm lâm đến hết nhà Ông Thuận Lương	500,000	
12	Đoạn từ giáp nhà Ông Lương (hạt bảy) đến Cầu Khánh	700,000	
13	Đoạn từ nhà Ông Lộc Tính đến đầu cầu Ròng	500,000	
14	Đoạn từ giáp nhà Ông Thuận Lương đến Ao Bong (đường rẽ đội 12)	400,000	
15	Đất hai bên đường tỉnh lộ 316 đoạn từ Ao Bong (đường rẽ đội 12) đến giáp địa phận xã Giáp Lai.	300,000	
16	Đoạn từ nghĩa trang liệt sỹ đến giáp đường quốc lộ 32 (đường đi lương thực)	500,000	
17	Đất nằm phía sau (băng 2 của vị trí 1,2,3 nêu trên)	150,000	
18	Đất nằm phía sau (băng 2) của vị trí 4,5,6	150,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

19	Đất hai bên đờng vào và sau sân vận động	300,000	
20	Hai ven đờng nhánh thuộc thị trấn Thanh Sơn (cha tính ở phần trên)	150,000	
21	Đất khu dân c nông thôn ở thị trấn	150,000	
22	Đất còn lại nằm sâu trong các khu dân c giao thông không thuận tiện	30,000	
C	**Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đô thị đợc tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.**		
D	**Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá đợc tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.**		

Tổng số xã, thị trấn là 22 xã miền núi và 1 thị trấn:

1. Thị trấn (01): Thị Trấn Thanh Sơn

2. Xã Miền núi (22):

Sơn Hùng, Địch Quả, Giáp Lai, Thục Luyện, Võ Miếu, Thạch Khoán, Cự Thắng, Tất Thắng, Văn Miếu

Cự Đồng, Thắng Sơn, Tân Minh

Hơng Cần, Khả Cửu, Tân Lập, Đông Cửu, Yên Lãng , Yên Lơng, Thợng Cửu; Lơng Nha,Yên Sơn ,

Tinh Nhuệ

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HUYỆN TÂN SƠN NĂM 2010

ĐVT: Đồng/m2

STT	DIỄN GIẢI	Giá 2010	Ghi chú
I	**ĐẤT Ở NÔNG THÔN**		
1	**XÃ TÂN PHÚ**		
	Đất hai ven đường QL 32A giáp Mỹ Thuận đến Cầu Voi	540,000	
	Đất hai ven đường QL 32A từ Cầu Voi đến giáp xã Thạch Kiệt	450,000	
	Đất hai ven đường đi Minh Đài từ QL 32A đến hết nhà máy Chè Tân Phú	270,000	
	Đất hai ven đường đi khu 5, khu 7 từ nhà ông Chung Huấn đến nhà văn hoá khu 7	180,000	
	Đất hai ven đường đi khu 8, từ quán nhà Hồng Phẫu đến nhà văn hoá khu 8	270,000	
	Đất hai ven đường đi xóm Sặt, từ nhà ông Đức (khu 2B) đến nhà ông Vinh	270,000	
	Đất trong khu dân c nông thôn khu 5,8,9,10,2B.	144,000	
	Đất trong khu dân c nông thôn khu 1,3,4,6,7.	90,000	
	Đất hai ven đường từ Nhà máy Chè Tân Phú đến hết nhà ông Sừ (trên đường đi Mỹ Thuận)	150,000	
	Đất hai ven đường khu 9 từ cây Xăng đến nhà ông Ngoạn, từ nhà ông Báu đến hết nhà ông Tấn	160,000	
	Đất hai ven đường khu 1, từ nhà ông Nhiên Đạt đến hết nhà ông Đón.	120,000	
	Đất hai ven đường khu 2A từ nhà ba Dự đến hết nhà ông Ngọc.	160,000	
	Đất trong khu dân c nông thôn khu 2A	144,000	
2	**XÃ THU NGẠC**		
2,1	Đất hai bên đường khu trung tâm xã (đường liên xã).		
	Đoạn từ nhà ông Vuông giáp xóm Chiềng - Mỹ Thuận đến nhà bà Nơng khu Mang Hạ.	100,000	
	Đoạn từ ngã ba chợ đến cống cửa Mang.	80,000	
	Đoạn từ cống cửa Mang đến nhà ông Đỗ Nhung khu Sài Cái.	50,000	
	Đoạn từ nhà bà Nơng đến tràn Côm	50,000	
	Đoạn từ Tràn Côm đi Cọ Sơn 1	40,000	
	Đoạn từ ngã ba Côm đến nhà ông Quân khu Còn 2	40,000	
	Đoạn từ nhà ông Quân đến nhà bà Mão	40,000	
2,2	Đất ở các khu dân c		
	Đất hai ven đường các khu dân c: Tân An, Tân Ve, Liên Minh, Sài, Mang Hạ, Nà Nờm, Phai Vả, Côm	40,000	
	Đất hai bên đường ở các khu dân c lẻ: Còn 1, Còn 2. Mang Thọng, Đèo Mơng 1, Đèo Mơng 2, Cọ Sơn 1, Cọ Sơn 2,	30,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đất nằm trong các khu dân c: Tân An, Tân Ve, Liên Minh, Sài, Mang Hạ, Nà Nờm, Phai Vả, Côm	25,000	
	Đất nằm trong các khu dân c còn lại	20,000	
3	**XÃ VĂN LUÔNG**		
3,1	Đất đờng tỉnh lộ 316C qua địa bàn xã Văn Luông		
	Đất từ nhà ông Nguyện khu Lũng đến nhà ông Viết khu Đồng Thanh.	150,000	
	Đất từ nhà ông Trị khu khu Đồng Thanh đến nhà ông nhi khu Láng.	100,000	
3,2	Đất đờng liên xã		
	Đất từ nhà ông Sánh khu Láng đến nhà ông Tình khu Hoàng hà.	60,000	
	Đất từ nhà ông Lớp khu Lối qua đội 8, qua Hoàng Văn đến nhà ông Đợc khu Đồng Hẹ.	60,000	
3,3	Đất đờng liên xóm		
	Đất khu Đồng Thanh.	60,000	
	Đất các khu Lũng, Đép, Bến Gạo, Luông Mành, Văn Tân, Hoàng Văn.	40,000	
	Đất các xóm còn lại	35,000	
4	**XÃ KIỆT SƠN**		
4,1	Khu vực ngã 3 Vèo từ nhà ông Đại đến hết nhà ông Bình	220,000	
4,2	Hai ven đờng quốc lộ đoạn từ nhà Văn Hoá Khu 3 đến đồi đá Đồng Than	100,000	
4,3	Đất hai bên đờng huyện lộ		
	Khu vực chợ Vèo hai bên ven đờng huyện lộ đi Lai Đồng, đoạn từ nhà ông Quyết ngã 3 Vèo đến nhà ông Sinh	150,000	
	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Bính ngã ba Vèo đến nhà bà Hớng xóm Dọc.	100,000	
	Đoạn từ nhà bà Hớng đến nhà ông Rối	50,000	
4,5	Khu vực trung tâm xã.		
	Hai bên đờng huyện từ nhà ông Hà Văn Toản khu Đồng Ngào đến nhà Nguyên Thị Kim Thoa khu Đồng Ngào.	50,000	
4,6	Đất ven đờng liên xã		
	Đoạn từ nhà ông Hà Văn Thân đến nhà ông Hà Văn Binh xóm Dọc.	25,000	
	Đất khu Đồng Than đoạn từ nhà ông Sơn đi Lai Đồng	30,000	
4,7	Đất ven đờng liên thôn		
	Đoạn từ ngã 3 đi Tân Sơn đến nhà ông Hà Đức Cờng xóm Liệm.	25,000	
4,8	Đất ở các khu dân c nông thôn còn lại	20,000	
5	**XÃ VINH TIỀN**		
	Đất hai ven đờng từ nhà bà Vịnh đến khu quy hoạch UBND xã mới	100,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đất ven đường từ khu Đồng Giang đến Suối Cham	80,000	
	Đất hai ven đường từ Đồng Thi đi Đồng Khoai	50,000	
	Đất khu Bơng và khu Mận Gạo	40,000	
	Đất ở các khu còn lại	20,000	
6	**XÃ LAI ĐỒNG**		
	Đất hai ven đường từ chợ đến cổng trờng tiểu học khu Chiềng 2	100,000	
	Đất hai ven đường từ cổng trờng THCS đến nhà ông Chinh khu Vờng 2	80,000	
	Đất hai ven đường từ nhà ông Chinh khu Vờng 2 đi khu Phắt 2.	50,000	
	Đất hai ven đường từ nhà ông Nhiệt đến nhà ông Đào khu V-ờng 1	30,000	
	Đất hai ven đường từ nhà ông Nguyên khu Đoàn đến khu Kết	30,000	
	Đất hai ven đường từ đỉnh dốc Tre đến đầu Tràn Vẻ	35,000	
	Đất ở trong khu dân c còn lại	20,000	
7	**XÃ TAM THANH**		
	Đất hai ven đường 316 D từ giáp ranh xã Văn Miếu đến ao nhà anh Hậu khu trung tâm xóm Giác.	100,000	
	Đất hai ven đường 316 D từ ao nhà anh Hậu xóm Giác đến giáp ranh xã Vinh Tiền	60,000	
	Đoạn từ Trạm Y tế đến xóm Vai.	50,000	
	Đoạn từ tràn Bến Dự đến xóm én.	50,000	
	Đoạn từ đội 6 xóm Vảo đến đồi Đình xóm Chiêu.	60,000	
	Đoạn từ đồi Đình xóm Chiêu đến nhà ông An xóm Tảng.	30,000	
	Đoạn từ nhà ông Xuân xóm Giát đến đội 15 XN chè.	50,000	
	Đoạn xóm Múc từ hộ nhà anh Thịnh đến tràn ổ Vịt	35,000	
	Đất khu dân c còn lại	20,000	
8	**XÃ XUÂN SƠN**		
	Đất hai ven đường ở khu trung tâm xã xóm Dù. Từ nhà ông Hà Văn Dục đến nhà ông Đặng Văn Hoà.	50,000	
	Đất các khu vực còn lại của xóm Dù	30,000	
	Đất trong các khu dân c còn lại.	20,000	
9	**XÃ XUÂN ĐÀI**		
	Đoạn từ ngã 3 đi xóm Chiềng đến nhà ông Trọng xóm V-ợng.	50,000	
	Hai ven đường đi Xuân Sơn thuộc xóm Dụ từ nhà ông Thơng đến nhà ông Tơi.	90,000	
	Hai ven đường đi Xuân Sơn thuộc xóm Nâu từ nhà ông Hoàng đến nhà ông Phơng.	90,000	
	Trung tâm cụm xã hai bên ven đường từ nhà bà Lơng đến nhà ông Nổn.	200,000	
	Đoạn từ nhà ông Lĩnh đến nhà ông Vì đi Xuân Sơn	250,000	
	Đoan từ nhà ông Chín đi xóm Ai đến nhà ông Sỹ.	70,000	
	Đoan từ nhà ông Dũng đi xóm Ai đến nhà ông Bích, đi ra đ-	80,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	ờng trục chính đến nhà ông Vì.		
	Đoạn từ nhà ông Thái đến nhà ông Tuý	80,000	
	Đoạn từ nhà ông Sềnh đến nhà ông Vỹ	80,000	
	Đoạn từ nhà ông Thái đến nhà bà Hiến	80,000	
	Đoạn từ nhà ông Quyền án đến nhà bà Các	50,000	
	Đoạn từ nhà ông Hng đến nhà ông Lếnh (xóm Nâu)	50,000	
	Ngã ba xóm Dụ đến khu nhà Văn hoá xóm Dụ	50,000	
	Đoạn từ nhà ông Dần đến nhà ông Tiến	50,000	
	Đoạn từ nhà ông Thành đến nhà ông Nguyện hai bên đờng nhựa đi Xuân Sơn	60,000	
	Khu đất hai ven đờng từ đầu Dốc Đỏ lên đến Trụ sở làm việc Vờn Quốc Gia Xuân Sơn	50,000	
	Đất trong các xóm còn lại.	20,000	
10	**XÃ KIM THỌNG**		
	Đất hai ven đờng từ xóm Chiềng đi Xuân Đài.	100,000	
	Đất hai ven đờng từ UBND xã đi xóm Xuân.	100,000	
	Đất hai ven đờng từ UBND xã đi xóm Quyền.	80,000	
	Đất hai ven đờng từ xóm Quyền đi xóm Tân Lập.	70,000	
	Đất trong các khu còn lại	20,000	
11	**XÃ THU CÚC**		
	Đất hai ven đờng QL 32A từ cửa hàng xăng dầu Khu Trung tâm đến đỉnh dốc hòn đá đổ (Nhà bà Dung)	300,000	
	Đất hai ven đờng QL 32A từ ngã 3 Thu Cúc đến đầu cầu Đồng Tăng.	300,000	
	Đất hai ven đờng còn lại nằm trên QL 32A và 32B trong địa bàn xã Thu Cúc.	100,000	
	Đất hai ven đờng liên thôn có điểm đầu từ hai Quốc lộ đi các khu còn lại.	30,000	
	Đất nằm trong khu dân c thuộc các khu Mỹ á, Quẽ, Suối Dáy, Ngả Hai, Tân Lập, Liên Chung	20,000	
	Đất nằm trong các khu tập trung còn lại.	25,000	
12	**XÃ MINH ĐÀI**		
	Đất 2 ven đờng thuộc khu trung tâm xã từ ngã 3 ông Tám xóm Đồng Thịnh đến nhà ông Đắc xóm Minh Tâm.	300,000	
	Đất hai ven đờng từ nhà ông Sử xóm Minh Tâm đến ngã 3 sang xóm Chào.	200,000	
	Đất hai ven đờng từ ngã 3 bà Ngọc xóm Minh Tâm đến nhà ông Ninh xóm Minh Tâm.	250,000	
	Đất hai ven đờng từ ngã 3 ông Tám xóm Đồng Thịnh đến nhà ông Xoan giáp xã Văn Luông.	250,000	
	Đất hai ven đờng từ ngã 3 ông Tám xóm Đồng Thịnh đến nhà ông Trại xóm Đồng Thịnh.	250,000	
	Đất hai ven đờng từ nhà ông Đăng xóm Tân Lập đến nhà ông Vần xóm Tân Th.	150,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đất thuộc trung tâm các khu còn lại	100,000	
	Đất thuộc các xóm khu dân c còn lại.	50,000	
13	**XÃ MỸ THUẬN**		
13,1	Tuyến Quốc lộ 32A		
	Đất hai ven đường QL 32A từ giáp đất Địch Quả đến đỉnh dốc Tay Quay (Giáp nhà ông Hà Văn Danh).	70,000	
	Đất hai ven đường từ đỉnh dốc Tay Quay(Nhà ông Danh) đến cầu Chung - xóm Chung (thuộc trung tâm xã).	200,000	
	Đất hai ven đường từ cầu Chung đến cầu Mịn	100,000	
	Đất hai ven đường từ cầu Mịn đến đường đi Đồng Mít (Mịn 2).	120,000	
	Đất hai ven đường từ đường đi Đồng Mít đến giáp đất Tân Phú.	250,000	
13,2	Đường liên xã		
	Từ cầu Chiềng xóm Chiềng đến giáp đất Thu Ngạc.	100,000	
	Từ cầu Minh Thuận qua xóm Thuận, xóm Lực, xóm Mới, Mịn 2 đến giáp đất Tân Phú.	100,000	
	Từ ngã 3 xóm Lực đi cầu Mịn QL 32A.	80,000	
	Đất ở nằm trong khu trung tâm (Đường 1, Đường 2)	60,000	
	Tuyến từ ngã 3 vườn ươm xóm Mịn 2 đi Hồng Phong, Hồng Kiên.	70,000	
	Đất hai ven đường từ QL 32A xóm Đường 2 đi Mu Vố, xóm Chóc, đến ngã 3 Chóc-Lực-Mịn.	30,000	
	Đất còn lại nằm trong các xóm.	20,000	
14	**XÃ THẠCH KIỆT**		
	Hai ven đường QL 32A khu trung tâm xã từ nhà ông Nguyễn Văn Chiến đến nhà ông Quý Thuỷ.	300,000	
	Hai ven đường QL 32A từ nhà ông Quý Thuỷ đến nhà ông Hải Nhung	200,000	
	Hai ven đường QL 32A từ nhà ông Hải Nhung đến giáp Tân Phú	300,000	
	Hai ven đường QL 32A từ nhà ông Nguyễn Văn Chiến đến giáp đất Kiệt Sơn	100,000	
	Đất nằm trong các khu Cường Thịnh 1 + Cường Thịnh 2.	100,000	
	Đất trong các khu dân c còn lại	20,000	
15	**XÃ TÂN SƠN**		
	Đất 2 ven đường từ Kiệt Sơn đến cầu Cửa Bớt.	30,000	
	T cầu Cửa Bớt đến nhà ông A xóm Thừ	40,000	
	Đất 2 ven đường từ trung tâm xã đến trường tiểu học (ngã 3 Sận - Lèn).	25,000	
	Đất 2 ven đường khu chợ từ nhà ông Quân xóm Thừ đến cổng UBND xã.	60,000	
	Đất 2 ven đường khu xã từ nhà ông Đặng xóm Thừ đến quán bà Tới xóm Sận.	30,000	
	Đất 2 ven đường khu xã từ nhà ông Điếu xóm Thừ đến ông Sinh xóm Bơng.	30,000	
	Đất trong các xóm còn lại	20,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

16	**XÃ LONG CỐC**		
	Đất hai ven đòng từ đồi Măng Anh xóm Kén đến ngã 3 nhà anh Minh xóm Măng 1.	40,000	
	Đất 2 ven đòng từ nhà anh Minh xóm Măng 1 đến ngã 3 đ-òng đi xóm Bông 2 nhà anh Hoàng Chăm.	60,000	
	Hai ven đòng từ nhà anh Hà Xi đi xóm Liệm Văn Miếu.	30,000	
	Hai ven đòng từ nhà anh Hà Xi đi xóm Cạn đến trạm biến thế.	40,000	
	Đất hai ven đòng từ ngã 3 xóm Cạn đi xã Tam Thanh.	40,000	
	Đất từ ngã ba Bông 1 nhà anh Hoàng Chăm đi Bông 2, Bông 3, ra xóm láng xã Văn Luông	40,000	
	Đất trong các khu dân c còn lại.	20,000	
17	**XÃ ĐỒNG SƠN**		
	Đất 2 ven đòng liên xã	60,000	
	Đất 2 ven đòng còn lại.	30,000	
	Đất trong khu dân c.	20,000	

Tổng số xã, thị trấn là 17 xã miền núi :

Xã Miền núi (17):

Mỹ Thuận, Tân Phú, Thu Ngạc, Thạch Kiệt, Thu Cúc, Lai Đồng, Đồng Sơn, Tân Sơn, Kiệt Sơn, Xuân Đài, Kim Thợng, Xuân Sơn, Minh Đài, Văn Luông, Long Cốc, Tam Thanh, Vinh Tiền.

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HUYỆN THANH BA NĂM 2010

ĐVT: Đồng/m2

STT	DIỄN GIẢI	Giá 2010	Ghi chú
I	**ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**		
a	**Đất hai bên đường QL 2 thuộc khu vực xã Năng Yên**	250,000	
b	**Đất hai bên đường tỉnh 314 Khải Xuân - Hanh Cù (Trừ khu vực TT)-311 cũ**		
1	Đoạn từ ranh giới huyện (Khải Xuân) đến cách chợ Khải Xuân 150m	200,000	
2	Đất 2 bên đường khu vực chợ Khải Xuân 150m(về 2 phía)	450,000	
3	Đất từ cách chợ Khải Xuân 150m đến hết cổng nhà máy M1	250,000	
	Đoạn từ giáp cổng nhà máy M1 đến cách chợ Võ Lao 100m		
5	Đất hai bên đường bê tông từ đường tỉnh 314 đến cổng nhà máy M1 (BQP)	200,000	
6	Đoạn khu vực chợ Võ Lao dài 100m (về 2 phía)	350,000	
7	Đoạn từ cách chợ Võ Lao 100m đến nhà ông Hải (cầu Võ Lao)	200,000	
8	Đoạn từ nhà ông Hải đến ngã 3 Sen (Ninh Dân)	150,000	
9	Đoạn từ giáp ngã 3 Sen (Ninh dân) đến nhà ông Mão (Nhà nghỉ)	500,000	
10	Đoạn từ nhà ông Mão (Nhà nghỉ) đến cầu ông Tố - Ninh Dân (Đờng 314 cũ)	350,000	
11	Đoạn từ cầu ông Tố đến Cổng chính Xi măng Sông Thao (Đ-ờng 314 cũ)	600,000	
12	Đoạn từ cổng chính Xi măng Sông Thao đến ranh giới với thị trấn	700,000	
13	Đoạn đờng tránh 314 mới		
+	Đất 2 bên đường của lô A1, A3, A4 khu tái định c Xi Măng Sông Thao	500,000	
+	Đoạn từ khu tái định c Xi Măng đến ngã ba đường rẽ đi Chí tiên	500,000	
+	Đoạn từ ngã ba đường rẽ đi Chí tiên đến đường Tỉnh 314 cũ	300,000	
+	Băng 2 của lô A1, A3, A4, A5, A6 khu tái định c Xi Măng	150,000	
+	Đất tại vị trí lô A2 khu tái định c Xi Măng Sông Thao	100,000	
14	Đoạn từ ranh giới xã Đồng Xuân đến hết đường rẽ đi Vân Lĩnh (Cây thị)	400,000	
15	Đoạn từ đường rẽ đi Vân Lĩnh (Cây thị) đến cổng trụ sở UBND xã Thanh Vân	250,000	
16	Đoạn từ cổng trụ sở UBND xã Thanh Vân đến cách ngã 3 Hanh Cù 100m	200,000	
17	Khu ngã 3 Hanh Cù: Đoạn từ cách ngã 3 Hanh Cù 100m (h-ớng Thanh Vân xuống) đến biến thế Hanh Cù (dốc Hanh cù hớng Yến Khê) và từ ngã ba Hanh cù (100m) hớng Hạ Hoà xuống .	400,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

18	Đoạn từ cách ngã 3 Hanh Cù 100m (hướng đi Hạ Hoà) đến cổng Công ty TNHH Hoàng Anh	300,000	
19	Đoạn từ Công ty TNHH Hoàng Anh đến ranh giới Thanh Ba, Hạ Hoà	150,000	
c	Đất 2 bên đường tỉnh 314B tuyến Đào giã - Chân Mộng (trừ thị trấn)		
1	Đoạn từ Chân Mộng (Ranh giới H.Thanh Ba) đến cầu nhà ông Vạn (xã Đại An)	200,000	
2	Đoạn từ nhà ông Vạn đến hết nhà ông Sự (mổ lợn)	250,000	
3	Đoạn từ giáp nhà ông Sự đến cổng trờng THCS Thái Ninh	200,000	
4	Đoạn từ cổng trờng THCS Thái Ninh đến ranh giới thị trấn	300,000	
d	*Đất 2 bên đờng tỉnh 314C tuyến Đồng Xuân - Vũ Yển (trừ thị trấn)*		
1	Đoạn từ cầu rọu (ranh giới thị trấn) đến hết nhà bà Nhợng (Thuế)	300,000	
2	Đoạn từ giáp nhà bà Nhợng (thuế) đến hết cầu đen (yển Khê)	150,000	
3	Đoạn từ giáp cầu đen đến cây xăng (Yển Khê)	300,000	
4	Đoạn từ cây xăng Yển Khê đến hết nhà ông Tuần (GĐ phân lân)	400,000	
5	Đoạn từ giáp nhà ông Tuần đến đờng sắt cắt ngang	300,000	
6	Đoạn từ giáp đờng sắt cắt ngang đến hết chân đê sông Hồng	400,000	
g	Đất 2 bên đờng Tỉnh 320 tuyến Phú Thọ - bến phà Tình Cơng		
1	Đoạn từ giáp TX Phú thọ đến HTX mua bán cũ (áp phích Thanh Hà)	350,000	
2	Đoạn từ giáp HTX mua bán cũ đến Bến phà Tình Cơng	200,000	
g	Đất hai bên đờng tỉnh 320 (Trừ hành lang đê sông Hồng) - 313B cũ		
1	Đoạn từ ngã ba (Trạm bơm Sơn Cơng đến trạm bơm Chí tiên)	200,000	
2	Đoạn từ trạm bơm Chí Tiên đến cống ông Hợi	350,000	
3	Đoạn từ cống ông Hợi đến Cây Đa (Dốc Phủ)	200,000	
4	Đoạn từ cây đa (Dốc Phủ) đến hết địa phận xã Vũ Yển	300,000	
h	Đất 2 bên đờng tỉnh lộ 320C Ninh dân - Thanh vinh (TX Phú Thọ)		
1	Đoạn từ Ngã Ba Sen đến đờng rẽ đi mỏ sét (Xi măng Sông Thao)	300,000	
2	Đoạn từ đờng rẽ đi mỏ sét (Xi măng Sông Thao) đến Trờng THCS Đông Thành	200,000	
3	Đoạn từ Trờng THCS Đông Thành đến hết nhà văn hóa khu 13, xã Đông Thành	250,000	
4	Đoạn từ hết nhà văn hóa khu 13, xã Đông Thành đến ranh giới xã Thanh Vinh	150,000	
i	Đất hai bên đê Tả thao từ thị xã Phú thọ đến bến phà Tình C-ơng		
1	Đoạn từ nhà ông Xuyến (thôn Bộ Đầu-LL) đến đình khu 9,10 thôn Quán Lơng	250,000	
2	Đoạn thuộc địa bàn xã Đỗ Xuyên		
+	Đất thuộc thôn Tăng Nhi	300,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

+	Đất thuộc thôn Đỗ Xuyên	400,000	
3	Các khu vực khác còn lại đê tả thao	200,000	
k	**Đường huyện :**		
1	Đất 2 bên đường vào cụm Công nghiệp làng nghề phía nam huyện Thanh Ba	350,000	
2	Đất 2 bên đường huyện tuyến ngã 3 cây thị đi Tây Cốc		
+	Đoạn từ ngã ba cây Thị đến hết cổng nhà ông Vĩ (Đồng Xuân)	250,000	
+	Đoạn từ giáp nhà cổng nhà ông Vĩ (Đồng Xuân) đến đường rẽ đi Thanh Vân	150,000	
+	Đoạn từ đường rẽ đi Thanh Vân đến nhà bà Thám (Vân Lĩnh)	300,000	
+	Đoạn từ nhà bà Thám (Vân Lĩnh) đến hết ranh giới xã Vân Lĩnh	100,000	
3	Đất 2 bên đường huyện tuyến Yển Khê- Hanh cù		
+	Đoạn từ ngã 3 yển Khê đến trường mầm non xã Yển Khê	300,000	
+	Đoạn từ trường MN xã đến cách ngã 3 Hanh cù 400m	100,000	
4	Đất 2 bên đường huyện tuyến Thanh Hà - Đỗ Sơn	100,000	
5	Đất 2 bên đường huyện tuyến Võ Lao - Quảng Nạp - Thái Ninh	100,000	
6	Đất 2 bên đường huyện tuyến Đại An - Năng Yên	100,000	
7	Đất 2 bên đường huyện tuyến Thái Ninh - Ninh Dân	80,000	
8	Đất 2 bên đường huyện tuyến Thanh Xá - Yên Nội - Hoàng C-ơng		
+	Đoạn từ đường tỉnh 314 (mới) đến nhà ông Đạo (Yên Nội)	200,000	
+	Đoạn từ nhà ông Đạo đến hết trường tiểu học Yên Nội	250,000	
+	Đoạn từ hết trường tiểu học Yên Nội đến đường sắt (Hoàng C-ơng)	100,000	
9	Đất 2 bên đường huyện (đường bê tông) tuyến Ninh Dân - Chí Tiên		
+	Đoạn từ đường tỉnh 314 mới đến đường rẽ (cổng lữ đoàn 168)	200,000	
+	Đoạn từ đường rẽ lữ đoàn 168 đến ngã ba đường rẽ đi Hoàng C-ơng		
+	Đoạn từ ngã 3 đường rẽ đi H.Cơng đến UBND xã Chí Tiên (đ-ờng bê tông)	150,000	
+	Đoạn từ ngã 3 đường rẽ đi H.Cơng đến UBND xã Chí Tiên (đ-ờng cấp phối)	80,000	
+	Đoạn từ UBND xã Chí Tiên đến đê sông Hồng	300,000	
10	Đất 2 bên đường huyện tuyến Thanh Vân - Thái Ninh		
+	Đoạn từ ngã ba Vân Lĩnh (sân vận động) đến trạm thu mua chè	300,000	
+	Các khu vực còn lại thuộc tuyến đường huyện lộ Thanh Vân - Thái Ninh	80,000	
11	Đất 2 bên đường huyện tuyến từ Đồng Xuân đến UBND xã Phơng Lĩnh	80,000	
12	Đất 2 bên đường huyện tuyến từ đê Sông Hồng (320) đến UBND xã Phơng Lĩnh cũ	100,000	
13	Đất 2 bên đường huyện tuyến từ đê Sông Hồng (320) đến	100,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	UBND xã Mạn Lạn		
14	Đất 2 bên đường huyện tuyến Võ Lao - Đông Thành - Chí Tiên		
+	Đoạn từ tỉnh lộ 314 (chợ Võ Lao) đến hết đất Võ Lao	150,000	
+	Đoạn từ giáp đất võ lao đến ngã t UBND xã Chí Tiên	100,000	
15	Đất hai bên đường nối đường tỉnh 314 và đường tránh 314 mới (đoạn 200m - chợ Ninh Dân)	500,000	
k	**Đất hai bên đường liên xã :**		
1	Đất hai bên đường từ đường tỉnh 314C (chợ Vũ Yển) đến ga Vũ Yển	100,000	
2	Đất hai bên đường bê tông từ ngã ba chợ Yển Khê đi lò than	90,000	
3	Đất hai bên đường Từ hồ Quán sấu đến trường tiểu học Yển Khê	100,000	
4	Đất hai bên đường từ hồ quán sấu đi Nhà Trích	80,000	
5	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Lợi - Cây Đa - Vĩnh Chân (Hết địa phận Yển khê)	80,000	
6	Đoạn đường từ đường tỉnh 314 (áp phích Khải Xuân) Đi QL 2		
+	Đất hai bên đường từ đường tỉnh 314 đến UBND xã Khải Xuân	150,000	
+	Đất hai bên đường từ UBND xã đến cổng trường tiểu học Khải Xuân	100,000	
+	Đất hai bên đường cổng trường tiểu học Khải Xuân - đến Chùa Tà	80,000	
7	Đất hai bên đường từ đường tỉnh 314 (Nhà Ô Hoè) đi Quảng Nạp - đến đường rẽ Quảng Nạp - Thái Ninh	100,000	
8	Đất hai bên đường từ đường tỉnh 314 đến cổng trường NN Khải Xuân	150,000	
10	Đất hai bên đường bê tông Đỗ Xuyên từ nhà Ô Lực Khu 12 đến nhà Ô Thử Khu 6	150,000	
11	Đất hai bên đường từ TX Phú thọ đến đường huyện tuyến Đỗ Sơn - Thanh Hà	150,000	
k	**Đất khu vực dân c các xã vùng trung du**		
1	Đất 2 bên đường liên thôn các xã	70,000	
2	Đất các khu vực còn lại thuộc các xã của cả 2 nhóm trên	60,000	
m	**Đất các xã thuộc khu vực miền núi**		
1	Đất 2 bên đường liên thôn các xã	60,000	
2	Đất các khu vực còn lại của các xã trên	50,000	
II	**ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ**		
	Khu vực nội thị thị trấn Thanh Ba		
1	Đường tỉnh 314 từ Ngã ba Đào Giã đến đi Vũ Yển		
+	Đoạn từ ngã ba Đào Giã đến cổng trường cao đẳng Cơ điện I	########	
+	Đoạn từ Cổng trường Cao đẳng Cơ điện I đến hết nhà ông Tiến (đường rẽ Y.Nội)	########	
+	Đoạn từ giáp nhà ông Tiến (đường rẽ Yên Nội) đến hết ranh giới TT Thanh Ba	########	
2	Đường từ ngã 3 Đồng Xuân đến hết cầu trường chuyên	########	
3	Đường từ ngã 3 Đào Giã đi Đại An đường tỉnh 314B		
+	Đoạn từ ngã 3 Đào Giã đến hết nhà ông Hội (Tài chính)	########	
+	Đoạn từ giáp nhà ông Hội đến cổng Trung tâm GD thường	800,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	xuyên		
+	Đoạn từ cổng trung tâm GDTX đến hết khu vực thị trấn	400,000	
4	Đờng từ ngã 3 Đào Giã đi Phú Thọ TL314 (hết khu vực thị trấn)		
+	Đoạn từ ngã ba Đào Giã đến cổng Đài truyền thanh	########	
+	Đoạn từ cổng Đài truyền thanh đến ngã ba cây xăng số 12	########	
	Đoạn từ ngã ba cây xăng số 12 đến hế ranh giới thị trấn Thanh Ba	########	
5	Đờng bê tông từ đờng TL 314 (cổng XN Chè) đến cây xăng	700,000	
6	Đờng Tránh nội thị từ cầu Văng đến cây Xăng (Đồng Xuân)		
+	Đoạn từ cầu Văng đến hết nhà ông Tám (khu 4 - TT)	400,000	
+	Đoạn từ giáp nhà ông Tám khu 4 - TT đến đờng tỉnh 314 (Cây xăng)	300,000	
7	Đờng từ ngã 3 Đào Giã đi Hố Nụ		
+	Đoạn từ ngã 3 Đào Giã đến cầu Bạch	200,000	
+	Đoạn từ cầu Bạch đến hết khu vực thị trấn	100,000	
8	Đờng từ nhà bà Yên (chè) đến cổng huyện uỷ	200,000	
9	Đờng bê tông từ TL 314 (nhà bà Hạc) đến nhà ông Dơng Bổn	300,000	
10	Đờng bê tông từ TL 314 (cổng rợu) đến cổng nhà ông Vĩnh Lợc	400,000	
11	Đất 2 bên đờng tuyến từ nhà ông Tiến (thơng binh) đi Yên Nội		
+	Đoạn từ nhà ông Tiến đến chân dốc (đờng rẽ vào nhà ông Tặng chè)	300,000	
+	Đoạn từ chân dốc (đờng rẽ) đến hết ranh giới TT	100,000	
12	Đờng từ UBND thị trấn đến Đài tởng niệm các anh hùng liệt sỹ huyện TB	200,000	
+	Đất 2 bên đờng liên thôn còn lại trong khu vực TT Thanh Ba	90,000	
+	Đất các khu vực còn lại trong TT Thanh Ba	70,000	
III	**Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và tại đô thị đợc tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề ở khu vực**		
IV	**Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá đợc tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực**		

Tổng số xã, thị trấn là 27, trong đó :

1 - Các xã trung du (05):

Đỗ Xuyên, Đỗ Sơn, Lơng Lỗ, Thanh Hà, Vũ Yển

2 - Các xã Miền núi (22):

Năng Yên, Quảng Nạp, Đại an, Khải Xuân, Võ Lao, Thanh Vân, Đông Lĩnh, Thái Ninh, Chí Tiên, Đông Thành,Ninh Dân, Hanh Cù, Yển Khê, Đồng Xuân, Hoàng C-ơng, Thanh Xá, Mạn Lạn, Yên Nội, Phơng Lĩnh, Sơn Cơng và Vân Lĩnh.

3. Thị trấn (01):

Thị trấn Thanh Ba

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH
DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐOAN HÙNG NĂM 2010

Đơn vị tính: đồng/m²

STT	DIỄN GIẢI	Năm 2010	Ghi chú
I	**ĐẤT Ở NÔNG THÔN**		
A	**ĐỜNG QUỐC LỘ**		
1	**Quốc lộ 2**		
a	**Đất 2 bên đường QL2 thuộc xã Sóc Đăng**		
-	Đoạn từ trờng dân tộc nội trú đến giáp hồ Sóc Đăng	1,000,000	
-	Đoạn từ hồ Sóc Đăng đến hết trạm biến thế	800,000	
-	Đoạn từ trạm biến thế đến hết trạm kiểm soát lâm sản	700,000	
-	Đoạn từ trạm kiểm soát lâm sản đến đờng vào TTBTXH -PT	500000	
-	Đoạn từ đờng rẽ TTBTXH — PT đến hết xã Sóc Đăng	400,000	
b	**Đất hai bên đường QL2 thuộc xã Chí Đám**		
-	Đoạn từ đầu Cầu Đoan Hùng đến hết trạm thuế Chí Đám	1,000,000	
-	1	600,000	
-	Từ trạm thuế Chí Đám đến đờng rẽ vào trờng tiểu học Tân Phợng	800,000	
-	Đoạn từ đờng rẽ vào trờng tiểu học Tân Phợng đến đờng rẽ vào mỏ đá Gò Thanh	600,000	
-	Đoạn từ đờng rẽ vào mỏ đá Gò Thanh đến Km 21 Tuyên Quang	400,000	
-	Đoạn từ cổng S đoàn 316 đến hết địa phận xã Chí Đám	400,000	
c	**Đất ven đường quốc lộ 2 thuộc xã Vân Du**	800,000	
d	**Đất hai bên đường QL2 thuộc xã Chân Mộng**		
-	Đoạn từ Km 96 (chợ cũ) đến Cầu Quyên thôn 4 (bu điện)	500,000	
-	Đoạn từ Cầu Quyên đến giáp xã Minh Tiến và từ cổng nhà ông Tụng thôn 2 đến cầu Chân mộng thôn 1	400,000	
-	Đoạn từ Km96 dến nhà ông Tụng thôn 2 và từ cầu Chân mộng đến hết địa phận xã Chân Mộng	300,000	
e	**Đất hai bên đường QL2 thuộc xã Minh Tiến**	350,000	
f	**Đất hai bên đường QL2 thuộc xã Tiêu Sơn**		
-	Đoạn từ nghĩa trang liệt sỹ đến hết nhà ông Hiền (Tờng)	350,000	
-	Đoạn từ nhà ông Hiền đến giáp xã Minh Tiến	300,000	
-	Đoạn từ nghĩa trang liệt sỹ đến giáp xã Yên Kiện	300,000	
g	**Đất hai bên đường QL2 thuộc xã Yên Kiện**		
-	Đoạn từ Cầu Sắt đến hết chợ Yên Kiện	350,000	
-	Đoạn từ Cầu Sắt đến giáp xã Tiêu Sơn và từ chợ Yên Kiện đến giáp xã Sóc Đăng	300,000	
2	***Quốc Lộ 70***		
a	**Đất hai bên đường QL70 thuộc xã Tây Cốc**		
-	Đoạn từ đờng vào xóm ông Khóa đến đờng vào xởng sắn cũ (bà Thông)	1,000,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

-	Đoạn từ trạm thuế đến hết công ty chè Phú Bền (theo đờng 319)	800,000	
-	Đoạn từ đờng rẽ xởng sắn cũ đến cổng nhà ông Dực	600,000	
-	Đoạn từ đờng rẽ vào xóm ông Khoá đến cổng Lâm Trờng	500,000	
-	Đoạn từ cổng Lâm Trờng Đoan Hùng đến giáp xã Ngọc Quan	300,000	
-	Đoạn từ cổng nhà ông Dực đến giáp xã Phúc Lai	300,000	
b	**Đất hai bên đờng QL70 thuộc xã Bằng Luân**		
-	Đoạn từ cổng ông Thân Yên (giáp D17 cũ) đến nhà ông Truy thôn 16	400,000	
-	Đoạn cổng ông Thân Yến đến giáp xã Quế Lâm	250,000	
-	Đoạn từ nhà ông Truy đến đờng rẽ đi Đức Thái	300,000	
-	Đoạn từ đờng rẽ đi Đức Thái đến giáp xã Minh Lơng	200,000	
c	**Đất hai bên đờng QL70 thuộc xã Ngọc Quan**		
-	Đoạn từ chợ mới đến đờng rẽ nhà ông Quý	500,000	
-	Đoạn từ đờng rẽ vào nhà ông Quý đến đờng rẽ dự án chè	300,000	
	Đoạn từ đờng rẽ dự án chè đến giáp xã Tây Cốc	250,000	
-	Đoạn từ chợ mới đến giáp thị trấn Đoan Hùng	350,000	
d	**Đất hai bên đờng QL70 thuộc xã Quế Lâm**		
-	Đoạn từ cổng trờng cấp II đến đờng rẽ đi chợ Ngà	300,000	
	Đoạn từ đờng rẽ chợ Ngà đến giáp xã Bằng Luân	200,000	
-	Đoạn từ cổng trờng cấp II đến giáp xã Phúc Lai	250,000	
e	**Đất hai bên đờng QL70 thuộc xã Minh Lơng**		
-	Đoạn từ xã Bằng Luân đến giáp xã Đại Phạm	200,000	
f	**Đất hai bên đờng QL70 thuộc xã Phúc Lai**		
-	Đoạn từ giáp xã Tây Cốc đến giáp xã Quế Lâm	200,000	
B	**ĐẤT HAI BÊN ĐỜNG TỈNH LỘ**		
1	***Đất hai bên đờng tỉnh Lộ 319 từ Tây Cốc đi Hạ Hòa***		
-	Đoạn từ nhà máy chè Phú Bền đến giáp đờng rẽ đi Phúc Lai	300,000	
-	Khu vực trung tâm xã Ca đình	100,000	
-	Đoạn từ giáp xã Ca Đình đi Phong Viên	80,000	
-	Các khu vực còn lại	80,000	
2	***Tỉnh lộ 331(Đờng Chiến thắng Sông Lô)***		
a	***Đất hai bên đờng thuộc xã Sóc Đăng***		
-	Hai bên đờng từ giáp thị trấn Đoan Hùng đến trụ sở xã Sóc Đăng	300,000	
-	Từ trụ sở UBND xã Sóc Đăng đến giáp xã Hùng Long	200,000	
b	***Khu vực xã Hùng Long***		
	Khu vực trung tâm xã (từ đờng Bê tông thôn Tân Việt đến cống Cây Duối thôn Đồng Ao)	200,000	
	Khu vc Chợ (từ trạm biến áp đến cây đa (đờng rẽ Vân Đồn)	200,000	
	Các khu vực còn lại	100,000	
c	***Đất khu vực xã Vụ Quang***		
	Đất khu vực trung tâm xã Vụ Quang(từ cổng ông Du thôn 5 đến hết đất bà Phợng thôn 4)	300,000	
	Khu vực Chợ (Từ Cầu Rơm đến hết đất ông Lâm thôn 6)	300,000	
	Từ cống Ao Mái thôn 4 đến cống Lim thôn 2	200,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đất các khu vực còn lại	150,000	
3	***Tỉnh lộ 322 (Vân du đi Đông Khê)***		
a	***Đất 2 bên đường thuộc xã Vân Du***		
-	Từ QL2 đến hết nhà ông Nghiêm	250,000	
	Từ nhà ông Nghiêm đến hết đất ông Bình	200,000	
-	Các khu vực còn lại	100,000	
b.	***Đất 2 bên đường thuộc xã Hùng Quan***		
-	Đoạn từ nhà ông Phan Quang đến trạm Ytế xã	250,000	
-	Các khu vực còn lại	150,000	
c	***Đất 2 bên đường thuộc xã Nghinh Xuyên***		
	Khu trung tâm xã Nghinh Xuyên (từ Bu điện VHX đến cổng Nhà thờ)	150,000	
-	Các khu vực còn lại	100,000	
d	***Đất 2 bên đường thuộc xã Đông Khê***		
-	Khu Trung tâm (Đoạn từ cống mũi Dui đến nhà ông Tỵ và từ nhà ông Đoàn đến nhà ông Diệp)	150,000	
-	Các khu vực còn lại	80,000	
4	***Tỉnh Lộ 318, 318B, 318C (333 cũ)***		
	Đất hai bên đường thuộc xã Yên Kiện	100,000	
-	Đất thuộc khu vực Trung tâm xã Vân Đồn, xã Minh Phú	200,000	
-	Đất 2 bên đường từ quốc lộ 2 đến Cầu dát thôn 6 xã Chân Mộng	200,000	
-	Đất 2 bên đường còn lại của xã Chân Mộng	100,000	
-	Đất 2 bên đường thuộc xã Vụ Quang	80,000	
	Các khu vực còn lại của xã Vân Đồn và xã Minh Phú	80,000	
5	***Tỉnh lộ 319B (Tây cốc- Minh Lơng)***		
a	**Đất hai bên đường xã Tây Cốc**	100,000	
b	**Đất hai bên đường thuộc xã Phúc Lai**		
-	Đoạn từ nhà ông Thiện đến Cầu Quê	150,000	
-	Các khu vực còn lại	100,000	
c	**Đất 2 bên đường thuộc xã Bằng Doãn**		
-	Khu Trung tâm xã(từ cầu Gia bao đến hết nhà ông Vĩnh thôn 1)	200,000	
	Từ nhà ông Vĩnh thôn 1 đến hết nhà ông Phúc thôn 2 và từ cầu Gia Bao đến cổng nhà ông Thìn thôn 6.	150,000	
-	Các khu vực còn lại	100,000	
d	**Đất 2 bên đường thuộc xã Minh Lơng**		
	Đất khu vực Trung tâm xã Minh Lơng	150,000	
	Các khu vực còn lại	80,000	
6	***Tỉnh lộ 319C (minh Lơng đi Quốc lộ 70)***		
-	Đất khu vực Trung tâm xã Minh Lơng	150,000	
-	Các khu vực còn lại	100,000	
7	***Tỉnh Lộ 311***		
-	Hai bên đường xã Minh Lơng	100,000	
8	***Tỉnh lộ 314B (Chân mông- Thanh Ba)***		
-	Từ Quốc lộ 2 đến hết đất ông Tiến	300,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Khu vực còn lại	200,000	
9	**Đất 2 bên đường chiến Thắng Sông Lô(Từ Phong Phú đi Quế Lâm)**		
a	**Thuộc xã Phong Phú**		
	Khu Trung tâm xã(Từ đường rẽ Bến quán thôn 1 đến đường rẽ sân Vân động và từ cổng ông Huấn đến giáp thị trấn Đoan Hùng	100,000	
	Khu vực còn lại	80,000	
b	**Thuộc xã Phương Trung**		
	Khu Trung tâm xã(Từ công Cầu Đá đến hết đất ông Nhuế)	100,000	
	Khu vực còn lại	80,000	
C	**THUỘC XÃ QUẾ LÂM**		
	Từ cổng ông Thoại đến cổng ông Dương Thôn 5	150,000	
	Khu vực còn lại	80,000	
10	**Đất khu dân c nông thôn xác định theo địa giới hành chính**		
-	Đất hai bên đường liên xã (thuộc khu Trung tâm, khu Chợ, khu đông dân c)	100,000	
-	Đất hai bên đường Liên thôn, xóm	80,000	
-	Đất khu dân c còn lại của xã	40,000	
II	**ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ**		
	Giá đất tại thị trấn Đoan Hùng		
1	***Đường Quốc Lộ 2***		
-	Từ giáp xã Sóc Đăng đến hết đất ông Loan Vy	1,200,000	
-	Từ Gốc gạo (giáp đất ông Loan vy) đến hết trạm Thú y	1,400,000	
-	Từ trạm Thú y đến cổng nghĩa trang liệt sỹ thị trấn Đoan Hùng	1,200,000	
-	Từ cổng Nghĩa trang liệt sỹ đến cổng trường THPT Đoan Hùng	1,000,000	
-	Từ cổng trường THPT Đoan Hùng đến cầu Đoan Hùng	1,100,000	
2	***Đường Quốc Lộ 70***		
-	Từ ngã ba Ngân hàng (QL2) đến Cống Cận	1,200,000	
-	Từ Cống Cận đến cổng nhà ông Thêm	1,100,000	
-	Từ cổng nhà ông Thêm đến giáp đất ông Bổng	800,000	
-	Từ giáp đất ông Bổng đến hết cổng nhà máy 19/5	1,000,000	
-	Từ cổng nhà máy 19/5 đến giáp đất Ngọc Quan	900000	
3	**Đất hai bên đường Chiến thắng Sông Lô**		
	Từ Quốc lộ 2(Nhà ông Chí) đi Cầu Tế	700,000	
	Từ Cầu Tế đến cổng Nhà máy nước Đoan Hùng	600,000	
	Từ cổng Nhà máy nước Đoan Hùng đến cống ông Định	500,000	
	Từ cống ông Định đến Quốc lộ 2	600,000	
	Từ Qốc lộ 2 theo đường rẽ đi Phong Phú đến hết đất thị trấn	500,000	
	Từ Trạm than đến giáp đất Sóc Đăng	500,000	
4	**Đường từ Quốc Lộ 2 vào bệnh viện đến khu Thọ sơn**		
-	Từ Quốc lộ 2 đến hết đất ông Bảy	600,000	
	Từ đất ông Bảy đến cổng Bệnh viện	500,000	
-	Từ cổng bệnh viện đến hết đường vào khu Thọ sơn	300,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

5	***Đất 2 bên đờng từ giáp QL2 vào cổng huyện uỷ***	500,000	
6	**Đờng từ giáp QL2(cổng ông Nghiệp Hờng) đi trờng Chính Trị**	500,000	
7	**Đờng từ trờng Chính Trị đi Bu điện Đoan Hùng**	400,000	
8	**Đờng từ giáp QL2(cổng ông Thông) đi Nghĩa địa Tân Long**		
	Từ Quốc lộ 2 (cổng ông Thông) đến hết đất hội trờng thôn Tân Long	300,000	
	Từ hội trờng thôn Tân Long đến Nghĩa địa Tân Long	200,000	
9	***Đờng từ giáp QL2(đất bà Minh) đi ra đờng chiến thắng Sông Lô***		
	Từ Quốc lộ 2 (đất bà Minh)đến cổng ông Thanh thôn Tân Long	400,000	
	Từ cổng ông Thanh thôn Tân Long đến đờng chiến thắng Sông Lô	300,000	
10	***Đờng từ giáp QL2(qua trạm Y tế) ra đờng chiến thắng Sông Lô***	300,000	
-	Đoạn từ giáp quốc lộ 2 đến nhà ông Bàng	500,000	
-	Đoạn từ nhà ông Bàng đến bến Phà cũ	250,000	
11	***Đờng từ QL2 đi Hồ vạ***		
-	Đoạn từ QL2 (cổng ông Kim) đến hết đất ông Chiến Hát	300,000	
-	Đoạn từ ông Chiến hát đến Hồ vạ và đoạn còn lai	200,000	
12	***Đờng từ QL2 đi Tợng đài(qua228 cũ) đến dờng chiến thắng S. Lô***	300,000	
13	Các đờng nhánh còn lại và băng 2 của đờng quốc lộ 2 và Quốc lộ 70	200,000	
14	Đất 2 bên đờng liên thôn xóm của thị trấn	200,000	
15	Đất khu dân c còn lại của thị trấn Đoan Hùng	120,000	
III	**Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và tại đô thị đợc tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực**		
IV	**Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá đợc tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực**		

Tổng số xã, thị trấn là 28, trong đó :

1. Các xã Miền núi (27):

Minh Lơng, Bằng Luân, Bằng Doãn, Quế Lâm, Phúc Lai, Tây Cốc, Ca Đình, Ngọc Quan, Yên Kiện, Hùng Long

Vân Đồn, Tiêu Sơn, Minh Tiến, Chân Mộng, Minh Phú, Vụ Quang, Đông Khê, Nghinh Xuyên, Vân Du, Chi Đám

Chí Đám, Hữu Đô, Đại Nghĩa, Phú Thứ, Phơng Trung, Phong Phú, Hùng Quan, Sóc Đăng.

2. Thị trấn (01):

Thị trấn Đoan Hùng

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH
DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HUYỆN HẠ HOÀ NĂM 2010

ĐVT: Đồng/m2

TT	DIỄN GIẢI	Giá năm 2010	Chi chú
1	2	4	7
A	**QUỐC LỘ**		
1	**Đờng QL 70 đi Yên Bái từ Km 19 đến Km 22 Đại Phạm**	170,000	
2	**Đờng QL 32C từ Minh Côi đến hết xã Hiền Lơng**		
	Đất 2 bên đờng từ giáp Ngòi Giành đến giáp nhà ông Hồng (Chợ Minh Côi cũ)	150,000	
	Đất 2 bên đờng từ nhà ông Hồng đến hết nhà ông Nhận xã Minh Côi	250,000	
	Đất 2 bên đờng từ giáp nhà ông Nhận xã Minh Côi đến Ngòi Văn Lang	170,000	
	Đất 2 bên đờng từ giáp Ngòi Văn Lang đến nhà của Đội sửa chữa đờng bộ	180,000	
	Đất 2 bên đờng từ giáp nhà của Đội sửa chữa đờng bộ đến bến đò Chuế Lu sang Chợ ấm Thợng	250,000	
	Đất 2 bên đờng từ giáp bến đò Chuế Lu sang Chợ Ấm Thợng đến Cầu Lờng xã Xuân Áng	180,000	
	Đất 2 bên đờng từ giáp cầu Lờng Xuân Áng đến hết Phòng khám Đa khoa Xuân Áng	250,000	
	Đất 2 bên đờng từ giáp Phòng khám Đa khoa Xuân Áng đến hết nhà bà Chung xã Hiền Lơng (Đối diện Bến xe khách)	170,000	
	Đất 2 bên đờng từ giáp nhà bà Chung xã Hiền Lơng đến hết nhà ông Tâm (Nhà nghỉ) xã Hiền Lơng	250,000	
	Đất 2 bên đờng từ giáp nhà ông Tâm xã Hiền Lơng đến giáp cầu Ngòi Vần xã Hiền Lơng (Gần chợ Hiền Lơng)	350,000	
	Đất 2 bên đờng đi Yên Bái từ cầu Ngòi Vần xã Hiền L-ơng đến hết địa phân xã Hiền Lơng (Giáp xã Minh Quân-Tỉnh Yên Bái)	200,000	
	Bỏ đoạn từ nhà ông ký- Ông Thắng; từ Hiền lơng đi Quân Khê		
B	**ĐỜNG TỈNH (ĐT)**		
1	**Tuyến đờng tỉnh 314 từ Yên Kỳ đi Đại Phạm (311 cũ)**		
	Đất hai bên đờng giáp xã Hanh Cù, huyện Thanh Ba đến ngã 3 vào UBND xã Yên Kỳ	60,000	
	Đất 2 bên đờng từ ngã ba vào UBND xã Yên Kỳ đến cổng trờng Tiểu học Yên Kỳ	100,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đất 2 bên đường từ giáp cổng trường Tiểu học Yên Kỳ đến Đồng Bứa xã Hơng Xạ	60,000	
	Đất 2 bên đường từ Đồng Bứa xã Hơng Xạ đến cổng trường THCS Hơng Xạ	160,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp cổng trường THCS Hơng Xạ đến ngã 3 Cáo Điền (Ngã 3 đường rẽ trụ sở UBND xã Cáo Điền)	70,000	
	Đất 2 bên đường từ ngã 3 Cáo Điền đến ngã 3 Phơng Viên	70,000	
	Đất 2 bên đường từ ngã 3 Phơng Viên đến ngã 3 Làng Trầm xã Ấm Hạ	120,000	
	Đất 2 bên đường từ ngã 3 Làng Trầm xã Ấm Hạ đến hết nhà ông Toàn xã Ấm Hạ	150,000	
	Đất 2 bên đường từ ngã 3 Chu Hng Ấm Hạ (Cổng trường THCS Ấm Hạ) đến nhà ông Dợc khu 8 xã Ấm Hạ	150,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp nhà ông Dợc khu 8 đến ngã 4 đ-ờng vùng đồi đi Gia Điền	80,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp ngã 4 đường vùng đồi đi Gia Điền đến cổng Trạm Y tế xã Đại Phạm	60,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp Trạm Y tế xã Đại Phạm đến ngã ba rẽ vào Trờng THCS Đại Phạm	150,000	
	Đất 2 bên đường từ ngã ba rẽ vào Trờng THCS Đại Phạm đến giáp đường QL 70 (Km 22)	50,000	
2	**Tuyến đường tỉnh 314 E từ Chu Hng, Ấm Hạ đến Ấm Thợng (Thị trấn Hạ Hòa)**		
	Đất 2 bên đường từ giáp nhà ông Toàn xã Ấm Hạ đến Gò Đầm Đàng xã Ấm Hạ	180,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp Gò Đầm Đàng xã Ấm Hạ đến Trạm biến áp Ấm Hạ	180,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp Trạm biến áp Ấm Hạ đến giáp Ấm Thợng (Thị trấn Hạ Hòa)	120,000	
3	**Tuyến đường tỉnh 320**		
	Đất 2 bên đường từ xã Y Sơn giáp Thị trấn Hạ Hòa đến cổng Xí nghiệp gạch Tuynel xã Phụ Khánh	80,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp cổng Xí nghiệp gạch Tuynel xã Phụ Khánh đến đường rẽ vào trờng THCS Phụ Khánh	100,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp đường rẽ vào trờng THCS Phụ Khánh đến nhà ông Thịnh xã Đan Thợng (giáp xã Lệnh Khanh)	70,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp nhà ông Thịnh xã Đan Thợng (giáp xã Lệnh Khanh) đến nhà ông Th xã Đan Thợng	100,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp nhà ông Th xã Đan Thợng đến hết nhà ông Lý (Đờng rẽ ra kênh Đồng Phai)	250,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp nhà ông Lý (Đờng rẽ ra kênh Đồng Phai) đến hết UBND xã Đan Hà	100,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp UBND xã Đan Hà đến đường sắt Hà -Lào	100,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đất 2 bên đường từ đường sắt rẽ đi Hậu Bổng đến giáp nhà máy chè Phú Cường xã Hậu Bổng	70,000	
	Đất 2 bên đường từ nhà máy chè Phú Cường xã Hậu Bổng đến hết ngã 3 xã Hậu Bổng (Ngã ba lên đê).	100,000	
	Đất 2 bên đường từ ngã 3 xã Hậu Bổng (Ngã ba lên đê) đến hết địa phận tỉnh Phú Thọ.	60,000	
	Đất 2 bên đường từ xã Minh Hạc giáp Thị trấn Hạ Hòa (Chè Cúc Đạt) đến đường đê bao xã Minh Hạc (Tràn San)	180,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp đường đê bao xã Minh Hạc (Tràn San) đến đường rẽ vào Trụ sở UBND xã Lang Sơn	100,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp đường rẽ vào Trụ sở UBND xã Lang Sơn đến nhà bà Thế bến đò Lang Sơn (Bến đò sang Văn Lang)	100,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp nhà bà Thế bến đò Lang Sơn (Bến đò sang Văn Lang) đến cống Ngòi Trang xã Mai Tùng	80,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp cống Ngòi Trang xã Mai Tùng đến giáp xã Vụ Cầu	100,000	
4	**Tuyến đường tỉnh 321 từ Bằng Giã đi Tân Long Yên Lập**		
+	Đất 2 bên đường từ ngã 3 Bằng Giã (gần Bu điện văn hoá xã) đến hết địa phận xã Bằng Giã	70,000	
+	Đất 2 bên đường từ giáp xã Bằng Giã đến hết địa phận xã Vô Tranh	60,000	
5	**Tuyến đường tỉnh 319C đoạn Hà Lương □ Minh Lương, Đoan Hùng**		
+	Đất 2 bên đường từ giáp đường tỉnh 314 đến hết địa phận xã Hà Lương	60,000	
C	**ĐƯỜNG HUYỆN**		
1	**Tuyến đường P7 từ giáp Ngã 3 Xuân Áng đi Trại Tân Lập**		
	Đất 2 bên đường từ nhà ông Chì xã Xuân Áng đến hết Ngân Hàng Nông nghiệp chi nhánh Xuân Áng	150,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp Ngân Hàng Nông nghiệp chi nhánh Xuân Áng đến hết ngã ba đường sang xóm ông Bách khu 5 xã Xuân Áng	100,000	
	Đất hai bên đường từ giáp ngã 3 đường sang xóm ông Bách khu 5 đến ngã 3 cổng bà Hợi khu 5 xã Xuân Áng	70,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp cổng bà Hợi khu 5 xã Xuân Áng đến nhà ông Tuấn Mùi xã Xuân Áng	50,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp nhà ông Tuấn Mùi xã Xuân áng đến Trại Tân Lập	40,000	
2	**Tuyến đường huyện đoạn Vĩnh Chân □ Hương Xạ**		
	Đất 2 bên đường từ ngã 3 giáp ĐT 320 đến đường rẽ trường THCS Vĩnh Chân	80,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp đường rẽ vào trường THCS Vĩnh	120,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Chân đến Trạm y tế Vĩnh Chân		
	Đất 2 bên đường từ giáp Trạm y tế Vĩnh Chân đến ngã 3 đường rẽ đi Chính Công	80,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp ngã 3 đường rẽ đi Chính Công đến ngã 3 đường tỉnh 314 (Ngã 3 đường rẽ đi UBND xã H-ơng Xạ)	50,000	
3	**Tuyến đường huyện từ Hiền Lương- Quân Khê**		
+	Đất 2 bên đường từ giáp ngã 3 chợ Hiền Lương đến nhà ông Ngữ xã Hiền Lương	200,000	
+	Đất 2 bên đường từ giáp nhà ông Ngữ đến giáp xã Quân Khê	150,000	
+	Đất 2 bên đường từ giáp xã Hiền Lương đến ngã 3 đường rẽ đi Ao Giời - Suối Tiên	80,000	
4	**Tuyến đường huyện từ Bằng Giã đi Vô Tranh (Đê Đồng Bầu)**		
	Đất 2 bên đường từ ngã ba đường rẽ đi UBND xã Bằng Giã đến cống Ngòi Khuân xã Bằng Giã	70,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp cống Ngòi Khuân xã Bằng Giã đến hết xã Vô Tranh	60,000	
D	**ĐẤT KHU DÂN C XÃ TRUNG DU (01 XÃ VỤ CẦU)**		
	Đất 2 bên đường tỉnh 320 thuộc xã Vụ Cầu (đoạn còn lại)	80,000	
	Đất khu trung tâm (Đất 2 bên đường từ Trường Tiểu học đến hết nhà ông Dũng Huyền	120,000	
	Đất khu vực còn lại	50,000	
E	**ĐẤT KHU DÂN C CÁC XÃ MIỀN NÚI (32 XÃ, THỊ TRẤN CÓ PHỤ LỤC KÈM THEO)**		
	Đất 2 bên đường bê tông từ nhà ông Cương đến hết nhà bà Nhũ (khu 3) xã Hiền Lương	150,000	
	Đất 2 bên đường từ UBND xã Hiền Lương đến Đập Ngòi Vần (nhà bà Thanh) xã Hiền Lương	50,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp nhà bà Hợi khu 5 xã Xuân áng, đến ngã ba Quân Khê (đường rẽ Ao Trời, Suối tiến)	50,000	
	Đất 2 bên đường từ ráp Quốc lộ 32C đến Chổ cầu đường rẽ đi UBND xã Minh Côi	120,000	
	Đất 2 bên đường từ ngã 4 khu 5 (quán ông Hoà) đến hết nhà văn hoá khu 8 xã Xuân áng	50,000	
	Đất trung tâm xã (đất 2 bên đường cách trụ sở UBND xã 500m về hai bên) và đất ven 2 bên đường huyện còn lại	50,000	
	Đất khu vực gần chợ (đất hai bên đường cách chợ 200m về hai bên)	70,000	
	Đất khu vực còn lại	40,000	
	Riêng khu vực Tiến Mỹ, xã Xuân Áng và Tiến Lang, xã Quân Khê	30,000	
G	**ĐẤT Ở ĐÔ THỊ (THỊ TRẤN HẠ HÒA)**		

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đất 2 bên đường tỉnh 314 E (312 cũ) từ ngã 3 Bu Điện đến ngã 3 chợ (từ nhà ông Phợng đến đường rẽ bến đò chợ)	650,000	
	Đất 2 bên đường vào ga Ấm Thợng từ ngã 3 chợ đến Trạm Thuế (Từ giáp nhà ông Dần đến Trạm Thuế)	550,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp Trạm thuế đến khu tập thể Công an Trại Tân Lập	250,000	
	Đất 2 bên đường từ nhà ông Toản Hằng (Bến đò chợ) đến hết Bến xe khách Ấm Thợng	550,000	
	Đất 2 bên đường từ giáp Bến xe khách Ấm Thợng đến giáp xã Minh Hạc (Gần xí nghiệp chè Cúc Đạt	300,000	
	Đất 2 bên đường đi Y Sơn từ giáp nhà ông Phợng đến hết nhà ông Nghĩa	300,000	
	Đất 2 bên đường đi Y Sơn từ giáp nhà ông Nghĩa đến giáp xã Y Sơn	150,000	
	Đất 2 bên đường đi Ấm Hạ (ĐT314 E) từ kênh tiêu Lửa Việt đến đường rẽ vào Trờng THPT Hạ Hòa	400,000	
	Đất 2 bên đường đi Ấm Hạ (ĐT314 E) từ đờng rẽ vào Trờng THPT Hạ Hòa đến hết nhà bà Dung Khánh	300,000	
	Đất 2 bên đường đi Ấm Hạ (ĐT314 E) từ giáp nhà bà Dung Khánh đến ngã 3 đờng nối cầu Hạ Hòa với QL 70 (dốc ông Thành Cháy)	200,000	
	Đất 2 bên đường đi Ấm Hạ (ĐT314 E) từ giáp ngã 3 đờng nối cầu Hạ Hòa với QL 70 (dốc Thành Cháy) đến giáp xã Ấm Hạ	130,000	
	Đất 2 bên đường nối Cầu Hạ Hòa với QL 70 giáp ĐT 314E (Dốc ông Thành Cháy) đến Cầu Hạ Hòa	150,000	
	Đất 2 bên đường quy hoạch từ giáp ĐT 314 E đến nhà bà Tiến Cần	60,000	
	Đất 2 bên đường quy hoạch từ giáp nhà bà Tiến Cần đến đờng Bê tông khu 4, TT Hạ Hòa	50,000	
	Đất 2 bên đường vào trờng THPT Hạ Hòa từ giáp nhà ông Hậu đến nhà ông Hoà (phòng Giáo dục)	150,000	
	Đất 2 bên đường vào Cty giấy Lửa Việt từ nhà bà Loan Lý đến hết nhà ông Lý Kiểm	180,000	
	Đất 2 bên đường vào Cty Giấy Lửa Việt từ nhà ông Bang Y tá đến sân bóng Lửa Việt	100,000	
	Đất 2 bên đường vào Cty Giấy Lửa Việt từ nhà ông Tài đến nhà bà Thao Thả	100,000	
	Đất 2 bên đường bê tông từ nhà bà Tâm Kính đến giáp đờng tỉnh 314 E (Nhà ông Tấn Sùng)	100,000	
	Đất 2 bên đường đi Đập bờ dài từ nhà ông Kiểm đến Đập bờ dài (Ao Châu)	120,000	
	Đất 2 bên đường bê tông trớc cửa Nhà bia từ nhà ông Hoan Ba đến nhà ông Mậu	170,000	
	Đất 2 bên đường từ Trung tâm Bồi dỡng chính trị đến đờng vào trờng THPT Hạ Hòa	130,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đất 2 bên đường vào Bệnh viện Đa khoa Hạ Hòa từ giáp nhà ông Châm Thoả đến hết nhà ông Thuỵ	300,000	
	Đất 2 bên đường vào Bệnh viện Đa khoa Hạ Hòa từ giáp nhà ông Thuỵ đến cổng Bệnh viện đa khoa và từ giáp nhà ông Thuỵ đến đường sắt	180,000	
	Đất bên đường bê tông song song với đường sắt từ nhà ông Việt đến giáp đường rẽ ra nhà ông Thuỵ	170,000	
	Tuyến đường từ đường tỉnh 314E đến giáp chùa Kim Sơn	150,000	
	Đất 2 bên đường song song với đường sắt (Sau công an huyện)	100,000	
	Đất 2 bên đường từ Viện Kiểm sát, Toà án đến chợ Ấm Thượng	170,000	
	Đất 2 bên đường sau Viện Kiểm sát song song với đường sắt	170,000	
	Đất 2 bên đường bê tông từ nhà ông Hoàn đến nhà ông Đạo	80,000	
	Đất 2 bên đường vào trường THPT Hạ Hòa (Quy hoạch) từ trạm Biến áp đến đường sắt	80,000	
	Đất khu vực còn lại	80,000	
	Đất băng 2 các trục đường chính đợc tính bằng 40% giá đất của băng 1 (Nhng không thấp hơn giá đất khu vực còn lại)		
H	**Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và tại đô thị đợc tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực**		
I	**Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá đợc tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.**		

Tổng số xã, thị trấn là 33, trong đó :

1. Thị trấn (01)

Thị trấn Hạ Hòa

2. Xã Trung du (01)

Xã Vụ Cầu

3. Xã miền núi (31)

Quân Khê, Hiền Lương, Động Lâm, Lâm Lợi, Xuân Áng, Chuế Lu, Vô Tranh, Bằng Giã, Văn Lang, Minh Côi, Hậu Bổng, Liên Phương, Đan Hà, Đan Thượng, Lệnh Khanh, Phụ Khánh, Y Sơn, Minh Hạc, Lang Sơn, Mai Tùng, Vĩnh Chân, Yên Luật, Chính Công, Yên Kỳ, Hương Xạ, Cáo Điền, Phương Viên, Ấm Hạ, Gia Điền, Hà Lương, Đại Phạm

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HUYỆN PHÙ NINH NĂM 2010

ĐVT: đồng/m2

STT	DIỄN GIẢI	Giá 2010	Ghi chú
I	**ĐẤT Ở NÔNG THÔN:**		
A	**Đất khu dân c các xã Trung du**		
1	Đất thuộc trung tâm các xã, khu vực chợ.	150,000	
2	Đất hai bên đờng liên thôn, (Hoặc đờng xã, đờng huyện) ở các khu vực trung tâm đông dân c.	80,000	
3	Đất hai bên đờng liên thôn (hoặc đờng xã, đờng huyện) còn lại.	70,000	
4	Đất các khu vực dân c còn lại của các xã.	40,000	
B	**Đất khu dân c các xã miền núi**		
1	Đất khu trung tâm các xã, khu vực chợ.	150,000	
2	Đất hai bên đờng liên thôn (hoặc đờng xã, đờng huyện) ở các khu vực TT đông dân c ở.	60,000	
3	Đất hai bên đờng liên thôn (hoặc đờng xã, đờng huyện) còn lại.	50,000	
4	Đất các khu dân c còn lại của các xã.	40,000	
	ĐỜNG QUỐC LỘ VÀ ĐỜNG TỈNH		
1	Đất 2 bên đờng từ cầu Phố giáp xã Kim Đức đến hết tờng rào khu CN Đồng Lạng (giáp đờng rẽ vào khu tái định c Đồng Lạng)	2,000,000	
2	Đất hai bên đờng từ đờng rẽ vào khu tái định c số 1 giáp tờng rào KCN Đồng Lạng đến hạt giao thông 6.	1,400,000	
3	Đất hai bên đờng, đoạn từ Hạt giao thông 6 đến Cầu Móc (Đ-ờng rẽ vào UBND xã Phù Ninh).	1,100,000	
4	Đất hai bên đờng, đoạn từ Hạt giao thông 6 đến giáp thị trấn Phong Châu (Cầu Lầm).	1,100,000	
5	Đất hai bên đờng, đoạn từ Cầu Móc đến ngã ba Then và đến đỉnh dốc cao Phù Ninh hết Nhà ông Phạm Huy Toàn.	1,100,000	
6	Đất hai bên đờng, đoạn từ dốc cao Phù Ninh (Nhà ông Toàn) đến hết cầu Lầm.	1,100,000	
7	Đất hai bên đờng QLII từ giáp địa giới TT Phong Châu đến hết nhà ông Sự Điển (Công an Phú Lộc).	1,000,000	
8	Đất hai bên đờng Quốc lộ II từ giáp nhà ông Sự đến hết Nhà ông Quýnh.	750,000	
9	Đất hai bên đờng Quốc lộ II từ giáp nhà ông Quýnh đến đờng rẽ vào huyện lộ P 3 Phú Lộc - Trung Giáp - Tiên Phú	1,160,000	
10	Đất hai bên đờng Quốc lộ II từ đờng huyện lộ P 3 Phú Lộc - Trung Giáp - Tiên Phú đến hết địa phận xã Phú Lộc	650,000	
11	Đất hai bên đờng Quốc lộ II từ Cầu Quan (giáp xã Phú Hộ) đến hết nhà ông Thành Học, khu 11, xã Tiên Phú.	420,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

12	Đất hai bên đường Quốc lộ II từ giáp nhà ông Thành Học, khu 11, xã Tiên Phú đến đỉnh dốc Bò Cày (Lương thực cũ Thuộc xã Trạm thản).	350,000	
13	Đất hai bên đường Quốc lộ II từ dốc Bò cày(Lương thực cũ xã Trạm Thản) đến cách ngã ba Trạm Thản 100m.	300,000	
14	Đất hai bên đường cách ngã ba Trạm Thản 100m về phía đi Việt Trì và 100m phía đi Đoan Hùng.	350,000	
15	Đoạn cách từ ngã ba Trạm Thản 100m đến cầu Trót đi Đoan Hùng.	250,000	
16	Đoạn còn lại từ cầu Trót đến hết địa phận xã Trạm Thản.	250,000	
	ĐỜNG TỈNH		
A	**Đường 325B(Từ ngã ba Phù lỗ đi Tiên Kiên Lâm Thao)(310cũ)**		
1	Đất hai bên đường, đoạn từ ngã ba Phù Lỗ đến đường rẽ vào Đền Mẫu Âu cơ	600,000	
2	Đất hai bên đường, đoạn từ đường rẽ đi vào Đền Mẫu Âu cơ đến hết địa phận Thị trấn Phong Châu.	400,000	
B	**Đường 323C từ giáp QLII đi Phà Then (307 cũ)**		
1	Đất hai bên đường từ giáp QLII đến quán ông Tầm giáp đường bê tông rẽ vào UBND xã Phù Ninh.	230,000	
2	Đất hai bên đường từ đường bê tông rẽ vào UBND xã Phù Ninh đến cách ngã ba chợ An Đạo 50m.	150,000	
3	Đất hai bên đường từ cách ngã ba chợ An Đạo 50m qua đường rẽ vào UBND xã An Đạo 200m.	350,000	
4	Đất hai bên đơng từ cách đường rẽ vào UBND xã An Đạo 200 m đến phà Then.	200,000	
C	**Các đường khác:**		
1	Đất hai bên đường, đoạn ngã ba Trạm Thản đi Liên Hoa đến hết nhà ông Thân	100,000	
2	Đất hai bên đường từ QLII đến hết Bệnh viện Phụ sản tỉnh Phú Thọ.	300,000	
3	Đoạn từ ngã ba chợ An Đạo ra cảng An Đạo 150m (qua cổng chợ An Đạo)	350,000	
4	Đoạn từ giáp quốc lộ II qua nhà ông Quế thuộc địa phận xã Phù Ninh đến giáp thị trấn Phong Châu	600,000	
D	**Đường tỉnh 323D (326cũ)**		
1	Đất hai bên đường từ Quốc lộ II đi Bảo Thanh đến cây đa.	200,000	
2	Đất hai bên đường từ Quốc lộ II đi Phú Nham đến hết Ngân hàng cũ.	200,000	
II	**ĐẤT Ở ĐÔ THỊ**		
A	**Đất Thị trấn Phong Châu:**		
1	Đất hai bên đường, (Đường Nam) từ Ngân hàng công thơng Đền Hùng đến cổng Công ty Giấy Bãi Bằng.	2,500,000	
B	**Đường Quốc lộ II:**		
1	Đất hai bên đường, đoạn từ cổng Khách sạn Bãi bằng đến hết nhà ông Hùng Tam.	2,200,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

2	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp nhà ông Hùng Tam đến đường rẽ vào cổng UBND thị trấn Phong Châu	2,500,000	
3	Đất hai bên đường, đoạn từ đường rẽ vào cổng UBND thị trấn Phong Châu đến hết nhà bà Thiết (đường rẽ vào khu Nam Tiến).	2,200,000	
4	Đất hai bên đường từ giáp đất xã Phù Ninh (khu vực Cầu Lầm) đến cổng Khách sạn Bãi Bằng.	1,500,000	
5	Đất hai bên đường từ giáp nhà bà Thiết đến ngã ba Lắp máy (Đường rẽ đi cổng bắc).	1,100,000	
6	Đất hai bên đường, đoạn từ ngã ba Lắp máy đến hết địa giới Thị trấn Phong Châu.	900,000	
C	**Các trục đường chính giáp Thị trấn Phong châu: Đoạn đường cảng từ giáp Thị trấn Phong châu đến đất xã An Đạo (Cổng Cảng nguyên liệu),đoạn từ giáp Thị trấn Phong Châu đến đất xã Phú Nham (Cổng bắc Công ty Giấy) và các đoạn đường trục chính khác tương đương ở giáp thị trấn Phong Châu.**	200,000	
D	**Đường khác**		
1	Đất hai bên đường, đoạn từ cổng chính Công ty Giấy đi khu Tầm Vông, qua đường rẽ sang khu Mã Thượng đến giáp đường ra Cảng, phía phải đến nhà Căn Lê, phía trái đến đường rẽ vào HTX phèn Hng Long.	600,000	
2	Đường trục chính từ giáp cổng chính Công ty Giấy đi khu Nam Tiến.	300,000	
3	Đường trục chính từ giáp cổng chính Công ty Giấy hết phần giải nhựa		
4	Đường trục chính từ giáp cổng chính Công ty Giấy còn lại đường đất ra cổng Bắc giáp nhà bà Thảo.	180,000	
5	Đường trục chính còn lại khu Nam Tiến đến cổng Bắc giáp nhà bà Thảo.	200,000	
6	Đất hai bên đường, đoạn từ nhà khách Công ty Giấy qua cổng trường đào tạo đến giáp quốc lộ II.	1,000,000	
7	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp Quốc lộ II (Giáp nhà ông Tâm Thanh) đến bệnh xá Công ty Giấy.	600,000	
8	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp Quốc lộ II (Giáp nhà ông Tiến vôi) đến hết nhà thi đấu Công ty Giấy.	600,000	
9	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp nhà ông Cao Kỳ đến hết nhà ông Triệu Vương Hà.	800,000	
10	Đất hai bên đường, đoạn từ Ngã ba Lắp máy đến cổng bắc Công ty Giấy (Hết địa phận Thị trấn Phong Châu).	600,000	
11	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp QLII (Ngã ba thương nghiệp cũ) qua khu TT giáo dục thường xuyên huyện đến giáp đường nam	500,000	
12	Đất hai bên đường, đoạn từ QLII (gần cổng UBND huyện) đến hết nhà ông Sáng Mùi.	800,000	
13	Đất hai bên đường, đoạn từ ngã ba Phù Lỗ đến nhà trẻ Phù Lỗ.	400,000	
14	Đất hai bên đường, đoạn từ nhà trẻ Phù Lỗ đến giáp đường ống.	200,000	
15	Đất hai bên đường, đoạn từ nhà ông Căn Lê (đường ra Cảng) đến hết địa phận Thị trấn Phong Châu.	400,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

16	Đường trục chính còn lại khu Mã Thợng, Đồng Giao, Núi Trang, Bãi Thơi, Đường Nam, Núi miếu, Tầm vông (rải nhựa, có đèn đ-ường), và đường trục chính các khu khác.	300,000	
17	Đất còn lại của các ngõ ở trung tâm Thị trấn và gần trung tâm (thuộc các khu phi nông nghiệp).	150,000	
18	Đất còn lại của các ngõ và các đường còn lại ở xa trung tâm thị trấn Phong Châu (thuộc các khu nông nghiệp).	150,000	
19	Đất còn lại của các ngõ và các đường còn lại ở xa trung tâm thị trấn (Khu 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10 Nam Tiến, Núi Voi, Rừng Mận, Đá Thời, Công Tám).	80,000	
20	Đất ven đường tỉnh lộ còn lại và đường chiến thắng Sông lô	150,000	
VI	**Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và tại đô thị đợc tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.**		
VII	**Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá đợc tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.**		

Tổng số xã, thị trấn là 19, trong đó:

1 **Xã Trung du (03):**

Vĩnh Phú, Tử Đà, Bình Bộ.

2 **Xã Miền núi (15):**

Phù Ninh, An Đạo, Tiên Du, Phú Nham, Phú Lộc, Tiên Phú, Hạ Giáp, Trung Giáp, Bảo Thanh, Gia Thanh, Trị Quận, Trạm Thản, Liên Hoa, Phú Mỹ, Lệ Mỹ,

3 **Thị trấn (1):**

Thị trấn Phong Châu.

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP THỊ XÃ PHÚ THỌ NĂM 2010

ĐVT: đồng/m2

STT	DIỄN GIẢI	Giá 2010	Ghi chú
I	**ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**		
1	**XÃ VĂN LUNG**		
a	**Đường Tỉnh lộ 315**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền từ cầu Quảng đến hết nhà ông Sơn Ngân	1,000,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền từ nhà bà Linh Sang đến đường rẽ khu 1	1,000,000	
	Đất hai bên mặt tiền đường rẽ khu1 đến giáp nhà Ô.Trường khu 4	800,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đất từ nhà ô.Trường đến nhà bà Yến	1,000,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đất từ nhà bà Yến đến Nghĩa Trang KM4	1,000,000	
	Đất các hộ 2 bên mặt tiền từ đường vào nghĩa trang Km4 đến Cầu Dóc	600,000	
b	**Đường ĐH7**		
	Đất các hộ 2 bên mặt tiền từ TL315 đến hết nhà ô.Tằng khu 3	200,000	
	Đất các hộ 2 bên mặt tiền từ nhà ô.Hiền khu 3 đến đường rẽ đi Đông Thành	150,000	
	Đất các hộ 2 bên mặt tiền từ nhà Ông Sảo khu 5 đến Tỉnh lộ 315	200,000	
c	**Đất 2 bên đường bê tông liên thôn, xã**	100,000	
d	**Đất các khu vực còn lại của xã**	70,000	
e	**Đất băng hai đường Tỉnh lộ 315B**	150,000	
2	**XÃ HÀ THẠCH**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền TL315B (Giáp T.thịnh đến Bến Phà Ngọc Tháp)	600,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền TL320B (Bến phà Ngọc Tháp) đến ga xép	550,000	
	Đất 2 bên mặt tiền đường 320B cống Bờ Rúc đi Gò Gai hết địa giới Hà Thạch	250,000	
	Đất trong khu tái định c Cầu Ngọc Tháp	200,000	
	Đất băng 2 hai bên đường 320B từ ga xép đi Gò Gai đến hết địa giới xã Hà Thạch	100,000	
	Đất trong khu tái định c Gò Mít dự án Đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai	200,000	
	Đất băng 2 bên đường 315B từ bến phà đi phường Trường Thịnh	200,000	
	Đường ống từ giáp đường TL 320B đi Xuân Lũng Bãi Bằng giáp xã Xuân Lũng hết địa giới xã Hà Thạch	100,000	
	Đường trục xã từ dốc nhà Ô. Đức Điều đi đến nhà Ô. Huyên	500000	
	Đường trục xã nhà ông Huyên đi Xuân Lũng	250,000	
	Đường từ nhà Ô. Uý khu 6 đi UBND xã đến nhà Ô. Huyên khu 5	150,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ Ga xép đi Xuân Huy (hết địa phận Hà Thạch)	400,000	
	Đất băng 2 hai bên đờng TL320B từ ga xép đi Xuân Huy(hết địa phận Hà Thạch)	100,000	
	Đất băng 2 đờng trục xã Hà Thạch (trong khu quy hoạch trung tâm xã)	300000	
	Đờng Hà Thạch đi Phú Hộ hai bên mặt tiền	150,000	
	Đờng bê tông liên thôn, xã	100,000	
	Đất các khu vực còn lại	70,000	
3	**XÃ THANH VINH**		
a	**Đất mặt đờng TL 320**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền	1,500,000	
b	**Đất mặt đờng TL 320C**		
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ giáp Đông Thành đến giáp đờng rẽ đi Chiêu ứng	250,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ đờng rẽ đi Chiêu ứng đến TL 320	700,000	
	Đất 2 bên mặt tiền đờng từ khu 1Thanh Vinh đi khu 1 Phờng Tr-ờng Thịnh	300,000	
	Đất 2 bên mặt tiền đờng từ khu 4 Thanh Vinh đi Khu 3 Phờng Trờng Thịnh	500,000	
	Đất 2 bên mặt tiền đờng từ TL 320 khu 6 rẽ đi sân bay	1,500,000	
	Đất các hộ dân khu quy hoạch dân c băng 2 Tơ Tằm	250,000	
	Đất băng 2 khu trung tâm xã	250,000	
c	**Đất các khu vực còn lại của xã**	70,000	
	Đất băng 2 đờng TL 320 khu 6 rẽ đi sân bay	500000	
	Đất hai bên mặt tiền từ TL 320 đến cổng nhà máy Thanh Hà	150,000	
4	**XÃ HÀ LỘC**		
a	**Dọc theo tỉnh lộ 315B**		
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ Cầu Dóc đến Cầu Thia	800,000	
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ đầu Cầu Thia đến hết địa phận Hà Lộc	600,000	
b	**Dọc theo tỉnh lộ 314**		
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ ngã 3km5 đến đầu Cầu Vân Thia	800,000	
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ cầu VânThia đến hết địa phận Hà Lộc	300,000	
	Đất còn lại trong khu tái định c dự án Đờng Cao tốc Nội Bài-Lào Cai	300,000	
c	**Dọc theo đờng ĐH4**		
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ nhà Bà Hải khu 3 đến đầu cầu Đát khu 10	150,000	
	Từ cầu Đát khu 10 đến đầu nhánh rẽ đi Hà Thạch(TL320B) và Trờng Thịnh(ngã ba)	100,000	
	Đất trong khu quy hoạch tái định c Rừng Miễu dự án TĐC đờng Cao tốc Nội Bài- Lào Cai và 35 M	300,000	
	Đoạn từ nhánh rẽ đi Phờng Trờng Thịnh	150,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đoạn nhánh rẽ từ nhà ông Tân khu 12 đến đờng Tỉnh 320 B		
d	**Các đoạn khác**		
	Đất hai bên mặt tiền đờng liên thôn từ cuối băng 1 đờng tỉnh 315B (nhà bà Liên khu 2)đến nhà ông Sinh Soi (Nhà Thờ Xuân Sơn)	150,000	
	Dọc 2 bên đờng liên thôn đoạn từ nhà Ô. Sinh soi đến cổng nhà Ô. Hùng khu 1 (Ngã ba)	100,000	
	Dọc 2 bên đờng liên thôn từ nhà Ô Hùng khu 7 đến Cầu Bà Đỉa	150,000	
	Đất trong các khu TDC Ao ông Điển, Ao Sen, Rừng Lá Nâng Cao	300,000	
	Đất hai bên đờng liên thôn	100,000	
	Đoan tiếp giáp từ đờng TL 315B vào cổng Trờng Dân tộc nội trú	200,000	
	Đất 2 bên mặt tiền đờng vào trờng TH Cơ điện NLN Phú Thọ	200,000	
	Đất băng 2 đờng TL 315B	150,000	
	Đất hai bên mặt tiền đờng bê tông rộng trên 3m tại khu 15 (Gần khu địa chất)	100,000	
e	**Đất các khu vực còn lại của xã**	70,000	
5	**XÃ PHÚ HỘ**		
a	**Đờng Quốc lộ II**		
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ giáp xã Phú Lộc đến nhà Bà Hiền Ngãi	350,000	
	Đất từ nhà Bà Hải Hằng đi Cầu Khắc khu 4	450,000	
	Đất 2 bên mặt tiền đoạn từ nhà Cầu Khắc khu 4 đến nhà Bà Hà khu 13	550,000	
	Đất 2 bên mặt tiền đoạn từ nhà bà Tuyên Thụ(khu 13)đến cổng Viện KHNLNMN phía Bắc	900,000	
	Đất hai bên mặt tiền từ Viện KH NLN MN Phía Bắc đến đờng rẽ đi Trung Giáp	700,000	
	Đất 2 bên mặt tiền từ đờng rẽ Trung Giáp đến Cầu Quan	550,000	
b	**Đờng TL 315B**		
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ nhà bà Lê .T.Thuý đến hết nhà bà Hiền L	600,000	
	Đất 2 bên mặt tiền đoạn từ giáp nhà bà Hiền L đến Cầu Ông Xi giáp Hà Lộc	500,000	
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ nhà ô. Lê Văn Hồng khu 19 đi Cầu Quan	250,000	
b	**Đờng huyện lộ, thị lộ.**		
	Đất hai bên mặt tiền từ nhà Ô.Y đến đờng rẽ nhà văn hoá khu 4	300,000	
	Đất 2 bên mặt tiền từ đờng rẽ nhà VH khu 4 đến giáp Hà Thạch	250,000	
	Đất từ đờng rẽ đi Trung Giáp đến hết địa phận xã Phú Hộ	250,000	
	Đất 2 bên mặt tiền đờng Trung tâm xã đi kho KV2 (Đoạn nằm trong khu quy hoạch chi tiết trung tâm xã Phú Hộ)	800,000	
	Đất 2 bên mặt tiền đờng Trung tâm xã đi kho KV2 (Đoạn nằm còn lại)	250,000	
	Đất 2 bên mặt tiền đờng Z121 đi Trung tâm giáo dục thờng xuyên	250,000	
d	**Đờng liên xã, các đờng nhánh**		

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đất hai bên mặt tiền các đường liên xã từ 3m trở lên	150,000	
	Đất thuộc trung tâm xã, khu C.ty Z21	100,000	
	Đất hai bên mặt tiền đường Đồng Giò đi Trung Giáp	150,000	
	Đất hai bên mặt tiền từ nhà Ô. Thể (khu 4) đến giáp xã Hà Thạch	150,000	
	Đất hai bên mặt tiền đường Khu 3 đi khu 10 đến nhà Ông Bảng Tâm (QLII)	150,000	
	Đất nằm trong khu tái định c Phú Cường	200,000	
e	**Đất các khu vực còn lại của xã**	70,000	
6	**XÃ THANH MINH**		
a	**Đất 2 bên mặt tiền đường 320**	1,500,000	
b	**Các đoạn khác**		
	Đoạn từ cổng Trường Cao Đẳng Ytế đến nhà Ô. Lạng	1,000,000	
	Từ giáp nhà ông Lạng đến hết đất Thanh Minh(đi Lương Lỗ)	300,000	
	Đường rẽ khu 1A,1B đi Thanh Vinh	1,500,000	
	Đoạn từ nhà Ô.Kết đến trụ sở UBND xã	700,000	
	Đất hai bên mặt tiền từ Cống Sấu đi Đỗ Sơn	600,000	
	Đất ven theo các tuyến đường ngõ khu vực Thanh Lâu-Thanh Minh	100,000	
	Đất ven theo các tuyến đường ngõ khu vực Hạ mạo-Thanh Minh	150,000	
	Các tuyến đường liên thôn	100,000	
	Đất các khu vực còn lại	70,000	
c	**Băng 2 đường tỉnh lộ 320**	500,000	
	Băng 2 khu Đồng Ao Đình	200,000	
	Băng 2 đường rẽ từ 1A+1B Thanh Vinh	500,000	
II	**ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ**		
1	**PHƯỜNG HÙNG VƯƠNG**		
a	**Đường tỉnh lộ 315 (cũ 315B)**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ cổng UBND phường đến ngã t chợ	3,000,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ ngã t chợ Phường đến XN đ-ường bộ	1,700,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ Cầu Trắng đến cổng CN điện Phú thọ	1,300,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền trong ngõ1,2 tổ 23 phố Tân Thành	500,000	
b	**Đường Tân Thành .**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ Cầu Trắng đến nhà số 8	1,000,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền trong các ngõ	200,000	
c	**Đường TL 320**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ ngã t 27/7 đến nhà Bà Luyện	2,300,000	
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ nhà Bà Hằng Quốc đến cổng trường bồi dỡng giáo viên	2,000,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ cổng trường bồi dỡng giáo viên đến số nhà 203	1,500,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 1 phố Tân Lập từ nhà số 2 đến	500,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	số 6		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 phố Tân Lập từ nhà số 2 đến số 18	350,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 3 phố Tân Lập từ nhà số 36 đến số 12	250,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 4 phố Tân Lập từ nhà số 2 đến số 20	200,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 5 phố Tân Lập từ nhà số 2 đến số 20	150,000	
d	**Đường Nhà Dần**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường nhà dần	800,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 phố Long Xuyên từ nhà số 2 đến 10	200,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 3 Phố Long Xuyên (giáp đường sắt)	200,000	
e	**Đường Đoàn Kết**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Đoàn kết	500,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 1 phố Đoàn Kết từ nhà số 3 đến số 33	250,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 3 phố Đoàn Kết	200,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 phố Đoàn Kết từ nhà số 2 đến số 16	200,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền các hộ bên hành lang đường sắt	100,000	
g	**Đường Tân An**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền (từ ngã 3 CA cũ đến thôn Liêm)	800,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền các hộ từ nhà văn hoá Tân An theo tường rào XN 27/7	300,000	
	đến nhà số 19 và tổ 7 phố Tân An		
	Đất các hộ thuộc khu vực trường công an cũ	250,000	
h	**Đường Tân Trung**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền (từ 27/7 đến nhà đa năng trường ĐH H. Vương)	1,500,000	
	Đất các hộ dân c mới QH cạnh trường P.Châu	1,000,000	
i	**Đường Sa Đéc**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ ngã t chợ Phường đến tháp n-ớc	1,200,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ tháp nớc qua tổ 15 phố SaĐéc đến cổng trường SaĐéc	800,000	
	Đất các hộ mặt tiền nhà Thanh Quý đến nhà Ô. Thọ	350,000	
	Đất các hộ băng 2,3 khu quy hoạch mới cho CB giáo viên Đại Học Hùng Vương	400,000	
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ Cổng Trường Tiểu học Hùng Vương đến Đường Sắt	400,000	
	Đất các hộ mặt tiền đường tháp nớc từ số nhà 04 đến số nhà 16	300,000	
	Đất thuộc khu tập thể cũ từ số nhà 64 đến số nhà 50	300,000	
	Đất từ số nhà 08 đến số nhà 24	250,000	
	Đất từ số nhà 24 đến số nhà 06	250,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đất từ số nhà 38 đến số nhà 26	250,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ thể thao từ số nhà 04 đến số nhà 09	350,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ truyền thanh từ nhà số 01 đến số nhà 54	250,000	
	Đất khu tập thể đồng bộ thuộc Phố Tân An	300,000	
	Đất băng 2,3 khu quy hoạch 27/7	500,000	
k	Đất các khu vực còn lại của phòng	100,000	
2	**PHỜNG ÂU CƠ**		
a	**Đờng tháng 8 và Bạch Đằng**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ gốc cây đa lịch sử qua CA Thị ra bờ sông	3,000,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn đờng Bãi Chạp	1,200,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn đờng từ bến xe khách đến hết hiệu sách Thị xã	2,000,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn đờng từ CN điện đến hết gốc đa lịch sử	2,500,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ Giếng Đình	400,000	
b	**Các đờng khác**		
	Hai bên mặt tiền đoạn từ Đài truyền thanh đến Phòng công chứng số 2	1,700,000	
	Đất 2bên mặt tiền đoạn từ gốc cây đa lịch sử qua ngã t gốc quéo đến hết BV đa khoa	2,500,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ ngã t gốc quéo đến trờng Trần Phú	2,000,000	
	Đất 2bên mặt tiền đờng Nguyễn Du từ chi nhánh điện đến hết hiệu sách thị xã	2,000,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ bến ôtô đến chi nhánh điện	2,500,000	
	Đất 3 bên mặt tiền đờng Lê Đồng đoạn từ rạp chiếu bóng đến th viện cũ, đờng S. Hồng từ T.Viện cũ đến chợ Mè	2,000,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đờng Ngô Quyền	2,500,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đờng Cao Du	1,500,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ Bách hoá đến cột 3F	700,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 Tân Phú, ngõ 3 Tân Hng, ngõ 4 Tân Phú	600,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 3 Nguyễn Trãi, ngõ lơng thực, ngõ Cao trung	600,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 1 Bạch Đằng	700,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ Giếng Chanh	1,000,000	
	Đất hai bên mặt tiền Ngõ 4 Tân Hng,Ngõ Tân Phú, Ngõ1 tổ 28 Lê Đồng, ngõ Giếng Cao,Ngõ tổ 8 Nguyễn Trãi	300,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đờng Nguyễn Khuyến	1,200,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ chợ phờng Âu Cơ đến rạp chiếu bóng	1,500,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn Đền Đõm(từ nhà Ô.Lu đến cổng may điện cũ)	1,200,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đờng Tháng 8 đoạn trờng Trần Phú	1,500,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	đến Thị Đội		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ đồng ao Viên, ngõ 2 Nguyễn Du	600,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền ngõ 2 Nguyễn Du	400000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 Tân Phú đến cột 3D, ngõ 8/3 đến cột 3c	300,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 Quang Trung, ngõ 4 Quang Trung, ngõ 5 Tân Hng	300,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đồng Nhật Tân	700,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đồng Tân Minh	200,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ao Bà Y	2,000,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đồng Hoà Bình	1,000,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đồng Tân Bình	250,000	
	Đất các hộ mặt tiền ngõ 1-Lê Đồng, Ngõ 3-Lê Đồng, Ngõ Trần Phú, Ngõ 5 Quang Trung,	300,000	
	Ngõ 6 Tân Hng		
	Đất băng 2,3 khu khu tập thể Bệnh viện Đa khoa	250,000	
	Đất trong khu quy hoạch chi tiết sau trờng Trân Phú	1,000,000	
c	**Khu đất còn lại**	100,000	
	Ngõ Th viện cũ	200,000	
	Đát hai bên mặt tiền đờng Đền Đõm(Từ côngả may điện cũ đén hết đờng nhựa)	300,000	
	Ngõ 1, Ngõ 2, Ngõ 5 Hoà Bình, Ngõ 1 Nguyễn Khuyến, Ngõ Xóm Mận, Ngõ 2,7 và 8 NT	250,000	
	Đất hai bên mặt tiền đờng Tháng tám đoạn từ Thị đội đi Thanh Vinh	1,000,000	
	Các ngõ còn lại của phố Tân Minh, Tân Bình	200,000	
	Đất hai bên mặt tiền đờng bê tông phố Lê Lợi	200,000	
3	**PHỜNG PHONG CHÂU**		
a	**Đờng Bạch Đằng**		
	Đất từ bến xe đến CATX	2,000,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đờng Bạch Đằng (Từ CATX ra bờ sông)	3,000,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đất ở ngõ tổ 12 (Sau nhà Ô. Quang bí th)	360,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đất ngõ giếng cóc (chia làm 2 đoạn):		
	Đoạn 1: Từ số nhà 27 đến số nhà 04	650,000	
	Đoạn 2: Từ số nhà 06 đến số nhà 20	360,000	
b	**Đờng Tháng Tám**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn 1:Từ nhà ông Ninh đến C.ty DV-MT-ĐT	2,000,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ nhà ông Hồng đến nhà ông Ninh	3,000,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ C.ty DV - MT- ĐT đến Toà án	1,000,000	

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

c	**Đường Phố bình, Phú Thịnh**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền	3,600,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiềnNgõ số 5 phố Phú Thịnh	360,000	
d	**Đường Nguyễn Du**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền	2,000,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền các hộ đường bê tông tổ 13 phố Phú An	650,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền các hộ ngõ 1,2 ngõ tổ 13 ngõ nhà thờ Phố Phú An	360,000	
e	**Đường phố Phú Bình, phố Thịnh**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn 1: Từ số nhà 73 đến số nhà 39	1,600,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn 2: Từ số nhà 43 đến số nhà 96	900,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn 3: Từ số nhà 46 đến số nhà 82	700,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền ngõ Đền xóm Sở từ số nhà 02 đến nhà số 28	700,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền ngõ tổ 8B, ngõ tổ 5, tổ 6, tổ 7	360,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền ngõ tổ 8A ông Sơn	290,000	
g	**Đường phố Phú Hà**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền (từ Cty may ra bờ sông)	1,500,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ tổ 3 Phú Hà từ số nhà 47 đến 57 và	430,000	
	từ nhà Ô. Cường đến nhà Ô. Bắc		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ bê tông tổ 9 Phú Bình	360,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ trạm y tế phường	430,000	
h	**Đường phố Phú An**		
	Đất hai mặt tiền từ NHCT đến Trường mầm non Phong Châu	2,000,000	
I	**Đường TL 315**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền	1,700,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ tổ 14B Phú An	360,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ toàn bộ tổ 15,16 phố Phú An	130,000	
k	**Đường Sông Hồng**		
	Đất các hộ mặt đường	2,000,000	
l	**Đường phố mới Phú Hà tổ 2A và 2B**		
	Đất các hộ mặt đường phố mới tổ 2A,2B	1,500,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ 03 Phú Hà		
	Từ số nhà 33 đến số nhà 01	360,000	
	Từ số nhà 28 đến số nhà 10	290,000	
	Từ số nhà 11 đến số nhà 13	290,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền các hộ đường bê tông tổ 14 phố Phú An	1,000,000	
m	**Khu đất còn lại**	100,000	
	Đất băng 2 đường phố Phú Hà	1,200,000	
4	**PHỜNG TRỜNG THỊNH**		
a	**Đường TL 315B**		

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đất hai bên mặt tiền TL 315B từ cầu Quảng đến giáp Phường Hùng Vương	1,700,000	
	Đoạn từ kênh phú lợi đến Ga Phú Thọ	1,000,000	
	Đất khu vực còn lại (đất băng 2 đờng TL 315B):		
	Đoạn từ Cây xăng đến giáp Lô Than	200,000	
	Đoạn từ Giáp Phờng Hùng Vơng đến Cầu Quảng	300,000	
b	**Đờng nội thị**		
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ven đờng Bệnh viện đi trờng Y	2,000,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn giáp trờng Dân lập đến xã Thanh Vinh	1,500,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ trụ sở UBND phờng vào xóm Cao Bang	200,000	
	Đất khu 1 giáp Thanh Vinh	100,000	
	Đất còn lại của khu 2	200,000	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ trờng TH Trờng Thịnh đến Cơ Khí Phú thọ	300,000	
	Đất các ngõ còn lại của khu 3	200,000	
	Khu gò sỏi phía nam ga Phú thọ	250,000	
	Toàn bộ khu dân c thôn Phú Lợi	150,000	
	Đất hai bên mặt tiền từ Trờng TH Trờng Thịnh đến nhà Ông Đăng	250,000	
	Đất khu quy hoạch dân c Lò Giác	500,000	
	Các hộ 2 bên mặt tiền khu Cầu Quảng đi khu 1	1,000,000	
	Đất khu 3 cây tháp	300,000	
	Đất các hộ 2 bên mặt tiền đờng khu 1 đi Thanh Vinh	500,000	
	Đất các hộ 2 bên mặt tiền đờng khu 3 đi Thanh Vinh	500,000	
	Đất các khu vực còn lại của Phờng Trờng Thịnh	100,000	
III	**Đất Sản xuất , Kinh doanh phi nông nghiệp thuộc vị trí tính bằng 80% theo đất ở thì tính theo giá đó.**		
IV	**Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng , an ninh ; đất sử dụng vào các mục đích công cộng:**		
	Nếu chỉ liền kề 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó;		
	Nếu liền kề với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất;		

Tổng số xã, phường là 10, trong đó:

1 **Phờng (4)**
Phờng Hùng vơng; Phờng Âu cơ ; Phờng Phong châu; Phờng Trờng thịnh;

2 **Xã Trung du (4)**
xã Văn lung; xã Hà lộc; xã Thanh minh; xã Thanh vinh;

3 **Xã Miền núi (2)**
xã Hà Thạch; xã Phú Hộ;